Sở GD&ĐT TP Đà Nẵng
Trường THPT Đỗ Đăng Tuyển
Tổ: Ngữ văn, KHGD 10
GV: Đoàn Thị Bích Hà
Ngày soạn: 6/11/2026
Thời gian thực hiện: Tuần 12,13,14,15(Tiết 36-43)
Lớp dạy: 10/5, 10/1, 10/10

BÀI 4: SỨC SỐNG CỦA SỬ THI

A. NỘI DUNG VÀ THỜI LƯỢNG THỰC HIỆN

I. CÁC NỘI DUNG CẦN THỰC HIỆN:

1. Đọc:

- Đọc – hiểu các văn bản:

VB 1: Héc – to từ biệt Ăng – đrô – mác (Trích *I-li-át*) – Hô-me-rơ

VB 2: Đăm Săn đi bắt Nữ Thần Mặt Trời (Trích *Đăm Săn*) – Sử thi Ê-đê

- Thực hành đọc: *Ra-ma buộc tội* (Trích *Ra-ma-ya-na*) – Van-mi-ki

2. Thực hành tiếng Việt: Sử dụng trích dẫn, cước chú và cách đánh dấu phần bị tỉnh lược trong văn bản

3. Viết: Viết báo cáo nghiên cứu về một vấn đề

4. Nói và nghe: Trình bày báo cáo kết quả nghiên cứu về một vấn đề

II. THỜI LƯỢNG THỰC HIỆN: 9 tiết – KHGD

B. MỤC TIÊU KHI XÂY DỰNG CHỦ ĐỀ BÀI HỌC

I. NĂNG LỰC	
Năng lực chung	Năng lực tự chủ và tự học; năng lực tư duy phản biện; năng lực giải quyết vấn đề; năng lực sáng tạo.
Năng lực đặc thù	*Năng lực ngôn ngữ (*đọc – viết – nói và nghe*); năng lực văn học.* **- HS biết cách đọc hiểu một văn bản nghị luận:** + Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của sử thi: không gian, thời gian, cốt truyện, nhân vật, lời người kể chuyện và lời nhân vật. + Biết nhận xét nội dung bao quát của văn bản; biết phân tích các chi tiết tiêu biểu, đề tài, câu chuyện, nhân vật và mối quan hệ giữa chúng; nêu được ý nghĩa tác phẩm văn học đối với người đọc. **- HS biết liên hệ, so sánh, kết nối:** + Nhận biết và phân tích được bối cảnh lịch sử hoặc bối cảnh văn hoá, xã hội + Nêu được ý nghĩa hay tác động của văn bản đối với quan niệm sống của bản thân. **- HS biết cách vận dụng** các kiến thức về những yêu cầu sử dụng tiếng Việt để giải quyết các bài tập thực hành về tiếng Việt: Hiểu được cách đánh dấu phần bị tỉnh lược trong văn bản, cách chú thích trích dẫn và ghi cước chú. **- HS viết được** báo cáo nghiên cứu về một vấn đề có sử dụng trích dẫn, cước chú; có hiểu biết về quyền sở hữu trí tuệ và tránh đạo văn.

	- HS biết trình bày báo cáo kết quả nghiên cứu về một vấn đề; **biết nghe và đánh giá** nội dung thuyết trình của bạn. *Tích hợp năng lực số và AI 1.2.NC1a:HS kiểm chứng và đánh giá tính học thuật, độ tin cậy của các nguồn số (bài báo, nghiên cứu, sách điện tử) và xây dựng bài nghiên cứu thuyết trình. 2.1.NC1b:HS trình bày quan điểm một cách hiệu quả bằng cách sử dụng các công cụ/phương tiện công nghệ số (ví dụ: PowerPoint, Canva). 4.4.NC1a:HS giao tiếp và ứng xử có văn hóa, tôn trọng và có trách nhiệm khi sử dụng các công cụ số để trình bày và đối thoại.
II. PHẨM CHẤT Biết trân trọng những giá trị tinh thần to lớn được thể hiện trong những sáng tác ngôn từ thời cổ đại còn truyền đến nay.	

C. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên

- Sưu tầm tài liệu, lập kế hoạch dạy học .
- Thiết kế bài giảng điện tử.
- Phương tiện và học liệu:

+ Các phương tiện : Máy vi tính, máy chiếu đa năng...
+ Học liệu: Bản đồ nước Hy Lạp thời cổ đại, bản đồ khu vực văn hoá Tây Nguyên.
+ Ảnh chụp, video các tác phẩm nghệ thuật tạo hình, trích đoạn điện ảnh nổi tiếng lấy cảm hứng từ sử thi.

+ Phiếu học tập: Sử dụng các phiếu học tập trong dạy học đọc, viết, nói và nghe.
+ Bảng kiểm đánh giá.
+ Rubric đánh giá.

2. Học sinh.

- Đọc phần Tri Thức Ngữ Văn và chuẩn bị bài theo các câu hỏi trong SGK.
- Đọc kĩ phần **yêu cầu, định hướng** trong nội dung Viết, Nói và nghe và thực hành bài tập SGK.

D. TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC

ĐỌC HIỂU VĂN BẢN

Tiết 36,37

VĂN BẢN 1: HÉC-TO TỪ BIỆT ĂNG-ĐRÔ-MÁC

(Trích *I-li-át*) Hô-me-rơ

I. MỤC TIÊU

1. Năng lực

a. Năng lực chung:

-Tự chủ và tự học: Tự quyết định cách giải quyết vấn đề học tập, tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, giải quyết vấn đề học tập của bản thân và các bạn**.**

- Giao tiếp và hợp tác: Tăng cường khả năng trình bày, diễn đạt ý kiến, ý tưởng trước lớp, tổ nhóm học tập, tương tác tích cực với các bạn trong tổ nhóm, khi thực hiện nhiệm vụ hợp tác.

- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Chủ động đề ra kế hoạch học tập, thực hiện nhiệm vụ học tập cá nhân và nhóm học tập, xử lí linh hoạt sáng tạo các tình huống phát sinh khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

b. Năng lực cốt lõi: Đọc

Đọc hiểu nội dung

- Hiểu được đặc sắc của văn hoá Hy Lạp cổ đại qua sử thi *I-li-át*. Biết nhận xét nội dung bao quát của văn bản; biết phân tích các chi tiết tiêu biểu, đề tài, câu chuyện, nhân vật và mối quan hệ của chúng trong tính chỉnh thể của tác phẩm.
- Phân tích và đánh giá được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc thông qua hình thức nghệ thuật của văn bản; phân tích được một số căn cứ để xác định chủ đề.
- Phân tích và đánh giá được tình cảm, cảm xúc, cảm hứng chủ đạo mà người viết thể hiện qua văn bản. Phát hiện được các giá trị đạo đức, văn hoá từ văn bản.
- Hiểu được ảnh hưởng của sử thi *I-li-át* trong văn hoá của nhân loại và ý nghĩa, giá trị của sử thi đối với đời sống đương đại.

Đọc hiểu hình thức

- Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của sử thi như: không gian, thời gian, cốt truyện, nhân vật, lời người kể chuyện và lời nhân vật,...

Liên hệ, so sánh, kết nối

- Nhận biết và phân tích được bối cảnh lịch sử – văn hoá được thể hiện trong văn bản văn học.
- Liên hệ để thấy được một số điểm gần gũi về nội dung giữa các tác phẩm văn học thuộc các nền văn hoá khác nhau.
- Nêu được ý nghĩa hay tác động của tác phẩm văn học đối với quan niệm, cách nhìn, cách nghĩ và tình cảm của người đọc; thể hiện được cảm xúc và sự đánh giá của cá nhân về tác phẩm.

Đọc mở rộng

- HS biết đọc các văn bản sử thi có độ dài tương đương với văn bản đã học.

2. Phẩm chất

- Biết trân trọng các giá trị tinh thần to lớn được thể hiện trong những sáng tác ngôn từ thời cổ đại còn truyền đến nay.
- Học tập, rèn luyện phấn đấu trở thành người tài đức, sống có trách nhiệm với bản thân, gia đình và xã hội.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- SGK, SGV.
- Tranh ảnh, tư liệu liên quan đến bài học.
- Máy chiếu, máy tính, video clip liên quan đến bài học.
- Bảng KWLH, hệ thống câu hỏi định hướng, phiếu học tập, bảng kiểm…

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Kết nối - tạo hứng thú cho học sinh, chuẩn bị tâm thế tiếp cận kiến thức về sử thi

b. Nội dung hoạt động: HS đọc tài liệu và xem video (trước ở nhà), hoặc chia sẻ việc chọn tình huống, trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm: Câu trả lời đúng của HS, cảm nhận ban đầu về vấn đề đặt ra trong bài học.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập

Nhiệm vụ 1:

GV yêu cầu HS đọc tài liệu hoặc xem video trước ở nhà các thông tin về cuộc chiến tranh thành Tơ-roa huyền thoại, có thể chia lớp thành 4 nhóm, mỗi nhóm thực hiện một nhiệm vụ cụ thể:

+ (1) Tìm hiểu về tiền sử câu chuyện, nguyên nhân dẫn đến cuộc chiến vây hãm thành Tơ-roa trong thần thoại Hy Lạp.

+ (2) Tìm kiếm những giả thuyết khác nhau về cuộc chiến tranh thành Tơ-roa;

+ (3) Vẽ sơ đồ tóm tắt những sự kiện chính về chiến tranh thành Tơ-roa được tái hiện lại trong sử thi I-li-át của Hô-me-rơ;

+ (4) Tìm hiểu về dấu ấn của cuộc chiến thành Tơ-roa trong một số tác phẩm nghệ thuật: hội hoạ, điêu khắc, điện ảnh.

Nhiệm vụ 2:

GV có thể yêu cầu HS chia sẻ về một tình huống phải lựa chọn giữa việc thực hiện bổn phận với cộng đồng và với gia đình (ví dụ như bạn muốn tham gia các hoạt động thiện nguyện để đem lại giá trị cho cộng đồng, nhưng gia đình lại muốn bạn chỉ tập trung vào việc học tập).

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:

Nhiệm vụ 1: Đại diện nhóm trình bày

Nhiệm vụ 2: HS có thể gửi lại lựa chọn của bản thân cho GV vào đầu buổi học

- GV quan sát, động viên.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận:

Nhiệm vụ 1:

GV có thể chiếu/ dán hình ảnh hoặc cho HS quan sát video về chiến tranh thành Tơ-roa và cho HS chia sẻ lại những gì mình quan sát, cũng như đã tìm hiểu được về cuộc chiến này.

Nhiệm vụ 2:

HS chia sẻ về một tình huống phải lựa chọn giữa việc thực hiện bổn phận với cộng đồng và với gia đình (Nội dung này nên được chuẩn bị ở nhà, GV tổng hợp các bài viết của HS)

- GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung và bày tỏ suy nghĩ của bản thân về phần trình bày của bạn.

Bước 4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét, cho điểm, khen thưởng HS

➔GV dẫn vào bài:

- GV nhấn mạnh: Cuộc chiến thành Tơ-roa là một sự kiện rất quan trọng, làm nên bối cảnh của sử thi *I-li-át*. Cho đến nay, có rất nhiều giả thuyết khác nhau về sự kiện này. Nhiều người cho rằng đây chỉ là một sự kiện hư cấu. Nhưng nhiều học giả khác tin rằng thành Tơ-roa đã thực sự tồn tại và cố gắng tìm kiếm những bằng chứng khảo cổ học về sự hiện diện của thành Tơ-roa trong quá khứ. Tuy vấn đề này còn gây nhiều tranh cãi, song với những bằng chứng hiện có, UNESCO đã công nhận vùng đất Hi-ra-líc (Hirarlik) ngày nay là di tích thành Tơ-roa cổ (tham khảo thêm tài liệu: *Thành Tơ-roa có thực sự tồn tại* của Einav Zamir Dembin).

- GV đặt câu hỏi: Hãy chia sẻ thêm thông tin về những cuộc chiến tranh khác mà em biết. Theo em, những cuộc chiến tranh đó đã tác động thế nào đến số phận con người? Nếu sống trong bối cảnh cuộc chiến đó, em sẽ cảm thấy thế nào, sẽ hành xử ra sao?

- GV lắng nghe và ghi nhận những ý kiến khác nhau của HS.

- GV kết hợp với phần lựa chọn tình huống của HS để dẫn dắt và giới thiệu vào chủ đề của văn bản *Héc-to từ biệt Ăng-đrô-mác*

GV đưa bảng KWLH, HS điền 2 cột K và W, các cột còn lại hoàn thiện sau khi học để kích thích khả năng tìm hiểu bài học (tùy thuộc vào năng lực cá nhân của mỗi HS)

K Kể tên một số người anh hùng trong các sử thi mà em biết.	W Em muốn biết thêm điều gì về những người anh hùng sử thi?	L Điều em đã học được từ những người anh hùng sử thi (đặc biệt là trong việc lựa chọn giữa việc thực hiện bổn phận với cộng đồng và với gia đình)?	H Em sẽ tiếp tục nghiên cứu, tìm hiểu về người anh hùng sử thi theo cách nào?
…… …… …… ……	…… …… …… ……	…… …… …… ……	…… …… …… ……

2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 2.1: Tìm hiểu Tri thức Ngữ văn

a. Mục tiêu: Tìm hiểu chung về thể loại sử thi

b. Nội dung hoạt động: Vận dụng kĩ năng đọc thu thập thông tin, tham gia trò chơi tìm hiểu chung về thể loại.

c. Sản phẩm: Câu trả lời cá nhân, phiếu học tập

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Phiếu 1: Bảng tìm hiểu chung về sử thi

Khái niệm	
Đề tài, cốt truyện	
Nhân vật	
Không gian, thời gian	
Lời kể	
Vai trò của sử thi trong đời sống cộng đồng	
Một số tác phẩm sử thi nổi tiếng trên thế giới	

<table>
<tr><th>HĐ của GV và HS</th><th>Dự kiến sản phẩm</th></tr>
<tr><td>HOẠT ĐỘNG CHUNG CẢ LỚP
GV hướng dẫn HS tìm hiểu các Tri Thức Ngữ Văn SGK tr.97-98
Bước 1: GV giao nhiệm vụ:
- GV yêu cầu HS tìm hiểu các Tri thức Ngữ văn qua trò chơi: Ong tìm chữ
GV chiếu các câu văn có khuyết từ, các đội chơi sẽ tìm từ khuyết, cơ</td><td>I. Tìm hiểu chung về sử thi
Phiếu 1: Bảng tìm hiểu chung về sử thi
<table><tr><td>Khái niệm</td><td>Sử thi (anh hùng ca) là thể loại tự sự dài, dung lượng đồ sộ, ra đời vào thời cổ đại.</td></tr><tr><td>Đề tài, cốt truyện</td><td>Cốt truyện của sử thi xoay quanh những biến cố trọng đại liên quan đến vận mệnh</td></tr></table></td></tr>
</table>

hội trả lời cho đội nào có tín hiệu nhanh nhất

1. Sử thi (anh hùng ca) là thể loại … dài, dung lượng đồ sộ, ra đời vào thời … (Đáp án: tự sự, cổ đại)

2. Cốt truyện của sử thi xoay quanh … như chiến tranh hay công cuộc chinh phục thiên nhiên để ổn định và mở rộng địa bàn cư trú. (Đáp án: những biến cố trọng đại liên quan đến vận mệnh của toàn thể cộng đồng)

3. Nhân vật sử thi là … (Đáp án: người anh hùng đại diện cho sức mạnh, phẩm chất lí tưởng và khát vọng chung của cộng đồng)

4. … sử thi kì vĩ, cao rộng, mang tính cộng đồng, có thể bao quát cả thế giới thần linh và con người. … sử thi là quá khứ thiêng liêng, thuộc về một thời đại xa xưa được cộng đồng ngưỡng vọng.
(Đáp án: Không gian, Thời gian)

5. … trong sử thi thành kính, trang trọng; … chậm rãi; … tỉ mỉ, lặp đi lặp lại những từ ngữ khắc hoạ đặc điểm cố định của nhân vật, sự vật; thường xuyên sử dụng thủ pháp tu từ so sánh và điệp ngữ. Lời người kể chuyện và cả lời nhân vật nhiều khi mang tính ... (**Đáp án:** Lời kể, nhịp điệu, trần thuật, khoa trương, cường điệu)

6. Sử thi không chỉ … những biến cố quan trọng trong lịch sử của một cộng đồng, mà còn … diện mạo đời sống tinh thần, hệ giá trị, niềm tin của cộng đồng ấy. Nhiều chủ đề trong sử thi vẫn còn có … lớn đối với nhân loại.
Những tác phẩm sử thi lớn vẫn tiếp tục … cho nhiều sáng tạo thuộc nhiều loại hình nghệ thuật đời sau.

	của toàn thể cộng đồng như chiến tranh hay công cuộc chinh phục thiên nhiên để ổn định và mở rộng địa bàn cư trú.
Nhân vật	**Nhân vật sử thi** là người anh hùng đại diện cho sức mạnh, phẩm chất lí tưởng và khát vọng chung của cộng đồng.
Không gian, thời gian	- **Không gian sử thi** kì vĩ, cao rộng, mang tính cộng đồng, có thể bao quát cả thế giới thần linh và con người. - **Thời gian sử thi** là quá khứ thiêng liêng, thuộc về một thời đại xa xưa được cộng đồng ngưỡng vọng.
Lời kể	**Lời kể trong sử thi** thành kính, trang trọng; nhịp điệu chậm rãi; trần thuật tỉ mỉ, lặp đi lặp lại những từ ngữ khắc hoạ đặc điểm cố định của nhân vật, sự vật, thường xuyên sử dụng thủ pháp so sánh và điệp ngữ. Lời người kể chuyện và cả lời nhân vật nhiều khi mang tính khoa trương, cường điệu.
Vai trò của sử thi trong đời sống cộng đồng	Sử thi không chỉ lưu dấu những biến cố quan trọng trong lịch sử của một cộng đồng, mà còn phản ánh diện mạo đời sống tinh thần, hệ giá trị, niềm tin của cộng đồng ấy. Nhiều chủ đề trong sử thi vẫn còn có ý nghĩa lớn đối với nhân loại. Những tác phẩm sử thi lớn vẫn tiếp tục khơi nguồn cảm hứng cho nhiều sáng tạo thuộc nhiều loại hình nghệ thuật đời sau.

(**Đáp án:** lưu dấu, phản ánh, ý nghĩa, khơi nguồn cảm hứng) 7. Một số tác phẩm … nổi tiếng trên thế giới: Ma-ha-bha-ra-ta, Ra-ma-ya-na (Ấn Độ); I-li-át, Ô-đi-xê (Hy Lạp); Đăm Săn (Việt Nam):... (**Đáp án:** Sử thi) - GV yêu cầu HS hoàn thành nhanh phiếu học tập theo nhóm đôi sau khi xong cuộc chơi. **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** + HS dựa trên Tri Thức Ngữ Văn đã tìm hiểu ở nhà, tham gia cuộc chơi và điền vào phiếu học tập. + GV quan sát, khích lệ HS. **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** + HS trả lời các câu hỏi, đội nào trả lời được nhiều nhất cuối cùng là người chiến thắng. + GV gọi một vài HS trình chiếu sản phẩm đã hoàn thành trong phiếu học tập sau cuộc chơi. + HS nhận xét lẫn nhau. **Bước 4: Đánh giá, kết luận:** GV nhận xét, chuẩn kiến thức theo hình thức trình chiếu kết quả **phiếu số 1.**	**Một số tác phẩm sử thi nổi tiếng trên thế giới**	Ma-ha-bha-ra-ta, Ra-ma-ya-na (Ấn Độ); I-li-át, Ô-đi-xê (Hy Lạp); Đăm Săn (Việt Nam);...

Hoạt động 2.2: Đọc và tìm hiểu chung về tác giả Hô-me-rơ, văn bản Héc-to từ biệt Ăng-đrô-mác

a. Mục tiêu: Tìm hiểu chung về tác giả Hô-me-rơ và văn bản Héc-to từ biệt Ăng-đrô-mác

b. Nội dung hoạt động: Vận dụng kĩ năng đọc thu thập thông tin, điền phiếu học tập

c. Sản phẩm: Câu trả lời cá nhân, phiếu học tập

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Các phiếu học tập:

Phiếu 2: Bảng tìm hiểu về Hô-me-rơ

Tên thật	
Năm sinh	
Quê quán	
Con người	
Vị trí văn học	
Các tác phẩm	

Phiếu 3: Bảng tìm hiểu chung về văn bản

Xuất xứ đoạn trích	
Tóm tắt sử thi - Vị trí của đoạn trích trong diễn biến cốt truyện	
Giá trị đoạn trích	

HĐ của GV và HS	**Dự kiến sản phẩm**
- GV hướng dẫn HS đọc và thảo luận về các thông tin liên quan đến tác giả và tác phẩm. GV khuyến khích HS đọc toàn văn sử thi *I-li-át* và thực hiện các nhiệm vụ ở nhà như: vẽ sơ đồ cốt truyện, vẽ sơ đồ hệ thống nhân vật, vẽ bản đồ những địa danh được nhắc tới trong sử thi *I-li-át*, tìm hiểu thêm về thân thế và sự nghiệp của Hô-me-rơ,... - GV khuyến khích HS đọc truyền thuyết về cuộc chiến tranh Tơ-roa cũng như câu chuyện về các vị thần và những người anh hùng trong *Thần thoại Hy Lạp* để nắm bắt được toàn bộ câu chuyện và hiểu được đặc điểm, cũng như vai trò của các vị thần được nhắc tới trong sử thi *I-li-át*, đọc hiểu được quan niệm về vũ trụ và nhân sinh của người Hy Lạp cổ đại. **GV hướng dẫn cách đọc và tìm hiểu chú thích** **Bước 1: GV giao nhiệm vụ:** **GV hướng dẫn HS đọc văn bản** **a.** GV phân vai, yêu cầu HS đọc thành tiếng trước lớp. Trong quá trình đọc, HS chú ý phân biệt giọng của người kể chuyện và giọng của các nhân vật trong văn bản. **b.** GV nhắc HS chú ý đến các chỉ dẫn bên phải văn bản. GV hướng dẫn HS trao đổi về những câu hỏi hoặc những nội dung cần lưu ý trong phần chỉ dẫn. Thực chất, những chỉ dẫn này là những gợi ý về chiến lược hiệu quả mà HS cần sử dụng trong khi đọc. – Chỉ dẫn 1: GV lưu ý HS về những chi tiết miêu tả hành động của Ăng-đrô-mác: nghe tin thành Tơ-roa phải thoái	**II. Đọc, tìm hiểu chung về tác giả và văn bản** **1. Đọc và tìm hiểu chú thích** - Khi đọc cần phân biệt giọng của người kể chuyện và giọng của các nhân vật trong văn bản. - Chú thích sgk **2. Tìm hiểu chung về tác giả và văn bản** **a. Tác giả Hô-me-rơ: SGK** **b. Đoạn trích *Héc-to từ biệt Ăng-đrô-mác*** **Phiếu 3: Bảng tìm hiểu chung về văn bản** **Xuất xứ đoạn trích**: *SGK* **Tóm tắt sử thi - Vị trí của đoạn trích trong diễn biến cốt truyện**: **Giá trị đoạn trích**: ***Héc-to từ biệt Ăng-đrô-mác*** được coi là một trong những cảnh ấn tượng nhất trong sử thi *I-li-át* và trong lịch sử văn học nhân loại. Nhà nghiên cứu văn hoá Hy Lạp cổ đại M. Ga-xpa-rốp khẳng định: "[...] sự tương phản bi thảm của bầu không khí chiến tranh hung hiểm với cuộc sống gia đình êm ấm") trong tình tiết này đã tạo nên ấn tượng sâu sắc trong lòng nhiều thế hệ độc giả. Từ trang sử thi của Hô-me-rơ,

lui, nàng "vội vã tới toà tháp lớn thành I-li-ông", "vừa đi vừa chạy lên thành, đầu không ngoảnh lại". Hành động này cho thấy nỗi lo lắng, sự quan tâm của nàng dành cho người chồng nơi chiến trận và cả thần dân thành Tơ-roa của mình. – Chỉ dẫn 2: GV lưu ý HS những Dự cảm không lành của Ăng-đrô-mác về tương lai, bắt nguồn từ chính những nỗi đau thương, mất mát mà nàng đã từng gánh chịu trong quá khứ. Những dự cảm này cho thấy sự khủng khiếp của chiến tranh, khi nó không chỉ gây nên những đau khổ trong quá khứ mà còn trở thành một nỗi ám ảnh trong tương lai. GV có thể cho HS đọc kĩ các chi tiết để cảm nhận được nỗi đau khổ thống thiết của nhân vật và nghệ thuật miêu tả tài tình của Hô-me-rơ. – Chỉ dẫn 3: GV yêu cầu HS đọc kĩ lời đối thoại của Héc-to với Ăng-đrô-mác để tìm ra lí lẽ khiến Héc-to vẫn quyết tâm ra trận. Ở đây, cần chú ý đến sự đối lập giữa một bên là dự cảm không lành của Héc-to về tương lai, nỗi đau khổ, thương xót của chàng với số phận đáng thương của gia đình và thành bang, còn một bên là quyết tâm ra trận của Héc-to, xuất phát từ những lí lẽ chính: (1) Bầu nhiệt huyết và ý thức về danh dự buộc chàng phải can trường chiến đấu, giành vinh quang cho bản thân; (2) Bổn phận và trách nhiệm của một người đàn ông là phải bảo vệ thành khi có chiến tranh; (3) Định mệnh là tất yếu, không ai có thể trốn chạy khỏi số phận. – Ngoài ra, GV lưu ý HS chú ý đến những chi tiết đặc sắc trong đoạn văn như: Cậu bé khóc ré lên khi nhìn thấy		cảnh Héc-to từ biệt Ăng-đrô-mác đã khơi nguồn cảm hứng bất tận cho sáng tác nghệ thuật thời sau.

ánh đồng sáng loá trên mũ trụ của cha, chi tiết Héc-to tháo mũ trụ sáng loáng của mình đặt xuống đất rồi mới bồng cậu con trai thân yêu lên tay. Héc-to như không muốn để hình ảnh chiến tranh đáng sợ làm khuất lấp ánh nhìn và vòng tay yêu thương của người cha. Những chi tiết này tạo dựng hình dung về một cảnh chia li cảm động, thể hiện tình yêu thương trìu mến của Héc-to dành cho gia đình, thể hiện nghệ thuật miêu tả tài tình của tác giả, đồng thời gợi nên nhiều ý nghĩa: nỗi sợ hãi chiến tranh, niềm khao khát hoà bình, niềm hi vọng vào tương lai,… c. GV có thể nhắc HS về các chiến lược nên được sử dụng trong khi đọc như giải thích, tóm tắt, dự đoán, tưởng tượng để chiếm lĩnh văn bản một cách hiệu quả. **GV hướng dẫn HS đọc dựa theo bảng kiểm** **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** + HS đọc VB, giải thích nghĩa từ khó, trả lời nhanh các câu hỏi + GV quan sát, khích lệ HS. **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** + HS đọc văn bản theo yêu cầu. + HS nhận xét lẫn nhau qua bảng kiểm (bên dưới). **Bước 4: Đánh giá, kết luận:** GV nhận xét cách đọc của HS. **GV hướng dẫn HS tìm hiểu chung về tác giả Hô-me-rơ và văn bản *Héc-to từ biệt Ăng-đrô-mác*** *** Tác giả Hô-me-rơ** **Bước 1: GV giao nhiệm vụ:** **Cách 1:** GV có thể giao nhiệm vụ ở nhà: HS thiết kế bản thuyết trình powerpoit về Hô-me-rơ **Cách 2:** GV hướng dẫn HS thực hiện **phiếu học tập số 2**: Tìm hiểu về **Hô-**	

me-rơ HS trao đổi cặp đôi để hoàn thành nhiệm vụ **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** **Cách 1:** HS thực hiện bản thuyết trình đã chuẩn bị ở nhà **Cách 2:** HS hoàn thành phiếu học tập + GV quan sát, khích lệ HS. **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** **Cách 1:** HS thực hiện bản thuyết trình đã chuẩn bị ở nhà **Cách 2:** HS chọn bạn hình thành cặp đôi mới để nhận xét, bổ sung hoàn thiện phiếu và trình bày trước lớp + HS nhận xét lẫn nhau. **Bước 4: Đánh giá, kết luận:** GV đánh giá phần trình bày của HS *** Đoạn trích *Héc-to từ biệt Ăng-đrô-mác*** **Bước 1: GV giao nhiệm vụ:** GV hướng dẫn HS thực hiện **phiếu học tập số 3**: Tìm hiểu chung về văn bản ***Héc-to từ biệt Ăng-đrô-mác*** HS trao đổi cặp đôi để hoàn thành nhiệm vụ **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** + HS hoàn thành phiếu học tập + GV quan sát, khích lệ HS. **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** + HS chọn bạn hình thành cặp đôi mới để nhận xét, bổ sung hoàn thiện phiếu và trình bày trước lớp + HS nhận xét lẫn nhau. **Bước 4: Đánh giá, kết luận:** **GV hướng dẫn HS nghe bản tóm tắt Trường ca I-li-át qua clip trên youtube** GV đánh giá phần trình bày của HS, chuẩn kiến thức	

Bảng kiểm kĩ năng đọc

STT	Tiêu chí	Đạt/ Chưa đạt
1	Đảm bảo đọc đúng chính tả	
2	Đảm bảo đọc tương đối diễn cảm, thể hiện được tương đối đúng tính cách nhân vật mình đóng vai	

3	Đảm bảo đọc diễn cảm, thể hiện được sâu sắc tính cách và nội tâm nhân vật mình đóng vai	
4	Giúp người nghe như sống lại cả một thời đại huy hoàng của sử thi	

Hoạt động 2.3: Suy ngẫm và phản hồi

a. Mục tiêu:

b. Nội dung hoạt động: HS làm việc cá nhân, hoạt động nhóm để tìm hiểu nội dung và nghệ thuật của văn bản **Héc-to từ biệt Ăng-đrô-mác**

c. Sản phẩm: Câu trả lời, phiếu học tập đã hoàn thiện của cá nhân và nhóm.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Các phiếu học tập:

Phiếu 4: Tìm hiểu đặc điểm sử thi qua trích đoạn Héc-to từ biệt Ăng-đrô-mác

Tìm hiểu	Héc-to	Ăng-đrô-mác	Nhận xét
Xuất thân			
Biến cố nào dẫn đến việc Héc-to phải từ biệt Ăng-đrô-mác			
Không gian xuất hiện của các nhân vật			
Lời nói, hành động của nhân vật			
Những từ ngữ lặp lại khắc hoạ đặc điểm cố định của nhân vật trong đoạn trích			
Phẩm chất nhân vật			
Những vấn đề nhân sinh đặt ra trong đoạn trích			

HĐ của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
GV hướng dẫn HS đọc, tìm hiểu chi tiết văn bản Héc-to từ biệt Ăng-đrô-mác **Bước 1: GV giao nhiệm vụ:** GV hướng dẫn HS tìm hiểu về văn bản qua việc hoàn thành **phiếu học tập lớn dưới dạng trò chơi: Mảnh ghép SỬ THI** **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS hoàn thành **phiếu học tập số 4** với 6 nhóm thảo luận kết hợp hình thức đóng vai trải nghiệm văn bản. GV chia lớp thành 6 nhóm, thảo luận về 6 vấn đề: + Xuất thân của Héc-to và Ăng-đrô-mác + Không gian xuất hiện của các nhân vật Héc-to và Ăng-đrô-mác + Lời nói, hành động của nhân vật Héc-to và Ăng-đrô-mác + Những từ ngữ lặp lại khắc hoạ đặc điểm cố định của nhân vật trong đoạn trích + Phẩm chất nhân vật Héc-to và Ăng-đrô-mác	**III. Đọc hiểu chi tiết văn bản (Suy ngẫm và phản hồi)** **Phiếu 4: Tìm hiểu đặc điểm sử thi qua trích đoạn Héc-to từ biệt Ăng-đrô-mác (bảng tổng hợp bên dưới)** **1. Xuất thân của Héc-to và Ăng-đrô-mác** **2. Không gian xuất hiện của các nhân vật Héc-to và Ăng-đrô-mác**

+ Những vấn đề nhân sinh đặt ra trong đoạn trích Sau khi thảo luận hoàn thành trên phiếu nhỏ, các nhóm ghép lại thành phiếu lớn Đại diện các nhóm sẽ tham gia tọa đàm mảnh ghép Sử Thi để làm bật lên những đặc điểm của Sử Thi qua đoạn trích ***Héc-to từ biệt Ăng-đrô-mác*** **MC dẫn dắt** **GV tư vấn thiết kế bộ câu hỏi cho buổi luận bàn:** **<u>Câu hỏi 1:</u>** - Biến cố nào dẫn đến việc Héc-to phải từ biệt Ăng-đrô-mác? Vì sao có thể xem đó là biến cố đặc trưng cho thể loại sử thi? - Kể tóm tắt hoặc vẽ sơ đồ cốt truyện sử thi *I-li-át* và xác định biến cố trước đó đã dẫn đến việc Héc-to phải từ biệt Ăng-đrô-mác. **<u>Câu hỏi 2:</u>** - Xác định những từ ngữ lặp lại khắc hoạ đặc điểm cố định của nhân vật trong đoạn trích. - Những từ ngữ lặp lại này thường có cấu trúc như thế nào, có tác dụng gì? - Vì sao sử thi lại có cách khắc hoạ nhân vật như vậy? - Tìm các tính ngữ cố định miêu tả đặc điểm của các nhân vật khác trong sử thi "I-li-át" như A-khin, Pri-am,... Những tính ngữ cố định này có tác dụng gì trong việc khắc hoạ nhân vật? **<u>Câu hỏi 3:</u>** Phân tích những đặc trưng của không gian sử thi trong đoạn trích. - Tìm các chi tiết miêu tả không gian trong đoạn trích. - Đặc điểm của không gian nghệ thuật trong đoạn trích. **<u>Câu hỏi 4:</u>** Những lời nói, hành động của Ăng-đrô-mác thể hiện phẩm chất gì của nhân vật? - Những lời nói, hành động của Ăng-đrô-mác thể hiện phẩm chất gì của nhân vật? - Bạn nhận xét gì về cách miêu tả nhân vật Ăng-đrô-mác trong đoạn trích? Qua nhân vật Ăng-đrô-mác, ta có thể nhận ra điều gì về quan niệm nhân sinh của người Hy Lạp thời cổ đại? **<u>Câu hỏi 5:</u>** Vì sao Héc-to vẫn quyết định mở cổng thành nghênh chiến với quân Hy Lạp? Bạn suy nghĩ gì về hành động đó của nhân vật? - Héc-to đã hình dung như thế nào về tương lai? Tại sao chàng vẫn quyết định mở cổng thành nghênh chiến với quân Hy Lạp? - Bạn suy nghĩ gì về hành động trên của nhân vật? Nếu là Héc-to, bạn sẽ làm gì trong tình huống này?	**3. Lời nói, hành động của nhân vật Héc-to và Ăng-đrô-mác** **4. Những từ ngữ lặp lại khắc hoạ đặc điểm cố định của nhân vật trong đoạn trích** **5. Phẩm chất nhân vật Héc-to và Ăng-đrô-mác** **6. Những vấn đề nhân sinh đặt ra trong đoạn trích**

Câu hỏi 6: Đoạn trích *Héc-to từ biệt Ăng-đrô-mác* đã đặt ra những vấn đề nhân sinh nào? Những vấn đề đó còn có ý nghĩa với đời sống ngày nay không? Vì sao? **Câu hỏi 7:** Qua những lời nói, hành động của Héc-to, hãy xác định những phẩm chất tạo dựng nên hình mẫu người anh hùng của Hy Lạp thời cổ đại. **GV đặt câu hỏi:** - Qua những chi tiết miêu tả hành động, lời nói đó của Héc-to, ta có thể nhận ra những phẩm chất gì của người anh hùng này? - Ngoài nhân vật Héc-to được giới thiệu trong đoạn trích, các em còn biết thêm nhân vật anh hùng nào khác trong sử thi "I-li-át"? Những nhân vật anh hùng này có phẩm chất gì chung? Vì sao họ lại có chung những phẩm chất đó? **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** - Đại diện HS các nhóm lên trình bày sản phẩm với hình thức đóng vai trải nghiệm văn bản - HS còn lại quan sát, hoàn thành phiếu học tập và nhận xét phần nhập vai, diễn xuất và trình bày của bạn. **Bước 4: Đánh giá, kết luận:** GV nhận xét, khen thưởng, chuẩn kiến thức, kĩ năng.	

Phiếu 4: Tìm hiểu đặc điểm sử thi qua trích đoạn Héc-to từ biệt Ăng-đrô-mác

Tìm hiểu	Héc-to	Ăng-đrô-mác	Nhận xét
Xuất thân	Là con trai của Pri-am - quốc vương thành Tơ-roa	Là công chúa con vua Ê-ê-xi-ông vua quả cảm, con nữ hoàng xứ Pla-cốt đại ngàn	Xuất thân cao quý, sẵn mang những phẩm chất quý giá của dòng tộc
Biến cố nào dẫn đến việc Héc-to phải từ biệt Ăng-đrô-mác	Cuộc chiến vây hãm thành Tơ-roa của quân A-kê-en, tức quân Hy Lạp, bước sang năm thứ mười vẫn không phân thắng bại. A-khin, dũng tướng tài giỏi nhất của quân Hy Lạp, tức giận vì bị chủ soái A-ga-mem-nông tước mất chiến lợi phẩm là nàng Bri-dê-ít, quyết không tham chiến, đồng thời qua mẹ của mình là nữ thần Thê-ti-xơ, cầu xin thần Dớt làm cho quân Hy Lạp thất bại. Thần Dớt hứa hẹn, nhưng chưa thực hiện lời hứa (khúc ca I). Thoả thuận về một cuộc chiến tay đôi chấm dứt chiến tranh không thành, quân Hy Lạp và quân Tơ-roa lại tiếp tục giao chiến (khúc ca II –		Biến cố quan trọng dẫn đến việc Héc-to phải từ biệt Ăng-đrô-mác là việc thành Tơ-roa bị quân Hy Lạp vây hãm, tình thế hết sức nguy nan. Đây là một biến cố đặc trưng của sử thi vì nó là sự kiện lớn, liên quan đến vận mệnh của cộng đồng. Biến cố này đặt nhân vật Héc-to vào tình thế buộc phải chọn lựa: ở lại thành Tơ-roa để giữ an toàn cho bản thân hay mở cổng thành, ra

	IV). Cuộc chiến nơi hạ giới luôn có sự can thiệp của các vị thần chia làm hai phe ủng hộ hai bên. Quân Hy Lạp nhất thời giành thế áp đảo (khúc ca V). Hoàng tử Héc-to, chủ soái quân đội thành Tơ-roa, quay vào thành thúc giục binh sĩ, khẩn cầu nữ thần A-tê-na giúp đỡ. Chàng ghé về nhà thăm vợ con (Héc-to từ biệt Ăng-đrô-mác – khúc ca VI).		trận nghênh chiến với kẻ thù để thực hiện bổn phận và bảo toàn danh dự. Thông qua quyết định lựa chọn đó, nhân vật bộc lộ rõ phẩm chất của mình.
Không gian xuất hiện của các nhân vật	Héc-to về tới ngôi nhà êm ấm của mình, nhưng không thấy Ăng-đrô-mác cánh tay trắng ngần trong buồng như thường lệ, "nàng đứng trên tháp canh nức nở", "bà vừa đi vừa chạy lên thành", "Héc-to tức thì rời nhà, chạy ngược theo những dãy phố thành Tơ-roa xây dựng khang trang. Xuyên qua phố xá thành Tơ-roa rộng lớn, chàng tới cổng Xkê"... ⇨ Những không gian "toà tháp", 'thành luỹ", 'phố xá thành Tơ-roa", "cổng Xkê", toà tháp lớn thành I-li-ông, tháp canh		- Đoạn trích miêu tả cảnh gặp gỡ giữa Héc-to và Ăng-đrô-mác trước khi lên đường ra trận...
Lời nói, hành động của nhân vật	- Héc-to vẫn quyết định mở cổng thành nghênh chiến với quân Hy Lạp - Suy nghĩ của chàng: "Nhưng sẽ hổ thẹn xiết bao với những chiến binh và những người phụ nữ thành Tơ-roa xống áo thướt tha, nếu ta ở lại đây, như kẻ hèn nhát, đứng nhìn từ xa, tránh không xung trận. Hơn nữa, bầu nhiệt huyết trong ta không cho phép ta làm vậy: từ lâu ta đã học cách luôn ở tuyến đầu, can trường chiến đấu, giành vinh quang cho thân phụ và bản thân". - Hạ mũ xuống để ôm con trai, nhưng lại đội mũ lên sẵn sàng tư thế ra trận => Ý thức về nỗi hổ thẹn nếu không xung trận, bầu nhiệt huyết, khát vọng chiến đấu, giành vinh quang cho thân phụ và	"Nghe tin quân A-kê-en khí thế áp đảo, những chiến binh Tơ-roa buộc phải thoái lui, phu nhân vội vã tới toà tháp lớn thành I-li-ông.", lời khuyên của Ăng-đrô-mác dành cho Héc-to hãy bố trí một toán quân chốt chặn chỗ cây vả, nơi dễ leo lên tường thành để bảo vệ thành A-ten). =>Những hành động, lời nói của Ăng-đrô-mác một mặt cho thấy tình yêu thương của nàng đối với Héc-to, một mặt cho thấy ý thức về bổn phận của Ăng-đrô-mác. -Tác giả miêu tả rất tinh tế diễn biến nội tâm của nhân vật Ăng-đrô- mác, đặc biệt là những ám ảnh về quá khứ, dự cảm về tương lai, sự đau khổ, giằng co giữa một bên là tình yêu đối với Héc-to và một bên là ý thức về bổn phận. Qua nhân vật Ăng-đrô-mác, ta cũng có thể thấy được ý thức về cá nhân và cộng đồng của người Hy Lạp cổ đại	Nhân vật sử thi là nhân vật đại diện cho cộng đồng, hành động theo nguyên tắc danh dự.. Ở đây, ta có thể thấy, những tình cảm cá nhân như tình cảm gia đình, nỗi sợ hãi, lo lắng về tương lai dù rất sống động, vẫn bị gạt sang một bên trước bổn phận và danh dự.

	bản thân chính là động cơ thôi thúc Héc-to ra trận.		
Những từ ngữ lặp lại khắc hoạ đặc điểm cố định của nhân vật trong đoạn trích	Héc-to lẫy lừng, mũ trụ sáng loáng	Ăng-đrô-mác cánh tay trắng ngần	- Ngoài Hec-to và Ăng-đrô-mác còn có cô hầu gái áo xống thướt tha, những cô dâu trang phục diễm lệ, các phu nhân thành Tơ-roa vấn tóc chỉnh tề, A-khin có đôi chân nhanh, ánh đồng sáng loá, mũ trụ sáng loáng,… - Các từ ngữ này thường là các tính từ, các phép so sánh nhằm miêu tả đặc điểm bề ngoài hoặc phẩm chất bên trong của nhân vật, các danh từ hoặc cụm danh từ giúp giải thích về nguồn gốc, dòng dõi xuất thân của các nhân vật. Việc lặp lại các từ ngữ như vậy giúp cụ thể hoá và khắc ghi đặc điểm của nhân vật vào tâm trí của người đọc, đồng thời tạo nên nhịp điệu kể chuyện chậm rãi của sử thi. -Do sử thi tồn tại dưới hình thức truyền miệng, song lại có dung lượng lớn, câu chuyện vì thế không được kể liên tục mà bị ngắt quãng thành nhiều đoạn, do đó, để giúp người nghe có thể ghi nhớ, có ấn tượng sâu sắc về các nhân vật, người kể chuyện sử thi phải lặp đi lặp lại các từ ngữ miêu tả nhân vật. Những từ ngữ này thường được gọi là tính ngữ cố định, là một trong những đặc trưng rất quan trọng của thể loại sử thi
Phẩm chất nhân vật	- Có thể thấy Héc-to là một người hết lòng thương yêu gia đình, nhưng hơn hết, chàng là người dũng cảm, ngoan cường, coi trọng danh dự, sẵn sàng hi sinh để bảo vệ thành bang, sẵn sàng gạt tình riêng vì nghĩa lớn. Đó là những phẩm chất	Trong tận cùng nỗi lo lắng và đau khổ, Ăng-đrô-mác vẫn không quên nghĩ đến bổn phận và trách nhiệm của mình đối với thành Tơ-roa.	Trong sử thi *I-li-át* có rất nhiều nhân vật anh hùng: A-khin sức mạnh phi thường, dũng mãnh vô song, Mê-nê-lát dũng cảm, kiêu hùng,… Tất cả các nhân vật này đều có chung các phẩm chất: dũng cảm, coi trọng danh dự, khát khao chiến thắng. Những nhân vật anh hùng

	của người anh hùng đại diện cho cộng đồng. -Thông qua nhân vật Héc-to, Hô-me-rơ đưa ra hình mẫu về người anh hùng theo quan niệm của người Hy Lạp thời cổ đại: đó là sự kết hợp hài hoà giữa một bên là con người cá nhân với ý chí tự do, tình cảm gia đình, tình bằng hữu và một bên là con người cộng đồng với ý thức về trách nhiệm, bổn phận và danh dự. "Tính hài hoà sử thi" này đã tạo nên vẻ đẹp cao cả của các nhân vật anh hùng trong sử thi Hy Lạp.		của Hô-me-rơ dù có tính cách khác nhau, ở những chiến tuyến đối lập nhau, song vẫn có những phẩm chất giống nhau, là bởi họ là đại diện cho lí tưởng, khát vọng của cộng đồng. Đó chính là đặc trưng của nhân vật sử thi.
Những vấn đề nhân sinh đặt ra trong đoạn trích	- **Đoạn trích đã đặt ra vấn đề số phận của con người trong chiến tranh**. Chiến tranh không những cướp đi sinh mệnh của những người thân yêu của Ăng-đrô-mác, mà còn trở thành một nỗi sợ hãi, ám ảnh, thành dự cảm chẳng lành của nàng khi nghĩ về tương lai. Trong hình dung của Héc-to, chiến tranh không những có thể khiến chàng bị vùi xác nơi sa trường, mà còn để lại những nỗi thống khổ, nhục nhã và đau xót cho người thân của chàng. Vấn đề này là vấn đề muôn thuở của nhân loại, vì ngày nay, chiến tranh vẫn luôn là nỗi ám ảnh của nhiều quốc gia trên thế giới. - **Đoạn trích đặt ra vấn đề trách nhiệm và bổn phận của con người với cộng đồng**. Héc-to đã quyết tâm mở cổng thành vì trách nhiệm, bổn phận của chàng là bảo vệ thành Tơ-roa. Con người dù sống ở bất cứ thời đại nào đều là một cá thể trong cộng đồng, đều có những nghĩa vụ và trách nhiệm nhất định với cộng đồng của mình. Vì thế, vấn đề được đặt ra trong sử thi cũng là vấn đề có ý nghĩa nhân loại. - **Đoạn trích gợi những suy tư về mối quan hệ giữa con người và định mệnh**. Héc-to và Ăng-đrô-mác đều có dự cảm và thậm chí biết rõ sẽ tới ngày thành Tơ-roa thất thủ, đều biết rõ cái chết và nỗi đau khổ sẽ xảy đến với mình. Nhưng ý thức về danh dự và bổn phận đã giúp cho Héc-to đủ can đảm đối diện với định mệnh. Tuy quan niệm của con người đương đại về định mệnh có thể khác với quan niệm của người Hy Lạp cổ xưa, nhưng những suy tư về định mệnh vẫn thường trực trong tâm thức nhân loại ở bất cứ thời đại nào. Vũ khí để con người chống chọi với định mệnh chính là khả năng nghĩ đến nhau, kết nối, thương yêu nhau trong một cộng đồng và ý thức về bổn phận, danh dự đối với cộng đồng như minh chứng cho sự tồn tại của một nhân cách. **- Đọc đoạn trích Héc-to từ biệt Ăng-đrô-mác, ta không những có thể hiểu thêm về những quan niệm của người Hy Lạp cổ đại về thế giới, mà còn có thể chất vấn những quan niệm đó, để hiểu hơn về chính đời sống của chúng ta ngày nay. Sức sống và giá trị của sử thi còn nằm ở chính khả năng gợi nên những chất vấn này.**		

BẢNG KIỂM ĐÁNH GIÁ SẢN PHẨM TRÌNH BÀY NỘI DUNG THẢO LUẬN CÁC NHÓM

STT	Tiêu chí	Xuất hiện	Không xuất hiện
1	Thể hiện được đúng đủ nội dung		
2	Cách thể hiện phong phú không đơn điệu		
3	Thiết kế phần trình bày thành chương trình/tiết mục sinh động, hấp dẫn		
4	Thể hiện được sâu sắc nội dung		
5	Cách thức thể hiện và nội dung hài hòa để lại ấn tượng sâu sắc với các bạn		

Hoạt động 2.4: Hướng dẫn HS Tổng kết

a. Mục tiêu: Giúp HS

- Khái quát nghệ thuật, nội dung, ý nghĩa của VB.

b. Nội dung:

- GV sử dụng KT đặt câu hỏi, tổ chức hoạt động cặp đôi chia sẻ .
- HS thảo luận cặp đôi, trình bày sản phẩm, quan sát và bổ sung.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS và thẻ học tập của HS đã hoàn thành.

d. Tổ chức thực hiện

HĐ của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: GV giao nhiệm vụ: ? Khái quát lại những đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của văn bản. **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** - HS thảo luận cặp đôi, ghi lại ý kiến trao đổi trên thẻ học tập - GV quan sát, khích lệ HS. **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** - Cặp đôi chia sẻ trước lớp - HS nhận xét lẫn nhau. **Bước 4: Đánh giá, kết luận:** GV nhận xét, chuẩn kiến thức. GV lưu ý HS cách đọc tác phẩm sử thi	**IV. Tổng kết** **1. Nghệ thuật** - Xây dựng được nhân vật đậm màu sắc sử thi, là kết tinh vẻ đẹp cộng đồng nhưng vẫn mang những dấu ấn nội tâm sâu sắc - Tạo lập được không gian sử thi hào hùng, hoành tráng - Các tính từ, các phép so sánh nhằm miêu tả đặc điểm bề ngoài hoặc phẩm chất bên trong của nhân vật, các danh từ hoặc cụm danh từ giúp giải thích về nguồn gốc, dòng dõi xuất thân của các nhân vật được lặp đi, lặp lại giúp cụ thể hoá và khắc ghi đặc điểm của nhân vật vào tâm trí của người đọc, đồng thời tạo nên nhịp điệu kể chuyện chậm rãi của sử thi. **2. Nội dung – Ý nghĩa** - Đoạn trích đã đặt ra vấn đề số phận của con người trong chiến tranh; đồng thời cũng đặt ra vấn đề trách nhiệm và bổn phận của con người với cộng đồng. - Đoạn trích đã khắc họa hình mẫu về người anh hùng theo quan niệm của người Hy Lạp thời cổ đại: đó là sự kết hợp hài hoà giữa một bên là con người cá nhân với ý chí tự do, tình cảm gia đình, tình bằng hữu và một

	bên là con người cộng đồng với ý thức về trách nhiệm, bổn phận và danh dự *** Yêu cầu khi đọc sử thi:** - Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của sử thi: không gian, thời gian, cốt truyện, nhân vật, lời người kể chuyện và lời nhân vật - Biết nhận xét nội dung bao quát của văn bản; biết phân tích các chi tiết tiêu biểu, đề tài, câu chuyện, nhân vật và mối quan hệ giữa chúng, nêu được ý nghĩa tác phẩm văn học đối với người đọc.

3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: HS hiểu được kiến thức trong bài học để thực hiện bài tập GV giao.

b. Nội dung: Viết đoạn văn theo yêu cầu.

c. Sản phẩm: Câu trả lời đúng của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

***Nhiệm vụ:** Viết một đoạn văn (khoảng 150 chữ) phân tích một chi tiết mà bạn cho là đặc sắc nhất trong đoạn trích *Héc-to từ biệt Ăng-đrô-mác*.

- GV hướng dẫn HS tìm chi tiết đặc sắc trong đoạn trích:

Gợi ý: Chi tiết Ăng-đrô-mác tất tả cùng nhũ mẫu bồng đứa bé chạy lên thành nghe ngóng tình hình chiến trận; chi tiết Héc-to vội vã băng qua phố xá thành Tơ-roa tìm vợ con; cuộc đối thoại giữa Ăng-đrô-mác và Héc-to; lời kể của Ăng-đrô-mác về những mất mát từng phải gánh chịu qua chiến tranh và lời khuyên chồng ở lại trong thành; chi tiết Héc-to bỏ mũ trụ bồng con lên, nói lời nguyện cầu; chi tiết kết thúc trích đoạn – lời dặn dò của Héc-to với Ăng-đrô-mác và cảnh chia tay;...

- GV hướng dẫn các bước phân tích chi tiết trong văn bản:

+ (1) Phát hiện chi tiết nổi bật, giàu ý nghĩa trong văn bản;

+ (2) Chỉ ra tác dụng, ý nghĩa của chi tiết trong khắc hoạ tính cách nhân vật, xác định bối cảnh, thể hiện tư tưởng chủ đề;

+ (3) Đánh giá nghệ thuật miêu tả chi tiết.

- GV có thể phân tích mẫu một chi tiết đặc sắc trong văn bản.

- HS tự chọn và viết phân tích một chi tiết đặc sắc trong văn bản.

- HS xem lại và tự chỉnh sửa bài viết của mình.

- GV đọc nhanh một số bài viết và nêu nhận xét.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS suy nghĩ, làm việc cá nhân để hoàn thành nhiệm vụ.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận:

- GV cung cấp công cụ bảng kiểm đánh giá:

Bảng kiểm kĩ năng viết đoạn văn:

STT	Tiêu chí	Đạt/ Chưa đạt
1	Đảm bảo hình thức đoạn văn với dung lượng khoảng 150 chữ	
2	Đoạn văn đúng chủ đề: phân tích một chi tiết mà bạn cho là đặc sắc nhất trong đoạn trích *Héc-to từ biệt Ăng-đrô-mác*	
3	Đoạn văn đảm bảo tính liên kết giữa các câu trong đoạn văn, có sự kết hợp các thao tác lập luận phù hợp.	

4	Đoạn văn đảm bảo yêu cầu về chính tả, cách sử dụng từ ngữ, ngữ pháp.	
5	Đoạn văn thể hiện sự sáng tạo: suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.	

- GV gọi đại diện một số HS trình bày sản phẩm học tập của mình.
- Các HS khác lắng nghe, nhận xét theo bảng kiểm.

Bước 4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét và cho điểm HS.

Đoạn văn tham khảo:

Cậu bé khóc ré lên khi nhìn thấy ánh đồng sáng loá trên mũ trụ của cha, chi tiết Héc-to tháo mũ trụ sáng loáng của mình đặt xuống đất rồi mới bồng cậu con trai thân yêu lên tay. Héc-to như không muốn để hình ảnh chiến tranh đáng sợ làm khuất lấp ánh nhìn và vòng tay yêu thương của người cha. Những chi tiết này tạo dựng hình dung về một cảnh chia li cảm động, thể hiện tình yêu thương trìu mến của Héc-to dành cho gia đình, thể hiện nghệ thuật miêu tả tài tình của tác giả, đồng thời gợi nên nhiều ý nghĩa: nỗi sợ hãi chiến tranh, niềm khao khát hoà bình, niềm hi vọng vào tương lai,… Chỉ là một chi tiết nhỏ nhưng cho người đọc hình dung nhiều con người trong Hecto, vừa là một người cha thương con chân thành như bao người cha khác, vừa là thủ lĩnh thành Tơ-roa đầy bổn phận và trách nhiệm với cộng đồng. Chàng đặt mũ xuống nhưng lại vẫn phải đội mũ lên đã chứng minh với chúng ta, con người bổn phận đã chiến thắng. Dù bao dự cảm không lành, người anh hùng ấy vẫn dấn thân…

4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: HS vận dụng kiến thức bài học vào giải quyết tình huống trong thực tiễn.

b. Nội dung: Trả lời câu hỏi về tình huống thực tiễn rút ra từ bài học.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

***Nhiệm vụ 1:** Anh chị suy nghĩ như thế nào về cuộc chia li trong "Những cuộc chia li màu đỏ" của Nguyễn Mĩ?

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:

- GV trình chiếu bài thơ "Những cuộc chia li màu đỏ" của Nguyễn Mĩ?

- GV yêu cầu HS nêu ý kiến cá nhân

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:

HS suy nghĩ cá nhân

Bước 3: Báo cáo, thảo luận:

- HS trình bày ý kiến cá nhân.
- Nhóm khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét và chỉnh sửa, bổ sung (nếu cần).

***Nhiệm vụ 2: Bài tập dự án**

Bước 1: GV giao nhiệm vụ học tập theo dự án

- Yêu cầu:

Tập sưu tầm tư liệu, thuyết trình về cuộc chiến thành Tơ-roa

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS suy nghĩ, thảo luận để hoàn thành bài tập dự án.
- GV khích lệ, giúp đỡ.
- Thời gian: 1 tuần

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- Báo cáo sản phẩm dự án sau 01 tuần, vào tiết học chiều.
- HS các nhóm báo cáo sản phẩm và thảo luận.

Bước 4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét ý thức làm bài của HS, chất lượng sản phẩm học tập của các nhóm.
- Cho điểm hoặc phát thưởng.

Bảng kiểm đánh giá hoạt động vận dụng

STT	Tiêu chí	Mức độ	
		Đạt	Chưa đạt
1	Sưu tầm đủ số lượng nhưng chưa thật đặc sắc tiêu biểu.		
2	Sưu tầm đủ số lượng khá tiêu biểu nhưng chưa tạo được ấn tượng sâu		
3	Sưu tầm đủ số lượng, đặc sắc, tiêu biểu, hấp dẫn người đọc.		
4	Thể hiện sản phẩm sinh động, hấp dẫn		

Hướng dẫn học ở nhà:

- Sơ đồ tư duy kiến thức bài học.
- Tìm đọc thêm các đoạn trích sử thi *I-li-át* và tác phẩm sử thi *Ô-đi-xê*.
- **Chuẩn bị bài:** *Đăm Săn đi bắt nữ thần Mặt Trời* (Tìm hiểu các thông tin về văn hoá của người Ê-đê, đọc và trả lời câu hỏi SGK)

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Sách giáo khoa Ngữ văn 10 *Kết nối tri thức với cuộc sống*, tập 1
- Nội dung công văn 5512/BGD-ĐT.
- Nội dung modul 1, 2, 3 được tập huấn.
- Một số tài liệu, hình ảnh trên mạng internet.

RÚT KINH NGHIỆM

.....

.....

.....

Tiết 38,39

VĂN BẢN 2: ĐĂM SĂN ĐI BẮT NỮ THẦN MẶT TRỜI

(Trích *Đăm Săn*) - Sử thi Ê-đê

I. MỤC TIÊU

1. Năng lực

a. Năng lực chung:

-Tự chủ và tự học: Tự quyết định cách giải quyết vấn đề học tập, tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, giải quyết vấn đề học tập của bản thân và các bạn.

- Giao tiếp và hợp tác: Tăng cường khả năng trình bày, diễn đạt ý kiến, ý tưởng trước lớp, tổ nhóm học tập, tương tác tích cực với các bạn trong tổ nhóm, khi thực hiện nhiệm vụ hợp tác.

- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Chủ động đề ra kế hoạch học tập, thực hiện nhiệm vụ học tập cá nhân và nhóm học tập, xử lí linh hoạt sáng tạo các tình huống phát sinh khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

b. Năng lực cốt lõi: Đọc

Đọc hiểu nội dung

- Nhận biết và phân tích được đặc điểm nhân vật người anh hùng sử thi Đăm Săn thể hiện qua hình dáng, cử chỉ, hành động, ngôn ngữ,... của nhân vật.

- Hiểu được đặc sắc về đời sống văn hoá và phong tục của người Ê-đê Tây Nguyên cổ đại. Biết nhận xét nội dung bao quát của văn bản; biết phân tích các chi tiết tiêu biểu, đề tài, câu chuyện, nhân vật và mối quan hệ của chúng trong tính chỉnh thể của tác phẩm.

- Phân tích và đánh giá được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc thông qua hình thức nghệ thuật của văn bản; phân tích được một số căn cứ để xác định chủ đề.

- Phân tích và đánh giá được tình cảm, cảm xúc, cảm hứng chủ đạo mà người viết thể hiện qua văn bản.

- Hiểu được ảnh hưởng của sử thi *Đăm Săn* trong văn hoá của dân tộc và ý nghĩa, giá trị của sử thi đối với đời sống đương đại.

Đọc hiểu hình thức

- Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của sử thi như: không gian, thời gian, cốt truyện, nhân vật, lời người kể chuyện và lời nhân vật,...

Liên hệ, so sánh, kết nối

- Nhận biết và phân tích được bối cảnh lịch sử – văn hoá được thể hiện trong văn bản văn học.

- Liên hệ để thấy được một số điểm gần gũi về nội dung giữa các tác phẩm văn học thuộc các nền văn hoá khác nhau.

- Nêu được ý nghĩa hay tác động của tác phẩm văn học đối với quan niệm, cách nhìn, cách nghĩ và tình cảm của người đọc; thể hiện được cảm xúc và sự đánh giá của cá nhân về tác phẩm.

Đọc mở rộng

- HS biết đọc các văn bản sử thi có độ dài tương đương với văn bản đã học.

2. Phẩm chất

- Cảm phục và trân trọng và đẹp của người anh hùng trong sử thi Tây Nguyên.

- Nhận thức được lẽ sống cao đẹp của mỗi cá nhân là mang trong mình hoài bão, khát vọng lớn lao, muốn tự mình chinh phục. Từ đó hướng đến lối sống tích cực, hoàn thiện nhân cách bản thân.

- Biết trân trọng những giá trị tinh thần to lớn được thể hiện trong sử thi.

*Tích hợp: Giáo dục ý thức giữ gìn giá trị văn hoá.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- SGK, SGV.

- Tranh ảnh, tư liệu liên quan đến bài học.

- Máy chiếu, máy tính, video clip liên quan đến bài học.

- Bảng KWLH, hệ thống câu hỏi định hướng, phiếu học tập, bảng kiểm…

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Kết nối - tạo hứng thú cho học sinh, chuẩn bị tâm thế tiếp cận kiến thức về bài học

b. Nội dung hoạt động: HS chia sẻ trải nghiệm theo câu hỏi GV đặt ra.

c. Sản phẩm: Câu trả lời đúng của HS, cảm nhận ban đầu về vấn đề đặt ra trong bài học.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập

Tìm hiểu và chia sẻ với các bạn thông tin về một đặc điểm văn hoá của người Ê-đê (ví dụ: trang phục, ẩm thực, nhà ở, lễ hội,…):

GV giao nhiệm vụ chuẩn bị bài: Tìm hiểu các thông tin về văn hoá của người Ê-đê từ buổi học trước.

GV chia nhóm HS và hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ. Ví dụ:

Nhóm 1. Làm một poster giới thiệu trang phục của người Ê-đê: Sưu tầm ảnh chụp, video,… về một bộ trang phục của người Ê-đê, tìm hiểu về chất liệu, cách làm, các hoạ tiết, sự biến đổi trong trang phục của người Ê-đê từ truyền thống đến hiện đại, ý nghĩa văn hoá, triết lí, quan niệm ẩn sau các trang phục đó.

Nhóm 2. Thuyết trình về ẩm thực của người Ê-đê: Giới thiệu một món ăn truyền thống của người Ê-đê, các nguyên liệu, cách chế biến, hương vị, ý nghĩa văn hoá của món ăn.

Nhóm 3. Làm mô hình nhà ở của người Ê-đê: Tìm hiểu về chất liệu, cách xây dựng, cách bài trí không gian, ý nghĩa văn hoá của ngôi nhà, sau đó sử dụng các vật liệu quen thuộc như bìa các-tông, gỗ để sáng tạo mô hình một ngôi nhà của người Ê-đê. Để giúp HS có thể dễ dàng tổng hợp thông tin, GV có thể thiết kế phiếu hướng dẫn.

Lưu ý: Mục đích chính của hoạt động này là nhằm giúp HS có động lực và hứng thú để tự chuẩn bị bài học, HS không nhất thiết phải thuyết trình trong buổi học mà có thể trưng bày sản phẩm trước buổi học và sau buổi học, có thể treo trên tường lớp học hoặc đăng tải trên các kênh thông tin khác như facebook, youTube,... GV và các HS khác có thể viết nhận xét của mình dưới mỗi sản phẩm của các nhóm.

GV đặt câu hỏi cho HS: Vì sao cần tìm hiểu các thông tin về văn hoá của người Ê-đê trước khi đọc sử thi Đăm Săn?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:

- GV cho 3 HS trả lời theo cảm nhận cá nhân

- GV quan sát, động viên.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận:

- HS nêu cảm nhận của cá nhân.

- GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung và bày tỏ suy nghĩ của bản thân về phần trình bày của bạn.

Bước 4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét, khen thưởng HS

➔**GV dẫn vào bài:** Cần tìm hiểu các thông tin về văn hoá của người Ê-đê trước khi đọc sử thi Đăm Săn. Vì sử thi là một bảo tàng sống động của thời đại đã qua, chứa đựng rất nhiều những thông tin về đời sống, phong tục, địa lí, lịch sử của một cộng đồng, nên muốn hiểu được sử thi, cần có tri thức nền về văn hoá, lịch sử,... Đọc sử thi cũng cho ta hiểu biết hơn về chính nền văn hoá hiện tại, vì sử thi là cội nguồn văn hoá của một cộng đồng.

Phiếu học tập số 1: Bảng KWLH

GV đưa bảng KWLH, HS điền 2 cột K và W, các cột còn lại hoàn thiện sau khi học để kích thích khả năng tìm hiểu bài học (tùy thuộc vào năng lực cá nhân của mỗi HS)

K	W	L	H
- Em đã biết những bộ sử thi nào ở Tây Nguyên?	Em muốn biết thêm điều gì về sử thi Tây Nguyên?	Điều em đã học được gì từ sử thi Tây Nguyên?	Em sẽ tiếp tục nghiên cứu, tìm hiểu về sử thi Tây Nguyên theo cách nào?
.....	…….....	…….....	…….....
.....	.....	…….....	…….....
.....	.....	.....	…….....

2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 2.1: Đọc, tìm hiểu chung về sử thi "Đăm Săn" và văn bản "Đăm Săn đi bắt Nữ Thần Mặt Trời"

a. Mục tiêu:

- Giúp HS biết cách đọc văn bản sử thi góp phần phát triển năng lực văn học, ngôn ngữ

- Tìm hiểu chung về sử thi Đăm Săn và văn bản: "Đăm Săn đi bắt Nữ Thần Mặt Trời"

b. Nội dung hoạt động: Vận dụng kĩ năng đọc thu thập thông tin, trả lời câu hỏi, điền phiếu học tập

c. Sản phẩm: Câu trả lời của cá nhân và nhóm, phiếu học tập

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Phiếu học tập số 2: Bảng tìm hiểu chung về văn bản

Vị trí đoạn trích	
Hình thức diễn xướng	
Tóm tắt các sự kiện chính	
Ý nghĩa nhan đề	

<table>
<tr><th>HĐ của GV và HS</th><th>Dự kiến sản phẩm</th></tr>
<tr>
<td>
HOẠT ĐỘNG CHUNG CẢ LỚP
Tìm hiểu chung về sử thi "Đăm Săn"
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:
Qua tìm hiểu ở nhà, nêu những hiểu biết của em về tác phẩm sử thi Đăm Săn và tóm tắt sử thi Đăm Săn.
Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ.
Bước 3: Báo cáo, thảo luận
GV mời một số HS chia sẻ thông tin đã chuẩn bị, sưu tầm trước tiết học.
Bước 4: Đánh giá, kết luận

Đọc và tìm hiểu chung về văn bản "Đăm Săn đi bắt Nữ Thần Mặt Trời"
Bước 1: GV giao nhiệm vụ:
Thao tác 1: Đọc văn bản, tìm hiểu nhanh chú thích, câu hỏi bên lề phải SGK
- GV phân vai, yêu cầu HS đọc thành tiếng trước lớp.
</td>
<td>
I. Tìm hiểu chung về sử thi "Đăm Săn" và văn bản
1. Tìm hiểu chung về sử thi "Đăm Săn"
- Thể loại: Sử thi anh hùng của dân tộc Ê-đê (Tây Nguyên).
- Bộ sử thi dài 2077 câu, thể hiện truyền thống văn hóa của đồng bào Ê-đê Tây Nguyên.
- Tóm tắt: SGK
2. Đọc và tìm hiểu chung về văn bản "Đăm Săn đi bắt Nữ Thần Mặt Trời"
a. Đọc và tìm hiểu chú thích
-Yêu cầu đọc: Phân biệt giọng của người trần thuật và giọng của các nhân vật trong văn bản.
- Chú thích SGK tr.105-110
b. Tìm hiểu chung về văn bản "Đăm Săn đi bắt Nữ Thần Mặt Trời"
Phiếu 2: Bảng tìm hiểu chung về văn bản
<table>
<tr><td>Vị trí đoạn trích</td><td>Sau khi đã chiến thắng Mtao Grự và Mtao Mxây để giải cứu Hơ Nhị, Hơ Bhị, Đăm Săn trở nên một tù trưởng giàu mạnh, danh vang đến thần, tiếng lừng khắp núi. Nhưng chàng vẫn quyết tâm đi hết tháng hết năm để chinh phục Nữ Thần Mặt Trời, để "từ người Ê-đê bên bờ sông đến người M Nông ở dưới thấp không còn một ai dám trái lời", không một tù trưởng nào có thể sánh với chàng. Bị Nữ Thần Mặt Trời từ chối, Đăm Săn kiên quyết ra về, mặc Nữ Thần cảnh báo là chàng sẽ chết khi mặt trời lên.</td></tr>
</table>
</td>
</tr>
</table>

Trong quá trình đọc, HS chú ý phân biệt giọng của người trần thuật và giọng của các nhân vật trong văn bản. - GV nhắc HS chú ý đến chú thích SGK, các chỉ dẫn bên phải văn bản và nhận định chung về ý nghĩa của chúng. **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** + HS đọc, trả lời nhanh câu hỏi + GV quan sát, khích lệ HS. **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** + HS đọc văn bản theo yêu cầu, dựa vào bảng kiểm + HS nhận xét lẫn nhau. **Bước 4: Đánh giá, kết luận:** GV nhận xét cách đọc của HS. GV hướng dẫn HS nghe mẫu một số đoạn tiêu biểu **Thao tác 2: Tìm hiểu chung về văn bản** **Bước 1: GV giao nhiệm vụ:** **GV hướng dẫn HS thực hiện phiếu học tập số 2:** Tìm hiểu chung về đoạn trích ***Đăm Săn đi bắt Nữ Thần Mặt Trời*** HS trao đổi cặp đôi để hoàn thành nhiệm vụ **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** + HS hoàn thành phiếu học tập + GV quan sát, khích lệ HS.	**Hình thức diễn xướng**	Sử thi *Đăm Săn* thường được diễn xướng theo lối kể khan, trong đó già làng vừa kể, hát, vừa sử dụng nét mặt, điệu bộ để diễn tả câu chuyện bên bếp lửa nhiều đêm liền, trong các nhà dài, trên chòi rẫy, vào dịp lễ hội hay lúc nông nhàn. Nghe kể khan Đăm Săn là một truyền thống văn hoá của người Ê-đê.
	Tóm tắt các sự kiện chính	(1) Đăm Săn rủ Đăm Par Kvây đi bắt Nữ Thần Mặt Trời. (2) Đăm Par Kvây khuyên Đăm Săn không nên đi vì đường đi nguy hiểm, Đăm Săn có thể chết trong Rừng Sáp Đen. (3) Đăm Săn vẫn quyết tâm đến nhà của Nữ Thần Mặt Trời. (4) Đăm Săn gặp Nữ Thần Mặt Trời, ngỏ ý muốn lấy nàng làm vợ. (5) Nữ Thần Mặt Trời từ chối và khuyên Đăm Săn trở về. (6) Đăm Săn trở về và chết trong Rừng Sáp Đen.
	Ý nghĩa nhan đề	- Ý nghĩa của biểu tượng Mặt Trời khi đọc trích đoạn *Đăm Săn đi bắt Nữ Thần Mặt Trời*: ý nghĩa của biểu tượng Mặt Trời rất đa dạng phong phú nhưng dù là gì đi nữa Mặt Trời vẫn gợi về một thế giới siêu linh, thần thánh, phi phàm => Đăm Săn đi bắt Nữ cho ta thấy khát vọng mãnh liệt, lòng quyết tâm chinh phục, sự mạnh mẽ, dũng cảm của Đăm Săn.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận: + HS chọn bạn hình thành cặp đôi mới để nhận xét, bổ sung hoàn thiện phiếu và trình bày trước lớp + HS nhận xét lẫn nhau. **Bước 4: Đánh giá, kết luận:** GV đánh giá phần trình bày của HS	

Bảng kiểm kĩ năng đọc

STT	Tiêu chí	Đạt/ Chưa đạt
1	Đảm bảo đọc đúng chính tả	
2	Đảm bảo đọc tương đối diễn cảm, thể hiện được tương đối đúng tính cách nhân vật mình đóng vai	
3	Đảm bảo đọc diễn cảm, thể hiện được sâu sắc tính cách và nội tâm nhân vật mình đóng vai	
4	Giúp người nghe như sống lại cả một thời đại huy hoàng của sử thi	

Hoạt động 2.2: Suy ngẫm và phản hồi (Đọc hiểu chi tiết)

a. Mục tiêu:

- Giúp HS nhận biết và phân tích được một số yếu tố của sử thi: không gian, thời gian, cốt truyện, nhân vật, lời người kể chuyện và lời nhân vật.

- Biết nhận xét nội dung bao quát của văn bản; biết phân tích các chi tiết tiêu biểu, đề tài, câu chuyện, nhân vật và mối quan hệ giữa chúng nêu được ý nghĩa tác phẩm văn học đối với người đọc.

b. Nội dung hoạt động: HS làm việc cá nhân, hoạt động nhóm để tìm hiểu nội dung và nghệ thuật của văn bản sử thi "Đăm Săn đi bắt Nữ Thần Mặt Trời" (Trích sử thi "Đăm Săn")

c. Sản phẩm: Câu trả lời, phiếu học tập đã hoàn thiện của cá nhân và nhóm.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Các phiếu học tập:

Phiếu học tập số 3: Bảng tìm hiểu về lời văn sử thi

Ví dụ phân tích	

Nhận xét lời kể, lời miêu tả, lời đối thoại qua ví dụ	
Đánh giá lời kể sử thi	

Phiếu học tập số 4: Bảng đánh giá về hình thức kể chuyện sử thi của người Ê-đê

Vai trò của người kể chuyện	
Ví dụ phân tích	
Nhận xét hình thức kể chuyện sử thi (điểm nhìn, ngôi kể, giọng điệu, nhịp điệu trần thuật, các biện pháp nghệ thuật, lời bình luận của người kể chuyện) qua ví dụ phân tích	
Đánh giá hình thức kể chuyện sử thi	

Phiếu học tập số 5: Bảng tìm hiểu phong tục, tập quán, tín ngưỡng của người Ê-đê qua đoạn trích "Đăm Săn đi bắt Nữ Thần Mặt Trời"

Vai trò của sử thi trong việc lưu giữ kí ức của cộng đồng	
Phong tục, tập quán, tín ngưỡng của người Ê-đê được bảo tồn qua sử thi "Đăm Săn"	
Những chi tiết chứa phong tục, tập quán, tín ngưỡng của người Ê-đê qua đoạn trích "Đăm Săn đi bắt Nữ Thần Mặt Trời"	
Phong tục, tập quán, tín ngưỡng của người Ê-đê qua đoạn trích "Đăm Săn đi bắt Nữ Thần Mặt Trời"	

Phiếu học tập số 6: Bảng tìm hiểu kết cục của Đăm Săn

Những cảnh báo về cái chết	
Kết cục của Đăm săn	
Lí giải cho quyết định trở về của Đăm Săn dù biết mình sẽ chết trong Rừng Đen khi mặt trời lên	
Đánh giá về cái chết của Đăm Săn trong Rừng Đen	

Phiếu học tập số 7: Bảng tìm hiểu hình tượng Nữ Thần Mặt Trời

Vẻ đẹp và quyền lực của Nữ Thần Mặt Trời	
Biểu tượng của Nữ Thần Mặt Trời	

Hình tượng người anh hùng quyết tâm chinh phục tự nhiên trong một số tác phẩm dân gian khác và khát vọng của dân gian	

Phiếu học tập số 8: Bảng tìm hiểu vẻ đẹp của những người anh hùng sử thi

Đặc điểm nhân vật		**Héc-to từ biệt Ăng-đrô-mác**	**Đăm Săn đi bắt Nữ Thần Mặt Trời**
Ngoại hình			
Lí tưởng, phẩm chất			
Khát vọng			
Hoàn cảnh, số phận			
Nghệ thuật miêu tả			
Đánh giá	Khác nhau		
	Giống nhau		

HĐ của GV và HS	**Dự kiến sản phẩm**
GV hướng dẫn HS đọc, tìm hiểu chi tiết văn bản **Bước 1: GV giao nhiệm vụ:** GV hướng dẫn HS tìm hiểu về văn bản qua việc hoàn thành các **phiếu học tập 3, 4, 5, 6, 7, 8** (hình thức trao đổi, thảo luận nhóm theo kĩ thuật Khăn trải bàn). 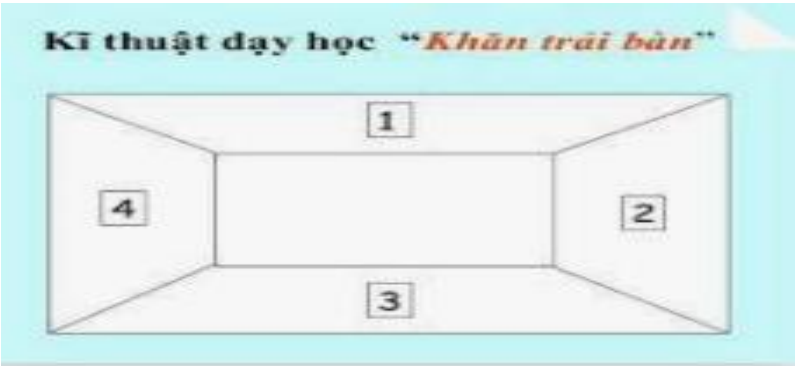 **- Nhóm 1: Tìm hiểu về lời văn sử thi:** **- Nhóm 2: Đánh giá về hình thức kể chuyện sử thi của người Ê đê:** **- Nhóm 3: Tìm hiểu phong tục, tập quán, tín ngưỡng của người Ê-đê qua đoạn trích Đăm Săn đi bắt Nữ Thần Mặt Trời** **- Nhóm 4: Tìm hiểu kết cục của Đăm săn**	**II. Đọc - hiểu chi tiết văn bản (Suy ngẫm và phản hồi)** **1. Tìm hiểu về lời văn sử thi** **Phiếu học tập số 3: Bảng tìm hiểu về lời văn sử thi (bảng bên dưới)** **2. Đánh giá về hình thức kể chuyện sử thi của người Ê-đê** **Phiếu học tập số 4: Bảng đánh giá về hình thức kể chuyện sử thi của người Ê-đê (bảng bên dưới)** **3. Tìm hiểu phong tục, tập quán, tín ngưỡng của người Ê-đê qua đoạn trích**

- **Nhóm 5: Tìm hiểu hình tượng Nữ Thần Mặt Trời** - **Nhóm 6: Tìm hiểu vẻ đẹp của những người anh hùng sử thi** GV phát PHT riêng cho từng nhóm. **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** - HS suy nghĩ cá nhân, ghi câu trả lời vào vị trí trả lời cá nhân trên PHT A0. - Thảo luận theo nhóm, thư kí ghi kết quả thảo luận của nhiệm vụ học tập vào vị trí trung tâm PHT A0. **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận** - Các nhóm báo cáo kết quả thảo luận. - HS bổ sung, nhận xét lẫn nhau. ***Khi báo cáo kết quả, Gv có thể tổ chức dưới dạng trò chơi: Tiếp sức Đăm Săn đi bắt Nữ thần Mặt Trời** • **Cách thức tổ chức:** + Mỗi nhóm sẽ đứng thành hàng, các nhóm nối tiếp nhau theo thứ tự phiếu học tập giáo viên đã phát + Các thành viên trong nhóm sẽ hỗ trợ nhau trả lời các câu hỏi dành cho nhóm mình + Câu hỏi nào không trả lời được, nhóm có thể bỏ qua và bị trừ 10 điểm + Tổng số điểm các nhóm trả lời được tất cả các câu hỏi bằng 100 điểm + Nhóm trả lời được câu hỏi bỏ qua của nhóm khác sẽ được cộng 10 điểm ***GV tư vấn hỗ trợ xây dựng bộ câu hỏi cho trò chơi *Tiếp sức Đăm Săn đi bắt Nữ thần Mặt Trời:*** **Với nhóm 1:** - Đọc một ví dụ cụ thể và nhận xét đặc điểm của lời kể, lời miêu tả, lời đối thoại trong đoạn trích. - Lời kể, lời miêu tả, lời đối thoại có vai trò gì trong việc khắc hoạ nhân vật? - Hãy làm rõ những đặc trưng của lời văn sử thi trong đoạn trích này.	**"Đăm Săn đi bắt Nữ Thần Mặt Trời"** **Phiếu học tập số 5: Bảng tìm hiểu phong tục, tập quán, tín ngưỡng của người Ê-đê qua đoạn trích "Đăm Săn đi bắt Nữ Thần Mặt Trời" (bảng bên dưới)** **4. Tìm hiểu kết cục của Đăm Săn** **Phiếu học tập số 6: Bảng tìm hiểu kết cục của Đăm Săn (bảng bên dưới)** **5. Tìm hiểu hình tượng Nữ Thần Mặt Trời** **Phiếu học tập số 7: Bảng tìm hiểu hình tượng Nữ Thần Mặt Trời (bảng bên dưới)** **6. Tìm hiểu vẻ đẹp của những người anh hùng sử thi** **Phiếu học tập số 8: Bảng tìm hiểu vẻ đẹp của những người anh hùng sử thi (bảng bên dưới)**

Với nhóm 2: - Vai trò của người kể chuyện trong một tác phẩm tự sự - Người kể chuyện trong đoạn trích này là ai? Xác định ngôi kể, điểm nhìn trần thuật? - Đọc lại một chi tiết trong văn bản rồi cho biết người kể chuyện là ai, kể từ điểm nhìn nào, bằng giọng điệu như thế nào? - Đánh giá hình thức kể chuyện sử thi? - Giả sử bạn là người được trực tiếp nghe kể khan "Đăm Săn" trong không gian văn hoá Tây Nguyên, bạn sẽ có suy nghĩ, cảm xúc gì? **Với nhóm 3:** - Tìm những chi tiết mô tả vẻ đẹp và quyền lực của Nữ Thần Mặt Trời - Theo bạn, hình tượng Nữ Thần Mặt Trời trong sử thi Đăm Săn mang những ý nghĩa gì? – Hình tượng người anh hùng quyết tâm chinh phục tự nhiên còn xuất hiện trong những văn bản nào khác? Ý nghĩa của hình tượng đó là gì? – Vì sao những câu chuyện như vậy lại có mặt ở khắp thế giới? **Với nhóm 4:** - Chỉ ra những chi tiết cho thấy những cảnh báo về cái chết của Đăm săn khi quyết tâm trở về. – Tại sao dù biết mình sẽ chết trong Rừng Đen khi mặt trời lên, Đăm Săn vẫn quyết định trở về? - Bạn có suy nghĩ gì về cái chết của Đăm Săn trong Rừng Đen? - Phải chăng đó là kết quả tất yếu của việc theo đuổi một mục tiêu vượt quá giới hạn con người? **Với nhóm 5:** - Qua đoạn trích Đăm Săn đi bắt Nữ Thần Mặt Trời, bạn nhận ra những đặc trưng nào trong phong tục, tập quán, tín ngưỡng của người Ê-đê xưa? - Nhận xét về vai trò của sử thi trong việc lưu giữ kí ức của cộng đồng?	

GV hướng dẫn cách khai thác các yếu tố Phôn-cờ-lo (folklore) trong sử thi. - Đọc một số ví dụ tiêu biểu mà ở đó ta nhận ra các phong tục, tập quán, tín ngưỡng của người Ê-đê xưa. - Chia sẻ lại những hiểu biết của mình về văn hoá của người Ê-đê được thể hiện trong văn bản (nhà cửa, trang phục, ẩm thực, giao tế, tổ chức xã hội,…) **Với nhóm 6:** - Nhận xét ngoại hình, lí tưởng, phẩm chất, khát vọng, hoàn cảnh, số phận, nghệ thuật miêu tả người anh hùng Héc-to. - Nhận xét ngoại hình, lí tưởng, phẩm chất, khát vọng, hoàn cảnh, số phận, nghệ thuật miêu tả người anh hùng Đăm Săn - Qua các nhân vật trong hai đoạn trích, hãy chỉ ra điểm tương đồng và khác biệt trong quan niệm về người anh hùng của người Hy Lạp cổ đại và người Ê-đê. Qua việc phân tích nhân vật Đăm Săn và Héc-to, bạn có thể rút ra kinh nghiệm gì để có thể phân tích các nhân vật sử thi? **Bước 4: Nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ** GV nhận xét đánh giá kết quả của các các nhóm và cho điểm. GV chuẩn hóa kiến thức.	

Gợi ý:

Phiếu học tập số 3: Bảng tìm hiểu về lời văn sử thi

Ví dụ phân tích	Đoạn miêu tả Đăm Săn khi đến nhà Đăm Par Kvây: "Chàng giậm chân trên sàn sân, hai lần sàn sân làm như vỗ cánh, bảy hàng cột nhà chao qua chao lại từ đông sang tây. Chàng giắt chà gạc lên, rồi ngồi xuống, trông nghênh nghênh như con rắn trong hang, ngang ngang như con cọp trong đầm, như con tê giác trong thung. Chàng nói nói cười cười, tiếng oang oang như sấm gầm sét dậy".
Nhận xét lời kể, lời miêu tả, lời đối thoại qua ví dụ	Ở đây, người kể chuyện đã dừng lại để miêu tả hành động của Đăm Săn bằng thủ pháp khoa trương, trùng điệp, so sánh, nhằm giúp người đọc có thể hình dung ra một cách sống động về nhân vật và nhấn mạnh sức mạnh phi thường của Đăm Săn.
Đánh giá lời kể sử thi	Lời kể trong sử thi Đăm Săn có sự phối hợp khéo léo và hài hoà giữa kể, tả, bình luận, lôi cuốn người đọc bằng lối miêu tả tỉ mỉ, giúp người đọc hình dung được một cách sống động về nhân vật, bối cảnh. Các thủ pháp khoa trương, cường điệu, so sánh thường được sử dụng một cách thường xuyên, nhằm giúp người đọc hình dung một cách cụ thể, sống động về nhân vật, đồng thời thể hiện sự ngưỡng mộ đối với nhân vật và câu chuyện được kể. Cách kể chuyện chậm rãi, thường dừng lại ở những tiết đoạn cao trào, tạo

	điểm nhấn và sự hồi hộp chờ đợi cho người đọc. Lời đối thoại thể hiện rõ giọng điệu, cá tính của từng nhân vật. Lời kể này vừa rất tiêu biểu cho lời kể của sử thi, vừa thể hiện sắc thái riêng của lối kể khan của người Tây Nguyên.

Gợi ý:

Phiếu học tập số 4: Bảng đánh giá về hình thức kể chuyện sử thi của người Ê-đê

Vai trò của người kể chuyện	Đó là người chứng kiến, hoặc tham gia vào câu chuyện, phát hiện ý nghĩa của nó và có nhu cầu kể lại. Người kể này không chỉ tạo nên truyện kể mà còn chỉ dẫn, gợi mở và đối thoại với người đọc.
Ví dụ phân tích	- "Ai ai cũng đã từng nghe đồn Đăm Săn là một tù trưởng giàu mạnh, đầu đội khăn nhiễu, vai mang nải hoa", "Khắp các tù trưởng không một ai như chàng Đăm Săn cả", "Tiếng xì xào ca ngợi chàng đã vọng tới tai Nữ Thần Mặt Trời ở nhà trong",... - Đoạn miêu tả hình dáng của Đăm Săn, đoạn miêu tả hành động của Đăm Săn khi đến nhà Nữ Thần Mặt Trời, đoạn miêu tả Đăm Săn trở về,…
Nhận xét hình thức kể chuyện sử thi (điểm nhìn, ngôi kể, giọng điệu, nhịp điệu trần thuật, các biện pháp nghệ thuật, lời bình luận của người kể chuyện) qua ví dụ phân tích	+ Ngôi kể: Ngôi thứ ba + Điểm nhìn: Từ đám đông, từ quần chúng, + Giọng điệu của người kể chuyện: ngợi ca + Nhịp điệu trần thuật: hào hùng, say mê + Các biện pháp nghệ thuật: nghệ thuật trùng điệp, phóng đại, so sánh,... + Những lời bình luận của người kể chuyện: thể hiện cảm xúc ngưỡng mộ tự hào
Đánh giá hình thức kể chuyện sử thi	Người kể chuyện trong tác phẩm là người kể chuyện ngôi thứ ba, kể từ điểm nhìn bên ngoài, là người kể chuyện hoà mình vào đám đông, vào cộng đồng để kể câu chuyện về chàng Đăm Săn. Giọng điệu ngợi ca là giọng điệu xuyên suốt văn bản, được thể hiện qua thủ pháp khoa trương, trùng điệp, lối so sánh ví von, cách sử dụng các tính ngữ cố định (cụm tính từ được lặp đi lặp lại chỉ đặc điểm của nhân vật) nhằm tô đậm vẻ đẹp và phẩm chất phi thường của chàng Đăm Săn. Giọng điệu ngợi ca cũng được thể hiện qua những lời bình luận trực tiếp của người kể chuyện và nhịp điệu chậm rãi, khoan thai của lời kể

Gợi ý:

Phiếu học tập số 5: Bảng tìm hiểu phong tục, tập quán, tín ngưỡng của người Ê-đê qua đoạn trích "Đăm Săn đi bắt Nữ Thần Mặt Trời"

Vai trò của sử thi trong việc lưu giữ kí ức của cộng đồng	Sử thi được coi là bách khoa tri thức, là bảo tàng sống động về địa lí, lịch sử, phong tục tập quán,... của một cộng đồng người.
Phong tục, tập quán, tín ngưỡng của người Ê-đê được bảo tồn qua sử thi "Đăm Săn"	Đọc sử thi "Đăm Săn", ta biết thêm về những câu chuyện thần thoại, truyền thuyết của người Ê-đê, hình dung được không gian sống, cách ăn mặc, tục lệ tang ma, cưới hỏi,

	những mối quan hệ trong gia đình của người Ê-đê.
Những chi tiết chứa phong tục, tập quán, tín ngưỡng của người Ê-đê qua đoạn trích "Đăm Săn đi bắt Nữ Thần Mặt Trời"	Đoạn miêu tả Đăm Săn đến làng của Đăm Par Kvây, Đoạn miêu tả cảnh Đăm Par Kvây tiếp đón Đăm Săn, Đoạn miêu tả hành trình của Đăm Săn khi đến nhà của Nữ Thần Mặt Trời, Đoạn miêu tả ngôi nhà của Nữ Thần Mặt Trời,…
Phong tục, tập quán, tín ngưỡng của người Ê-đê qua đoạn trích "Đăm Săn đi bắt Nữ Thần Mặt Trời" *Tích hợp: Giáo dục ý thức giữ gìn giá trị văn hoá: - Trân trọng các giá tri văn hoá truyền thống. - Có ý thức giữ gìn, bảo vệ sự đa dạng văn hoá của dân tộc.	Đoạn trích đã cho ta thấy một bức tranh vô cùng sống động về phong tục, tập quán, tín ngưỡng của người Ê-đê: + Người Ê-đê ở trong nhà sàn, với nhiều hàng cột, xà ngang xà dọc, có cầu thang. + Trong nhà có các vật dụng: ché tuk, chiếu, chiêng, mâm đồng, chậu thau,... biểu thị của sự giàu có, sung túc; + Khi có khách đến, người ta đánh chiêng, trải chiếu, rót rượu trong ché tuk mời khách, + Người đàn ông khi đi rừng thường giắt theo chà gạc, + Ông Đu, ông Điê là những vị thần cao nhất trong hệ thống thần của người Ê-đê,...

Gợi ý:

Phiếu học tập số 6: Bảng tìm hiểu kết cục của Đăm Săn

Những cảnh báo về cái chết	- Nội dung chung của đoạn đối thoại giữa Đăm Săn với Đăm Par Kvây, lời nói của Nữ Thần Mặt Trời và đoạn cuối của đoạn trích: cảnh báo về cái chết của Đăm Săn, Đăm Săn cũng biết rõ điều đó. Hành trình trở về của Đăm Săn: khó khăn, nguy hiểm, cái chết cận kề - Thái độ của Đăm Săn: cương quyết đi bắt Nữ Thần Mặt Trời. Sự trở về của Đăm Săn đã được cảnh báo về mức độ nguy hiểm nhưng Đăm Săn vẫn quyết tâm
Kết cục của Đăm săn	Chết trong Rừng Đen
Lí giải cho quyết định trở về của Đăm Săn dù biết mình sẽ chết trong Rừng Đen khi mặt trời lên	Có thể có nhiều cách cắt nghĩa: (1) Nhân vật sử thi là nhân vật hành xử theo nguyên tắc danh dự. Đây là đặc điểm thống nhất của nhiều mẫu hình anh hùng sử thi ở nhiều dân tộc trên thế giới. Héc-to biết trước mình sẽ chết khi ra trận và biết trước số phận hẩm hiu sẽ đến với những người thân của mình nếu mình chết, nhưng vẫn quyết tâm ra trận vì danh dự. Ra-ma buộc tội Xi-ta mặc dù hết lòng yêu thương người vợ của mình cũng vì danh dự. Thế nên, hành động quyết tâm đi bắt Nữ Thần Mặt Trời hay quyết tâm trở về sau khi ý nguyện không thành của Đăm Săn cũng thể hiện nguyên tắc danh dự của người anh hùng Ê-đê. (2) Nhân vật sử thi là nhân vật của cộng đồng. Họ là một phần của xóm làng. Dù có chinh phục miền đất mới, phiêu lưu tới những xứ sở xa xôi, thì nơi chốn thực sự của họ bao giờ cũng là quê hương, cộng đồng của mình. Thế nên, ông già Pri-am bất

	chấp hiểm nguy và thể diện để đòi mang bằng được thi thể của Héc-to về thành Tơ-roa, Uy-lít-xơ cuối cùng cũng trở về nhà của mình sau nhiều năm phiêu bạt. Sứ mệnh của Đăm Săn là phục vụ cho cộng đồng của mình. Hành động của Đăm Săn là đại diện cho ý nguyện của cộng đồng. Vì thế, khi chí nguyện không thành, Đăm Săn phải quay trở lại với cộng đồng của mình, dù hành trình đó đầy những thử thách và nguy hiểm. Người anh hùng sử thi cũng đại diện cho ý chí tự do của con người, thậm chí vì ý chí tự do này mà nhân vật có thể chống lại định mệnh. Hành động Đăm Săn bất chấp cảnh báo của Nữ Thần Mặt Trời cũng có thể biểu hiện những nỗ lực chống lại định mệnh để khẳng định ý chí tự do của con người.
Đánh giá về cái chết của Đăm Săn trong Rừng Đen	Cái chết của Đăm Săn càng tô đậm phẩm chất dũng cảm, ý chí tự do, quyết tâm mãnh liệt và ý thức về danh dự của người anh hùng, dù có chết cũng không từ bỏ lí tưởng của mình. Cái chết là một thách thức mới và cũng là thách thức cao nhất cho ý chí tự do và lòng can đảm của Đăm Săn. Mô tả cái chết của Đăm Săn là nhằm nhấn mạnh sự tái sinh của Đăm Săn trong hình tượng Đăm Săn cháu, người sẽ tiếp nối hành trình của chàng trong phần tiếp theo của sử thi. Cái chết của Đăm Săn thể hiện bi kịch của người anh hùng cộng đồng trong hành trình chinh phục của họ.

Gợi ý:

Phiếu học tập số 7: Bảng tìm hiểu hình tượng Nữ Thần Mặt Trời

Vẻ đẹp và quyền lực của Nữ Thần Mặt Trời	- Cầu thang trông như cái cầu vồng. Cối giã gạo bằng vàng, chày cũng bằng vàng. Chày của tù trưởng giàu có này giã gạo trông cứ lấp la lấp lánh. Toà nhà dài dằng đặc, voi vây chặt sàn sân, chiêng xếp đầy nhà ngoài, cồng chất đầy nhà trong, tôi trai tớ gái như ong đi lấy nước, như vò vẽ đi chuyển hoa, các xà ngang xà dọc đều thếp vàng. Khắp các nhà giàu có, không thấy đâu có một ngôi nhà như vậy cả. - Nàng mặc một váy ánh như sét, loáng như chớp. Mái tóc nàng vén bên tai trông thật là đẹp. Nàng từ trong buồng đi ra, của buồng liền bừng sáng. Nàng đi trông như diều bay ó liệng, như nước lững lờ trôi cũng không bằng. Lỡ chân hụt bước chăng, nàng liền tần ngần đứng lại hay ngồi xuống, không một ai giống như nàng cả. Tiếng nàng lanh lanh, người chưa tới mà tiếng đã vẳng lại. Thật không thấy có một ai như nàng cả. Trước mặt Đăm Săn là một cô gái thân hình như cái nụ tai, cổ như cổ công, nàng rõ ràng là con của Thần Đất và Thần Trời rồi! - Nữ Thần - Nhưng nếu ta đi thì lợn dưới gà trên, cọp tê giác, ngựa trâu sẽ chết hết. Chết cả người Kur, người Lào vì hết đất làm nương. Chết cả người Ê-đê Ê-ga vì không còn nước uống. Chết cả gầm ghì cu xanh vì không còn

	trái ăn. Nếu ta đi, cây trong rừng sẽ tuyệt diệt, cây trên rú sẽ chết khô, lau lách sẽ ngừng đâm chồi, cỏ cây sẽ tàn lụi, đất đai sẽ nứt nẻ, sông suối sẽ cạn khô. Thôi, người hãy đi lấy gùi nước về đi! Ta sắp ra đi đây.
Biểu tượng của Nữ Thần Mặt Trời	**Có thể có nhiều cách giải thích, tuỳ thuộc vào mỗi góc nhìn:** - **Nữ Thần Mặt Trời là biểu trưng cho sức mạnh của tự nhiên** ("nếu ta đi thì lợn dưới gà trên, cọp tê giác ngựa trâu sẽ chết hết"…). Hành động quyết tâm đi bắt Nữ Thần Mặt Trời của Đăm Săn thể hiện khát vọng lớn lao và phẩm chất dũng cảm phi thường của Đăm Săn, đồng thời cũng thể hiện khát vọng chinh phục tự nhiên của cộng đồng người Ê-đê. - **Nữ Thần Mặt Trời còn là biểu trưng của chế độ mẫu hệ** (chú ý những chi tiết miêu tả vẻ đẹp và quyền lực của Nữ Thần: "nàng mặc một váy ánh như sét, loáng như chớp, tiếng nàng lanh lảnh, người chưa tới mà tiếng đã tới, nàng rõ ràng là con của Thần Đất và Thần Trời rồi") và hành động quyết tâm chinh phục Nữ Thần Mặt Trời của Đăm Săn còn là biểu tượng cho xung đột quyền giữa người đàn ông và người phụ nữ trong xã hội mẫu hệ Ê-đê. - **Nữ Thần Mặt Trời là biểu tượng của những vùng đất mới** (chú ý các chi tiết miêu tả vùng đất và nhà của Nữ Thần Mặt Trời và hành trình xa xôi, gian nguy của Đăm Săn: "Chàng đi hết rừng rậm đến núi xanh, cỏ tranh xé tay, gai mây đâm chân",…). Hành động quyết tâm đi bắt Nữ Thần Mặt Trời của Đăm Săn biểu trưng cho khát vọng chinh phục những vùng đất mới của cộng đồng. **=> Đăm Săn quyết tâm đi bắt Nữ Thần Mặt Trời, bất chấp can ngăn của mọi người. Hành động đó thể hiện ý chí tự do của người anh hùng mang lí tưởng cộng đồng.**
Hình tượng người anh hùng quyết tâm chinh phục tự nhiên trong một số tác phẩm dân gian khác và khát	– Ta có thể thấy những hình tượng tương tự như vậy trong rất nhiều tác phẩm văn học trên khắp thế giới, thuộc nhiều thời đại khác nhau: Thần Trụ Trời (thần thoại Việt Nam), Sơn Tinh, Thuỷ Tinh (truyền thuyết Việt Nam), Hậu Nghệ bắn Mặt Trời (Thần thoại Trung Quốc),...Các hình tượng này đều thể hiện khát vọng lớn lao của con người mọi thời đại là chế ngự được tự nhiên. – Con người luôn cảm thấy mình bé nhỏ trước tự nhiên, vì tự nhiên vô cùng bí ẩn và đầy sức mạnh, vừa cung cấp điều kiện sống cho con người, nhưng cũng đồng thời là một mối đe doạ với con người, nên con người mọi thời đại luôn mong ước mình có thể làm chủ được tự nhiên.

vọng của dân gian	

Gợi ý:

Phiếu học tập số 8: Bảng tìm hiểu vẻ đẹp của những người anh hùng sử thi

Đặc điểm nhân vật		**Héc-to từ biệt Ăng-đrô-mác**	**Đăm Săn đi bắt Nữ Thần Mặt Trời**
Ngoại hình		Đẹp đẽ, hùng mạnh, phi thường	Đẹp đẽ, hùng mạnh, phi thường
Lí tưởng, phẩm chất		Đem vinh quang cho thành bang, sẵn sàng hi sinh hạnh phúc cá nhân để làm tròn bổn phận với cộng đồng	Khát vọng chinh phục
Khát vọng		- Chiến thắng quân Hi Lạp đem vinh quang cho thành Tơ-roa	Bắt được Nữ thần Mặt Trời về làm vợ
Hoàn cảnh, số phận		- Có gia đình, có địa vị cao sang nhưng vẫn quyết tâm mở thành nghênh chiến với kẻ thù để bảo vệ danh dự - Kết cục là cái chết thảm khốc	- Là tù trưởng hùng mạnh, có tất cả của cải, vật chất, có nhiều tôi tớ và những người vợ xinh đẹp, nhưng vẫn quyết tâm đi chinh phục Nữ thần Mặt Trời - Kết cục là cái chết
Nghệ thuật miêu tả		Các tính từ lặp đi lặp lại, kể bằng ngôi thứ 3 với các biện pháp phóng đại, cường điệu, giọng điệu ngợi ca	Các tính từ lặp đi lặp lại, kể bằng ngôi thứ 3 với các biện pháp phóng đại, cường điệu, giọng điệu ngợi ca
Đánh giá	Khác nhau	- Ở nhân vật Héc-to, bình diện con người cá nhân được đặc biệt nhấn mạnh - Ý chí, khát vọng: Héc-to bất chấp cái chết đã được báo trước để bảo vệ thành bang	- Ở nhân vật Đăm Săn, bình diện cá nhân của con người không được chú trọng miêu tả - Ý chí, khát vọng: Đăm Săn bất chấp cái chết đã được báo trước để chinh phục Nữ Thần Mặt Trời.

		- Với người Hy Lạp thời cổ đại, phẩm chất cao nhất của người anh hùng là sự hi sinh và bổn phận với thành bang, ý thức công dân là phẩm chất quan trọng nhất của người anh hùng.	- Trong khi đó, với người Ê-đê, phẩm chất quan trọng nhất của người anh hùng là khát vọng mở mang bờ cõi, chinh phục tự nhiên.
	Giống nhau	Hai nhân vật đều được miêu tả như những người anh hùng có sức mạnh phi thường, ý chí mạnh mẽ, phẩm chất can trường, ở sự dũng cảm dám đối mặt và vượt qua thách thức của định mệnh và cái chết. Trong sử thi nói chung và trong hai đoạn trích nói riêng, người anh hùng đều được coi là đại diện cho phẩm chất, sức mạnh, khát vọng của cộng đồng, đều hành động theo nguyên tắc danh dự. Sự thất bại và cái chết được báo trước của những người anh hùng khi chống lại định mệnh cũng thể hiện thế giới quan thần thoại của người cổ đại nói chung.	

BẢNG KIỂM ĐÁNH GIÁ SẢN PHẨM TRÌNH BÀY NỘI DUNG THẢO LUẬN CÁC NHÓM

STT	Tiêu chí	Xuất hiện	Không xuất hiện
1	Thể hiện được đúng đủ nội dung		
2	Cách thể hiện phong phú không đơn điệu		
3	Thiết kế phần trình bày đẹp, sinh động, hấp dẫn		
4	Thể hiện được sâu sắc nội dung		
5	Cách thức thể hiện và nội dung hài hòa để lại ấn tượng sâu sắc với các bạn		

Hoạt động 2.3: Hướng dẫn HS Tổng kết

a. Mục tiêu: Giúp HS

- Khái quát nghệ thuật, nội dung, ý nghĩa của VB.

b. Nội dung:

- GV sử dụng KT đặt câu hỏi, tổ chức hoạt động cặp đôi chia sẻ .

- HS thảo luận cặp đôi, trình bày sản phẩm, quan sát và bổ sung.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS và thẻ học tập của HS đã hoàn thành.

d. Tổ chức thực hiện

HĐ của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: GV giao nhiệm vụ: ? Khái quát lại những đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của văn bản. ? Qua việc phân tích nhân vật Đăm Săn, em thể rút ra kinh nghiệm gì để có thể phân tích các nhân vật sử thi? **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** - HS thảo luận cặp đôi, ghi lại ý kiến trao đổi trên thẻ học tập - GV quan sát, khích lệ HS. **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** - HS hoàn thành thẻ học tập - Cặp đôi chia sẻ trước lớp - HS nhận xét lẫn nhau. **Bước 4: Đánh giá, kết luận:** GV nhận xét, chuẩn kiến thức.	**III. Tổng kết** **1. Giá trị nội dung** - Đoạn trích đã cho ta thấy một bức tranh vô cùng sống động về phong tục, tập quán, tín ngưỡng của người Ê-đê - Những sự kiện trong đoạn trích thể hiện khát vọng mãnh liệt, lòng quyết tâm chinh phục Nữ Thần Mặt Trời, sự mạnh mẽ, dũng cảm của Đăm Săn - Người anh hùng Đăm Săn đại diện cho phẩm chất, sức mạnh, khát vọng của cộng đồng Ê-đê, chàng hành động theo nguyên tắc danh dự. Trong trích đoạn, Đăm Săn đã thể hiện những phẩm chất quan trọng nhất của người anh hùng Tây Nguyên, đó là khát vọng mở mang bờ cõi, chinh phục tự nhiên. **2. Giá trị nghệ thuật** - Lời kể trong sử thi Đăm Săn có sự phối hợp khéo léo và hài hoà giữa kể, tả, bình luận. - Cách kể chuyện chậm rãi, thường dừng lại ở những tiết đoạn cao trào. - Lời đối thoại thể hiện rõ giọng điệu, cá tính của từng nhân vật. Lời kể này vừa rất tiêu biểu cho lời kể của sử thi, vừa thể hiện sắc thái riêng của lối kể khan của người Tây Nguyên. - Người kể chuyện trong tác phẩm là người kể chuyện ngôi thứ ba, kể từ điểm nhìn bên ngoài, là người kể chuyện hoà mình vào đám đông. - Giọng điệu ngợi ca là giọng điệu xuyên suốt văn bản, được thể hiện qua thủ pháp khoa trương, trùng điệp, lối so sánh ví von, cách sử dụng các tính ngữ cố định (cụm tính từ được lặp đi lặp lại chỉ đặc điểm của nhân vật), qua những lời bình luận trực tiếp của người kể chuyện và nhịp điệu chậm rãi, khoan thai của lời kể. **3. Cách phân tích các nhân vật trong sử thi** - Bước 1. Tìm các chi tiết miêu tả hình dáng, hành động, lời nói của nhân vật trong văn bản. - Bước 2. Chỉ ra các phẩm chất, lí tưởng, khát vọng của nhân vật được thể hiện thông qua các chi tiết đó.

	- Bước 3. Phân tích và đánh giá về cách miêu tả nhân vật, thái độ của người kể đối với nhân vật. - Bước 4. Suy luận về ý nghĩa của nhân vật trong việc biểu đạt quan niệm, lí tưởng, khát vọng của cộng đồng. - Bước 5. Đặt nhân vật trong không gian diễn xướng của sử thi để thấy được vai trò, sức sống, ảnh hưởng của nhân vật trong truyền thống văn hoá của cộng đồng.

3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: HS hiểu được kiến thức trong bài học để thực hiện bài tập GV giao.

b. Nội dung: Viết đoạn văn theo yêu cầu.

c. Sản phẩm: Câu trả lời đúng của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV giao nhiệm vụ:

Phải chăng một tác phẩm sử thi ra đời ở một thời đại quá xa xôi như *I-li-át* hay *Đăm Săn* không còn nhiều ý nghĩa đối với con người hiện đại? Hãy viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) trình bày quan điểm của bạn.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:

GV chia HS thành các nhóm để thảo luận và đưa ra ý kiến của mình.

GV hướng dẫn HS cách viết đoạn văn trình bày quan điểm của mình, lưu ý HS cách sử dụng các lí lẽ và bằng chứng để bảo vệ quan điểm của mình. Trong trường hợp này, có thể sử dụng các bằng chứng trong văn bản, hoặc từ những thông tin mà mình đã tìm hiểu được về văn hoá Tây Nguyên.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận:

- GV cung cấp công cụ bảng kiểm đánh giá:

Bảng kiểm kĩ năng viết đoạn văn:

STT	Tiêu chí	Đạt/ Chưa đạt
1	Đảm bảo hình thức đoạn văn với dung lượng khoảng 150 chữ	
2	Đoạn văn trả lời đúng cho câu hỏi: Phải chăng một tác phẩm sử thi ra đời ở một thời đại quá xa xôi như *I-li-át* hay *Đăm Săn* không còn nhiều ý nghĩa đối với con người hiện đại?	
3	Đoạn văn đảm bảo tính liên kết giữa các câu trong đoạn văn, có sự kết hợp các thao tác lập luận phù hợp.	
4	Đoạn văn đảm bảo yêu cầu về chính tả, cách sử dụng từ ngữ, ngữ pháp.	

5	Đoạn văn thể hiện sự sáng tạo: suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.	

- GV gọi đại diện 1 – 3 nhóm chia sẻ kết quả thảo luận.

- Các HS khác lắng nghe, nhận xét theo bảng kiểm.

Bước 4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét và cho điểm HS.

Đoạn văn tham khảo:

Gót chân chàng Asin sao lại thành điểm yếu của mỗi người? Con ngựa gỗ thành Tơ-roa đâu chỉ là tài trí của riêng Ô-đi-xê? Câu chuyện *Đăm Săn đi bắt Nữ Thần Mặt Trời*, từ lâu đã trở thành điển tích cho lòng quả cảm của mỗi người dân Việt Nam. Có lẽ mỗi tác phẩm sử thi dù ra đời ở một thời đại quá xa xôi như *I-li-át* hay *Đăm Săn* đến tận hôm nay và mai sau vẫn còn nguyên ý nghĩa đối với con người hiện đại. Những người anh hùng sử thi bao giờ cũng là kết tinh cho vẻ đẹp, cho sức mạnh cộng đồng. Những phẩm chất được cộng đồng tôn vinh sẽ bất biến theo thời gian, thậm chí ngày càng được tôn sùng, ngưỡng vọng. Con người dù sống ở bất cứ thời đại nào nào đi chăng nữa cũng đều là một cá thể trong cộng đồng, cũng vẫn luôn hướng tới những chuẩn mực của đạo đức, của cái đẹp, được cha ông đúc rút từ ngàn xưa. Vì thế, vấn đề được đặt ra trong sử thi cũng là vấn đề có ý nghĩa nhân loại, những vẻ đẹp cộng đồng trong những bộ sử thi cổ đại sẽ vẫn còn sáng mãi trong lòng độc giả muôn thế hệ…

4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: HS vận dụng kiến thức bài học vào giải quyết tình huống trong thực tiễn.

b. Nội dung: Trả lời câu hỏi về tình huống thực tiễn rút ra từ bài học.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

***Nhiệm vụ 1: Vẽ sơ đồ kiến thức bài học**

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:

GV yêu cầu HS vẽ sơ đồ kiến thức bài học

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:

HS thảo luận trong bàn hoặc nhóm nhỏ 2 bàn quay lại nhau

Bước 3: Báo cáo, thảo luận:

- Đại diện các nhóm trình bày sản phẩm.

- Nhóm khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét và chỉnh sửa, bổ sung (nếu cần).

Gợi ý:

Vẻ đẹp của sử thi



Đẹp trong lời văn

↓

Đẹp trong hình thức kể chuyện

↓

Đẹp trong phong tục, tập quán, tín ngưỡng

↓

Đẹp trong những chi tiết và hình ảnh mang nghĩa biểu tượng

↓

Đẹp trong những phẩm chất cao quý của người anh hùng sử thi

***Nhiệm vụ 2:* Bài tập dự án**

Bước 1: GV giao nhiệm vụ học tập theo dự án

- Yêu cầu:

Tập sưu tầm tư liệu, thuyết trình về những người anh hùng trong sử thi

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS suy nghĩ, thảo luận để hoàn thành bài tập dự án.
- GV khích lệ, giúp đỡ.
- Thời gian: 1 tuần

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- Báo cáo sản phẩm dự án sau 01 tuần, vào tiết học chiều.
- HS các nhóm báo cáo sản phẩm và thảo luận.

Bước 4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét ý thức làm bài của HS, chất lượng sản phẩm học tập của các nhóm.
- Cho điểm hoặc phát thưởng.

Bảng kiểm đánh giá hoạt động vận dụng

STT	Tiêu chí	Mức độ	
		Đạt	Chưa đạt
1	Sưu tầm đủ số lượng nhưng chưa thật đặc sắc tiêu biểu.		
2	Sưu tầm đủ số lượng khá tiêu biểu nhưng chưa tạo được ấn tượng sâu		

3	Sưu tầm đủ số lượng, đặc sắc, tiêu biểu, hấp dẫn người đọc.		
4	Thể hiện sản phẩm sinh động, hấp dẫn		

Hướng dẫn học ở nhà:

- Tìm đọc thêm các tác phẩm sử thi

- **Chuẩn bị bài:** Thực hành đọc "Ra-ma buộc tội" và Thực hành tiếng Việt.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Sách giáo khoa Ngữ văn 10 *Kết nối tri thức với cuộc sống*, tập 1

- Nội dung công văn 5512/BGD-ĐT.

- Nội dung modul 1, 2, 3 được tập huấn.

- Một số tài liệu, hình ảnh trên mạng internet

RÚT KINH NGHIỆM

.....

.....

.....

THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

Tiết 40

SỬ DỤNG TRÍCH DẪN, CƯỚC CHÚ VÀ CÁCH ĐÁNH DẤU PHẦN BỊ TỈNH LƯỢC TRONG VĂN BẢN

I. MỤC TIÊU

1. Năng lực

a. Năng lực chung:

-Tự chủ và tự học: Tự quyết định cách giải quyết vấn đề học tập, tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, giải quyết vấn đề học tập của bản thân và các bạn.

- Giao tiếp và hợp tác: Tăng cường khả năng trình bày, diễn đạt ý kiến, ý tưởng trước lớp, tổ nhóm học tập, tương tác tích cực với các bạn trong tổ nhóm, khi thực hiện nhiệm vụ hợp tác.

- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Chủ động đề ra kế hoạch học tập, thực hiện nhiệm vụ học tập cá nhân và nhóm học tập, xử lí linh hoạt sáng tạo các tình huống phát sinh khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

b. Năng lực đặc thù: Ngôn ngữ

- HS hiểu được cách đánh dấu phần bị tỉnh lược trong văn bản.

- HS hiểu được cách sử dụng trích dẫn và ghi cước chú.

- HS vận dụng năng lực ngôn ngữ để nhận diện, phân tích, lí giải, sử dụng và tránh được các lỗi thường gặp khi sử dụng trích dẫn trong bài viết, bài nói.

2. Phẩm chất

- Biết giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt.

- Biết tôn trọng quyền sở hữu trí tuệ.

- Làm chủ được bản thân trong quá trình học tập, có ý thức vận dụng kiến thức vào giao tiếp và tạo lập văn bản.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- Sưu tầm tài liệu, lập kế hoạch dạy học.

- Thiết kế bài giảng điện tử.

- Chuẩn bị phiếu học tập và dự kiến các nhóm học tập.

+ Các phương tiện: Máy vi tính, máy chiếu đa năng...

+ Học liệu: Sgk, kế hoạch bài dạy, sách tham khảo, phiếu học tập, clip ....

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Kết nối – tạo hứng thú cho học sinh, chuẩn bị tâm thế tiếp cận kiến thức mới.

b. Nội dung hoạt động: HS làm việc cá nhân để hiểu được cách đánh dấu phần bị tỉnh lược trong văn bản và hiểu được cách sử dụng trích dẫn và ghi cước chú.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS và phần giới thiệu của GV

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV giao nhiệm vụ:

HS xem phóng sự đạo văn đạo thơ trên VTV14

(https://www.youtube.com/watch?v=ADQjbtXI6Ck&t=636s) (00:00 – 02:30)

- Tại sao lời bài hát của Phú Quang không được xem là đạo mà lời bài thơ của nhà thơ trẻ lại bị xem là đạo thơ?

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ: HS suy nghĩ, thực hiện yêu cầu

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

Dự kiến câu trả lời:

- HS trả lời theo suy nghĩ cá nhân

- Gợi ý của GV: Không ghi nguồn trích dẫn, mặc nhiên thừa nhận sản phẩm trí tuệ của người khác là của mình bị xem là đạo.

Bước 4: Kết luận, nhận định

➔GV dẫn đường linhk https://vi.wikipedia.org/wiki/Đạo văn, từ đó dẫn vào bài:

2. HOẠT ĐỘNG 2: THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

2.1. Tìm hiểu về việc sử dụng trích dẫn, cước chú và cách đánh dấu phần bị tỉnh lược trong văn bản

a. Mục tiêu:

- HS hiểu được cách đánh dấu phần bị tỉnh lược trong văn bản.

- HS hiểu được cách sử dụng trích dẫn và ghi cước chú.

b. Nội dung hoạt động: HS làm việc nhóm, hoàn thành bài tập vào phiếu.

c. Sản phẩm: phiếu học tập đã hoàn thiện của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Các phiếu học tập:

Phiếu học tập 1: Tìm hiểu về các trích dẫn trong văn bản

Các loại trích dẫn	**Trực tiếp**	
	Gián tiếp	
Cách thức sử dụng trích dẫn		

Phiếu học tập 2: Tìm hiểu về phần bị tỉnh lược trong văn bản

Ý nghĩa	
Hình thức	

Phiếu học tập 3: Tìm hiểu về chú thích nguồn gốc các trích dẫn

Mục đích	
Yêu cầu	
Vị trí	

Phiếu học tập 4: Tìm hiểu trích dẫn trong một đoạn văn bản

Ngữ liệu	**Câu hỏi**	**Trả lời**
* **Hô-me-rơ**, nhà thơ huyền thoại của Hy Lạp cổ đại, được coi là tác giả của sử thi *I-li-át* và *Ô-đi-xê*. Một số tài liệu từ thời cổ đại ước định Hô-me-rơ sống trong khoảng thế ki VIII — VII trước Công nguyên, nhưng không thống nhất về quê quán của nhà thơ: không rõ ở Hy Lạp hay ở Tiểu Á. Theo truyền thuyết, ông bị mù và là một người hát rong — kể chuyện tài năng. Một số học giả cho rằng Hô-me-rơ có thể là một cái tên hư cấu, hoặc là tên gọi chung cho một tập thể người hát rong — kể chuyện từ thời cổ đại. Dù thế nào đi nữa, hai bộ sử thi cùng	a. Tại sao lời trích dẫn trong đoạn văn giới thiệu về tác giả Hô-me-rơ không sử dụng dấu	

các tác phẩm được coi là của Hô-me-rơ cũng trở thành những mẫu mực của văn chương đối với nhiều thời đại về sau. * ***I-li-át*** được cho là ra đời từ thế kỉ thứ VIII trước Công nguyên. Đây là thiên sử thi đồ sộ gồm 15 693 câu thơ, chia làm 24 khúc ca, kể về những sự kiện diễn ra trong 51 ngày, năm thứ mười cuộc chiến tranh của những người Hy Lạp tấn công thành Tơ-roa ở vùng tây bắc bán đảo Tiểu Á, cuộc chiến tranh được xác định là đã diễn ra vào khoảng thế kỉ XII trước Công nguyên. Với cốt truyện được huyền thoại hoá, *I-li-át* ngợi ca vẻ đẹp lí tưởng của con người trong chiến tranh. * ***Héc-to từ biệt Ăng-đrô-mác*** là đoạn trích từ câu thơ 370 đến 496, khúc ca VI, sử thi *I-li-át*. Sau khi từ biệt Ăng-đrô-mác, Héc-to ra trận, dũng cảm chiến đấu với dũng tướng A-giắc của quân Hy Lạp. Thần Dớt bắt đầu thực hiện lời hứa của mình: làm cho quân Hy Lạp thất thế. Quân Tơ-roa đánh lui quân Hy Lạp tới các chiến thuyền ngoài bờ biển. Pa-tơ-rô-clơ, chiến hữu thân cận của A-khin, mượn giáp trụ và vũ khí của A-khin xung trận. Pa-tơ-rô-clơ bị Héc-to giết chết. Nỗi đau thương và khát vọng trả thù cho bạn thôi thúc A-khin quay lại chiến trường, giành thế áp đảo cho quân Hy Lạp. A-khin giết chết Héc-to, kéo xác chàng quanh thành. A-khin trả lại thi hài Héc-to cho vua Pri-am khi xúc động trước nỗi đau và lời cầu xin của người cha tới chuộc xác con. Sử thi *I-li-át* khép lại với lễ an táng Héc-to cùng những binh sĩ tử trận của cả hai bên. Héc-to từ biệt Ăng-đrô-mác được coi là một trong những cảnh ấn tượng nhất trong sử thi *I-li-át* và trong lịch sử văn học nhân loại. Nhà nghiên cứu văn hoá Hy Lạp cổ đại M. Ga-xpa-rốp khẳng định: "[...] sự tương phản bi thảm của bầu không khí chiến tranh hung hiểm với cuộc sống gia đình êm ấm"(1) trong tình tiết này đã tạo nên ấn tượng sâu sắc trong lòng nhiều thế hệ độc giả. Từ trang sử thi của Hô-me-rơ, cảnh Héc-to từ biệt Ăng-đrô-mác đã khơi nguồn cảm hứng bất tận cho sáng tác nghệ thuật thời sau.	ngoặc kép? b. Câu văn được đưa vào ngoặc kép trong đoạn văn từ "Héc-to từ biệt Ăng-đrô-mác được coi là" đến "sáng tác nghệ thuật thời sau" có nội dung gì? c. Phần được đánh dấu ngoặc vuông ([...]) ở đoạn văn từ "Héc-to từ biệt Ăng-đrô-mác được coi là" đến "sáng tác nghệ thuật thời sau" có ý nghĩa gì?	

Phiếu học tập 5: Tìm hiểu cước chú trong một đoạn văn bản

Ngữ liệu	Câu hỏi	Trả lời
Thế là Đăm Săn ra đi. Chàng đi hết rừng rậm đến núi xanh, cỏ tranh xé tay, gai mây đâm chân, không	a. Phần cước chú ở chân trang bao gồm những thông	

màng ăn uống. Chàng đi, đi mãi, rừng núi quạnh hiu, vắng như không, không như vắng. Nhưng rồi chàng cũng đến được bãi thả trâu bò, rồi bãi thả diều làng ông Đu, ông Điê. [...] Sau đó là cảnh người đi lại như trong sương mù. Chàng liền đến bờ rào làng xem, thì thấy dưới giăng dây đồng, trên giăng dây sắt. Cảnh làng người anh giữ mặt trời, người em giữ mặt trăng(1) quả là đẹp thật! Chỗ hai anh em họ ở là một cánh núi ngăn một dòng nước đục chảy cho đến nơi đất giáp tới trời"(2). Chàng đi đến nhà cô gái không chồng, nàng Hơ Kung của chàng Y Đu, nàng thì đã vào ở giữ mặt trăng, còn chàng thì đã vào ở giữ mặt trời. Ở đây sấm nổ ầm ầm, mưa đổ ào ào, tiếng vó ngựa ngày đêm nghe rầm rập. Từ đây, Đăm Săn đứng ngắm ngôi nhà của Nữ Thần Mặt Trời. Cầu thang trông như cái cầu vồng. Cối giã gạo bằng vàng, chày cũng bằng vàng. Chày của tù trưởng giàu có này giã gạo trông cứ lấp la lấp lánh.	tin gì, được trình bày bằng hình thức như thế nào? Cho biết chức năng, tác dụng của những thông tin đó. b. Đoạn văn có bao nhiêu cước chú? Các cước chú đó thuộc những loại nào?	

HĐ của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Ôn tập về sử dụng trích dẫn, cước chú và cách đánh dấu phần bị tỉnh lược trong văn bản GV giúp HS củng cố kiến thức đã học và hình thành kiến thức mới **Bước 1: GV giao nhiệm vụ:** - GV yêu cầu HS hoàn thành các phiếu học tập 1, 2, 3 để giúp HS nhớ lại các kiến thức đã học trong các	**I. Ôn tập về sử dụng trích dẫn, cước chú và cách đánh dấu phần bị tỉnh lược trong văn bản** **Phiếu học tập 1: Tìm hiểu về các trích dẫn trong văn bản**

Các loại trích dẫn	**Trực tiếp**	Là đưa nguyên văn một phần câu, một câu, một đoạn văn,... của bản gốc vào bài viết và toàn bộ phần trích dẫn này phải được đặt trong ngoặc kép
	Gián tiếp	- Là sử dụng ý tưởng của người khác và diễn đạt lại theo cách viết của mình nhưng phải đảm bảo trung thành với ý tưởng được trích dẫn

lớp trước về trích dẫn, cước chú, phần bị tỉnh lược

- GV hướng dẫn HS đọc phần trích dẫn, tỉnh lược trong văn bản ở phần Tri thức ngữ văn. HS chú ý đến các loại trích dẫn, cách trích dẫn và tỉnh lược trong văn bản.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:

HS hoàn thành phiếu học tập theo cặp đôi trong từng nhóm

Bước 3: Báo cáo, thảo luận:

- Đại diện một số cặp đôi ở mỗi nhóm trình bày kết quả
- Các HS khác nhận xét, bổ sung bằng bảng kiểm

Bước 4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét và chỉnh sửa, bổ sung (nếu cần).

Tìm hiểu về sử dụng trích dẫn, cước chú và cách đánh dấu phần bị tỉnh lược trong một số đoạn văn bản

Bước 1: GV giao nhiệm vụ:

GV chia lớp thành 4 nhóm: 2 nhóm thực hành làm bài tập 1 (hoàn thành phiếu HT 4), 2 nhóm thực hành làm bài tập 2 (hoàn thành phiếu HT 5)

		- Không phải đặt trong dấu ngoặc kép
Cách thức sử dụng trích dẫn	- Khi tạo lập văn bản, cần tránh lạm dụng trích dẫn vì điều đó dẫn đến tình trạng ý kiến riêng của người viết bị lu mờ hoặc chỉ còn mang tính chất phụ hoạ.	

Phiếu học tập 2: Tìm hiểu về phần bị tỉnh lược trong văn bản

Ý nghĩa	Đánh dấu phần thông tin ít quan trọng của văn bản gốc (theo cách nhìn và định hướng sử dụng văn bản của người tổ chức bản thảo) đã được rút ngắn hoặc lược bỏ, giúp cho nội dung văn bản trích dẫn trở nên tập trung và cô đọng hơn.
Hình thức	Phần bị tỉnh lược thường được đánh dấu bằng dấu ngoặc vuông và dấu ba chấm [...].

Phiếu học tập 3: Tìm hiểu về chú thích nguồn gốc các trích dẫn

Mục đích	Để đảm bảo tính chính xác, khoa học, khách quan của văn bản
Yêu cầu	Các trích dẫn cần được ghi rõ nguồn gốc, bao gồm thông tin về tác giả, năm công bố, tên văn bản gốc, nơi công bố, thời gian công bố văn bản, vị trí của phần trích dẫn trong văn bản gốc.
Vị trí	Các thông tin này có thể được trình bày ở phần cước chú.

II. Tìm hiểu về sử dụng trích dẫn, cước chú và cách đánh dấu phần bị tỉnh lược trong một số đoạn văn bản

Phiếu học tập 4: Tìm hiểu trích dẫn trong một đoạn văn bản

Ngữ liệu	Câu hỏi	Trả lời
* **Hô-me-rơ**, nhà thơ huyền thoại của Hy Lạp cổ đại, được coi là tác giả của sử thi *I-li-át* và *Ô-đi-xê*. Một	a. Tại sao lời trích dẫn trong	a. Lời trích dẫn trong đoạn

GV cung cấp công cụ đánh giá **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS hoàn thành phiếu học tập theo yêu cầu **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** - Các nhóm trình bày kết quả dưới dạng trò chơi **Ai nhanh hơn? Hai đội cùng nhiệm vụ trở thành 2 đối thủ tranh tài và phản biện cho nhau** - Các HS khác nhận xét, bổ sung bằng bảng kiểm **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét và chỉnh sửa, bổ sung (nếu cần). - GV lưu ý HS cách sử dụng trích dẫn trực tiếp và trích dẫn gián tiếp, giải thích cho HS về luật sở hữu trí tuệ, nhắc nhở HS về thái độ trung thực, và nghiêm cẩn trong sử dụng thành quả trí tuệ của người khác. - GV lưu ý HS khi đọc các văn bản, đặc biệt là sử thi, cần đọc kĩ các cước chú để hiểu hơn các từ ngữ được sử dụng trong văn bản, có thêm các tri thức nền để hiểu sâu về văn bản. Khi viết, đặc biệt là viết văn bản thông tin, người viết cũng có thể sử	số tài liệu từ thời cổ đại ước định Hô-me-rơ sống trong khoảng thế kỉ VIII — VII trước Công nguyên, nhưng không thống nhất về quê quán của nhà thơ: không rõ ở Hy Lạp hay ở Tiểu Á. Theo truyền thuyết, ông bị mù và là một người hát rong — kể chuyện tài năng. Một số học giả cho rằng Hô-me-rơ có thể là một cái tên hư cấu, hoặc là tên gọi chung cho một tập thể người hát rong — kể chuyện từ thời cổ đại. Dù thế nào đi nữa, hai bộ sử thi cùng các tác phẩm được coi là của Hô-me-rơ cũng trở thành những mẫu mực của văn chương đối với nhiều thời đại về sau. * ***I-li-át*** được cho là ra đời từ thế kỉ thứ VIII trước Công nguyên. Đây là thiên sử thi đồ sộ gồm 15 693 câu thơ, chia làm 24 khúc ca, kể về những sự kiện diễn ra trong 51 ngày, năm thứ mười cuộc chiến tranh của những người Hy Lạp tấn công thành Tơ-roa ở vùng tây bắc bán đảo Tiểu Á, cuộc chiến tranh được xác định là đã diễn ra vào khoảng thế kỉ XII trước Công nguyên. Với cốt truyện được huyền thoại hoá, *I-li-át* ngợi ca vẻ đẹp lí tưởng của con người trong chiến tranh. * ***Héc-to từ biệt Ăng-đrô-mác*** là đoạn trích từ câu thơ 370 đến 496,	đoạn văn giới thiệu về tác giả Hô-me-rơ không sử dụng dấu ngoặc kép? b. Câu văn được đưa vào ngoặc kép trong đoạn văn từ "Héc-to từ biệt Ăng-đrô-mác được coi là" đến "sáng tác nghệ thuật thời sau" có nội dung gì?	văn giới thiệu về tác giả Hô-me-rơ không sử dụng dấu ngoặc kép vì đây là lời trích dẫn gián tiếp, tác giả không dùng nguyên văn tài liệu tham khảo. b. Nội dung của phần được đưa vào ngoặc kép là trích dẫn nguyên vẹn một nhận định của M. Ga-xpa-rốp (Mikhail Gasparov).

dụng các cước chú, đặc biệt là chú thích về nguồn gốc của các trích dẫn trong văn bản, để đảm bảo tính khách quan, minh bạch trong bài viết của mình.		khúc ca VI, sử thi *I-li-át*. Sau khi từ biệt Ăng-đrô-mác, Héc-to ra trận, dũng cảm chiến đấu với dũng tướng A-giắc của quân Hy Lạp. Thần Dớt bắt đầu thực hiện lời hứa của mình: làm cho quân Hy Lạp thất thế. Quân Tơ-roa đánh lui quân Hy Lạp tới các chiến thuyền ngoài bờ biển. Pa-tơ-rô-clơ, chiến hữu thân cận của A-khin, mượn giáp trụ và vũ khí của A-khin xung trận. Pa-tơ-rô-clơ bị Héc-to giết chết. Nỗi đau thương và khát vọng trả thù cho bạn thôi thúc A-khin quay lại chiến trường, giành thế áp đảo cho quân Hy Lạp. A-khin giết chết Héc-to, kéo xác chàng quanh thành. A-khin trả lại thi hài Héc-to cho vua Pri-am khi xúc động trước nỗi đau và lời cầu xin của người cha tới chuộc xác con. Sử thi *I-li-át* khép lại với lễ an táng Héc-to cùng những binh sĩ tử trận của cả hai bên. Héc-to từ biệt Ăng-đrô-mác được coi là một trong những cảnh ấn tượng nhất trong sử thi *I-li-át* và trong lịch sử văn học nhân loại. Nhà nghiên cứu văn hoá Hy Lạp cổ đại M. Ga-xpa-rốp khẳng định: "[...] sự tương phản bi thảm của bầu không khí chiến tranh hung hiểm với cuộc sống gia đình êm ấm"(1) trong tình tiết này đã tạo nên ấn tượng sâu sắc trong lòng nhiều thế hệ độc giả. Từ trang sử thi của Hô-me-rơ, cảnh	c. Phần được đánh dấu ngoặc vuông ([...]) ở đoạn văn từ "Héc-to từ biệt Ăng-đrô-mác được coi là" đến "sáng tác nghệ thuật thời sau" có ý nghĩa gì?.	c. Phần được đánh dấu ngoặc vuông [...] trong đoạn là phần đã được người viết tỉnh lược, nhằm làm cho các thông tin cô đọng hơn.

Héc-to từ biệt Ăng-đrô-mác đã khơi nguồn cảm hứng bất tận cho sáng tác nghệ thuật thời sau.		

Phiếu học tập 5: Tìm hiểu cước chú trong một đoạn văn bản

Ngữ liệu	Câu hỏi	Trả lời
Thế là Đăm Săn ra đi. Chàng đi hết rừng rậm đến núi xanh, cỏ tranh xé tay, gai mây đâm chân, không màng ăn uống. Chàng đi, đi mãi, rừng núi quạnh hiu, vắng như không, không như vắng. Nhưng rồi chàng cũng đến được bãi thả trâu bò, rồi bãi thả diều làng ông Đu, ông Điê. [...] Sau đó là cảnh người đi lại như trong sương mù. Chàng liền đến bờ rào làng xem, thì thấy dưới giăng dây đồng, trên giăng dây sắt. Cảnh làng người anh giữ mặt trời, người em giữ mặt trăng(1) quả là đẹp thật! Chỗ hai anh em họ ở là một cánh núi ngăn một dòng nước đục chảy cho đến nơi đất giáp tới trời"(2). Chàng đi đến nhà cô gái không chồng, nàng Hơ Kung của chàng Y Đu, nàng thì đã vào ở giữ mặt trăng, còn chàng thì đã vào ở giữ mặt trời. Ở đây sấm nổ ầm ầm, mưa đổ ào ào, tiếng vó ngựa ngày	a. Phần cước chú ở chân trang bao gồm những thông tin gì, được trình bày bằng hình thức như thế nào? Cho biết chức năng, tác dụng của những thông tin đó.	a. Phần cước chú chân trang giúp giải nghĩa các từ ngữ, bổ sung, diễn giải chi tiết về các thông tin được nhắc tới trong văn bản, giúp người đọc có thêm tri thức nền để hiểu sâu về văn bản. Trong một văn bản sử thi, những thông tin trong phần cước chú càng đặc biệt quan trọng, giúp người đọc hiểu rõ ngữ cảnh văn hoá xung quanh văn bản.
	b. Đoạn văn có bao nhiêu cước chú? Các cước chú đó thuộc những loại nào?	b. Đoạn văn có 2 cước chú, gồm: giải thích từ ngữ, giải thích các điển cố, bổ sung thông tin.

	đêm nghe rầm rập. Từ đây, Đăm Săn đứng ngắm ngôi nhà của Nữ Thần Mặt Trời. Cầu thang trông như cái cầu vồng. Cối giã gạo bằng vàng, chày cũng bằng vàng. Chày của tù trưởng giàu có này giã gạo trông cứ lấp la lấp lánh.		

BẢNG KIỂM ĐÁNH GIÁ SẢN PHẨM TRÌNH BÀY NỘI DUNG THẢO LUẬN CÁC NHÓM

STT	Tiêu chí	Xuất hiện	Không xuất hiện
1	Thể hiện đủ các yêu cầu		
2	Thực hiện đúng các yêu cầu		
4	Phần trình bày tự tin, sinh động, cuốn hút		
4	Nhóm có sự hợp tác, hỗ trợ hiệu quả		

3. HOẠT ĐỘNG 3: VẬN DỤNG, LIÊN HỆ

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học để giải quyết bài tập, củng cố kiến thức

b. Nội dung: Sử dụng kiến thức đã học để viết đoạn văn

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS theo yêu cầu của GV

d. Tổ chức thực hiện:

HĐ của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Vận dụng vào viết đoạn văn ngắn **Hình thức: Làm việc cá nhân** **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ** **Yêu cầu:** - Viết một đoạn văn (khoảng 150 chữ) trả lời câu hỏi: có hay không người anh hùng trong cuộc sống thường nhật? (Trong đó có sử dụng một số trích dẫn trực tiếp hoặc gián tiếp).	**III. Vận dụng viết đoạn** **1. Yêu cầu:** - Dung lượng đoạn văn (khoảng 150 chữ); đảm bảo hình thức đoạn văn. - Nội dung của đoạn văn: Trả lời cho câu hỏi có có hay không người anh hùng trong cuộc sống thường nhật? (Trong đó có sử dụng một số trích dẫn trực tiếp hoặc gián tiếp). **2. Một số gợi ý:**

- HS chỉ ra những chỗ có dùng trích dẫn trực tiếp hoặc gián tiếp - GV cung cấp bảng kiểm đánh giá đoạn văn. **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ** - Học sinh: suy nghĩ , viết đoạn văn - Giáo viên: quan sát, khuyến khích, hỗ trợ nếu cần. **Bước 3. Báo cáo, thảo luận** - GV gọi 1 số HS đọc đoạn văn. - Các HS khác nhận xét, bổ sung dựa vào bảng kiểm. **Bước 4. Đánh giá kết quả** GV nhận xét và cho điểm HS.	- Anh hùng là người có lý tưởng cao đẹp với lối sống cống hiến, thực hiện điều mình tin tưởng mà không hề sợ hãi hay lùi bước trước khó khăn. Họ luôn kiên quyết hành động những điều tốt đẹp cho xã hội và cộng đồng, dựa trên lý tưởng đúng đắn của bản thân và kỳ vọng của mọi người. Những hành động nhỏ giữa đời thường của họ không phải là những điều siêu nhiên, kì diệu, mà chính là những nghĩa cử tốt đẹp họ đã dành cho mọi người + Ngày nay, có rất nhiều những "anh hùng" xuất hiện không chỉ bằng những hoạt động hay cống hiến lớn lao cho xã hội, đất nước mà những người "anh hùng" còn xuất hiện cả trong hành động nhỏ của mình giữa cuộc sống thường nhật – Sự lan tỏa những giá trị tốt đẹp từ việc làm và hành động của những người anh hùng thường nhật: tạo niềm tin nơi mọi người, lan tỏa yêu thương, tạo động lực cho xã hội phát triển và ngày càng lớn mạnh. **3. HS chỉ ra những chỗ có dùng trích dẫn**

Bảng kiểm đoạn văn có dùng trích dẫn

STT	Tiêu chí	Đạt/ Chưa đạt
1	Đảm bảo hình thức đoạn văn với dung lượng văn (khoảng 150 chữ)	
2	Đoạn văn trả lời đúng câu hỏi: có hay không người anh hùng trong cuộc sống thường nhật?	
3	Đoạn văn đảm bảo mạch lạc cùng hướng về chủ đề; đảm bảo tính liên kết giữa các câu trong đoạn văn	
4	Đoạn văn đảm bảo yêu cầu về chính tả, ngữ pháp; sử dụng phương tiện kết nối phù hợp giữa các câu tạo sự liên kết	
5	Sử dụng trích dẫn phù hợp	

Đoạn văn tham khảo:

Không phải là một anh hùng cổ điển, không được coi là một *"chiến binh sống và chết trong quá trình theo đuổi danh dự"* và cũng không khẳng định sự vĩ đại của mình bằng *"sự sáng chói và hiệu quả trong việc giết chết kẻ thù"* (Schein, Seth (1984). *The Mortal Hero: An Introduction to Homer's Iliad*. University of California Press. tr. 58), giữa đời thường tấp nập bủa vây với nhiều khó khăn, các anh hùng đời thường đã xuất hiện thật lấp lánh bằng chính những hành động nhỏ bé và những nghĩa cử tốt đẹp của mình. Chính từ đây cuộc đời đã có thêm danh xưng gần gũi mà đáng trọng: "anh hùng giữa đời thường". Trong cuốn "Đánh thức con người phi thường trong ban", tác giả Anthony Robbins cho rằng: Anh hùng là người có lý tưởng cao đẹp với lối sống cống hiến, thực hiện điều mình tin tưởng mà không hề sợ hãi hay lùi bước trước khó khăn. Họ luôn kiên quyết hành động những điều tốt đẹp cho xã hội và cộng đồng, dựa trên lý tưởng đúng đắn của bản thân và kỳ vọng của mọi người. Những hành động nhỏ giữa đời thường của họ không phải là những điều siêu nhiên, kì diệu nào đó, mà chính là những nghĩa cử tốt đẹp họ đã dành cho mọi người, yêu thương, giúp đỡ những người xung quanh khi khó khăn, hoạn nạn. Ngày nay, có rất nhiều những "anh hùng" xuất hiện không chỉ bằng những hoạt động hay cống hiến lớn lao cho xã hội, đất nước mà những người "anh hùng" còn xuất hiện cả trong hành động nhỏ của mình giữa cuộc sống. Nhưng điểm chung là họ đều hành động không phải vì cái danh "anh hùng" được mọi người bình bầu mà nó chỉ đơn giản là xuất phát từ tấm lòng, từ quan niệm sống và cách nhìn nhận về vấn đề đó, khiến họ không thể ngồi im hay khoanh tay đứng nhìn.

Hướng dẫn học ở nhà:

- HS hoàn thiện các bài tập còn lại.
- Tìm và sửa những trích dẫn chưa đúng quy cách trong các bài kiểm tra môn Ngữ văn.
- Sưu tầm các trường hợp trích dẫn hợp lí và có giá trị thuyết phục cao trong một số văn bản

Dự kiến:

Sưu tầm các trường hợp trích dẫn hợp lí và có giá trị thuyết phục cao trong một số văn bản

1. *Hỡi đồng bào cả nước,*

"Tất cả mọi người đều sinh ra có quyền bình đẳng. Tạo hóa cho họ những quyền không ai có thể xâm phạm được; trong những quyền ấy, có quyền được sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc".

Lời bất hủ ấy ở trong bản *Tuyên ngôn độc lập* năm 1776 của nước Mĩ. Suy rộng ra, câu ấy có ý nghĩa là: tất cả các dân tộc trên thế giới đều sinh ra bình đẳng, dân tộc nào cũng có quyền sống, quyền sung sướng và quyền tự do.

Bản *Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền* của Cách mạng Pháp năm 1791 cũng nói:

"Người ta sinh ra tự do và bình đẳng về quyền lợi; và phải luôn luôn được tự do và bình đẳng về quyền lợi".

Đó là những lẽ phải không ai chối cãi được.

Thế mà hơn 80 năm nay, bọn thực dân Pháp lợi dụng lá cờ tự do, bình đẳng, bác ái, đến cướp đất nước ta, áp bức đồng bào ta. Hành động của chúng trái hẳn với nhân đạo và chính nghĩa.

(HỒ CHÍ MINH TOÀN TẬP - TẬP 4, NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật**,** năm 2011)

2. **Mùa xuân xanh**

Mùa xuân là cả một mùa xanh
Giời ở trên cao, lá ở cành
Lúa ở đồng tôi và lúa ở
Đồng nàng và lúa ở đồng anh.

Cỏ nằm trên mộ đợi thanh minh
Tôi đợi người yêu đến tự tình
Khỏi luỹ tre làng tôi nhận thấy
Bắt đầu là cái thắt lưng xanh.

1937

(Nguyễn Bính, in trong *Tuyển tập Nguyễn Bính*, NXB Văn học, Hà Nội, 1986, tr. 64)

Hãy bắt đầu bằng những ấn tượng được gợi ra từ nhan đề và câu mở đầu bài thơ. Có lẽ mỗi nhà thơ đều có những cảm nhận của riêng mình về sắc màu đặc trưng của mùa xuân. Xuân Diệu gọi tên mùa xuân bằng sắc hồng mơn mởn: "Hỡi xuân hồng, ta muốn cắn vào ngươi!" (*Vội vàng*). Hàn Mặc Tử vẽ bức tranh xuân bằng những từ ngữ gợi gam màu ấm nóng, thể hiện trạng thái viên mãn của mùa xuân vào độ chín (*Mùa xuân chín*). Còn Nguyễn Bính thì định nghĩa: "Mùa xuân là cả một mùa xanh". Định nghĩa này tự nhiên như thể chẳng cần phải giải thích bởi "mùa xuân" và "mùa xanh" không chỉ gần âm mà còn gần nghĩa. Cả hai đều khơi dậy những liên tưởng tương đồng về ý nghĩa như sự khởi đầu, niềm hi vọng, sức sống, tuổi trẻ,...

(Nhóm biên soạn, Sách giáo khoa Ngữ văn 10 *Kết nối tri thức với cuộc sống*, tập 1, NXB Giáo Dục Việt Nam, Hà Nội, 2022, tr.62)

3. Chúng ta cần học những nhà thơ như Lý Bạch [(1)], Xa-a-đi [(2)]), Gớt [(3)], Ta-go [(4)], ở vào buổi chiều tóc bạc vẫn thu hoạch những mùa thơ dậy thì.

Cái trẻ, cái già của nhà thơ quyết định không phải đo ở tuổi trời, mà ở nội lực của chữ.

Pi-cát-xô [(5)] có nói một câu khá thâm thuý: "Người ta cần rất nhiều thời gian để trở nên trẻ."

Có lẽ vì vậy mà tôi rất ủng hộ lời phát biểu của một nhà thơ Pháp, gốc Do Thái Ét-mông Gia-bét [6]: *Chữ bầu lên nhà thơ.*

Gia-bét muốn nói rằng không có chức nhà thơ suốt đời. Mỗi lần làm một bài thơ, nhà thơ lại phải ứng cử trong một cuộc bầu khắc nghiệt của cử tri chữ.

Tôi không nhớ Gít-đơ [7] hay Pét-xoa [8]— nhà thơ lớn Bồ Đào Nha đã có một nhận xét khá nghiêm khắc về Vích-to Huy-gô [9]:

Vích-to nhiều lần tưởng mình là Huy-gô.

Như thế có nghĩa mặc dầu là một thiên tài đồ sộ đã không ít lần Huy-gô không được tái cử vào cương vị nhà thơ qua cuộc bỏ phiếu của chữ.

(Lê Đạt, *Đối thoại với đời và thơ*, NXB Trẻ, Thành phố Hồ Chí Minh, 2011, tr.88)

Chuẩn bị nội dung viết: Viết báo cáo nghiên cứu về một vấn đề

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Sách giáo khoa Ngữ văn 10 *Kết nối tri thức với cuộc sống*, tập 1
- Nội dung công văn 5512/BGD-ĐT.
- Nội dung modul 1, 2, 3 được tập huấn.
- Một số tài liệu, hình ảnh trên mạng internet.

- RÚT KINH NGHIỆM

.....

.....

Tiết 41,42

VIẾT BÁO CÁO NGHIÊN CỨU VỀ MỘT VẤN ĐỀ





I. MỤC TIÊU

1. Năng lực

a. Năng lực chung:

-Tự chủ và tự học: Tự quyết định cách giải quyết vấn đề học tập, tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, giải quyết vấn đề học tập của bản thân và các bạn.

- Giao tiếp và hợp tác: Tăng cường khả năng trình bày, diễn đạt ý kiến, ý tưởng trước lớp, tổ nhóm học tập, tương tác tích cực với các bạn trong tổ nhóm, khi thực hiện nhiệm vụ hợp tác.

- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Chủ động đề ra kế hoạch học tập, thực hiện nhiệm vụ học tập cá nhân và nhóm học tập, xử lí linh hoạt sáng tạo các tình huống phát sinh khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

b. Năng lực cốt lõi: Viết

Quy trình viết

- Viết được văn bản đúng quy trình, bảo đảm các bước đã được hình thành và rèn luyện ở các lớp trước; có hiểu biết về vấn đề quyền sở hữu trí tuệ và tránh đạo văn.

Thực hành viết

- Viết được một bài báo cáo với đầy đủ các bước:

+ Nêu được đề tài và vấn đề nghiên cứu được đặt ra trong báo cáo.

+ Trình bày được kết quả nghiên cứu thông qua hệ thống các luận điểm sáng rõ, thông tin xác thực.

+ Khai thác được các nguồn tham khảo chính xác, đáng tin cậy; sử dụng các trích dẫn, cước chú và phương tiện hỗ trợ phù hợp, thể hiện sự minh bạch trong việc kế thừa những kết quả nghiên cứu đã có.

+ Có danh mục tài liệu tham khảo ở cuối báo cáo.

2. Phẩm chất

- Rèn luyện tư duy khoa học, biết vận dụng một số thao tác nghiên cứu cơ bản nhằm chiếm lĩnh tri thức.
- Biết liên kết nhiều nội dung tri thức, kỹ năng trong quá trình học tập để phát triển năng lực.
- Giải quyết được một vấn đề học tập mang tính phức hợp, đòi hỏi có sự kết nối với thực tiễn và tìm ra được các chiến lược, cách thức giải quyết vấn đề.
- Trân trọng những sản phẩm nghiên cứu khoa học, biết tiếp thu và vận dụng, đóng góp những sản phẩm, công trình có ích cho cộng đồng, xã hội,...

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị: Máy chiếu, máy tính, clip liên quan đến bài học...

2. Học liệu: SGK, SGV, kế hoạch bài dạy, sách tham khảo, phiếu học tập, bảng kiểm đánh giá,…

III. TIẾN TRÌNH DẠY – HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Kết nối – tạo hứng thú cho học sinh, chuẩn bị tâm thế tiếp cận kiến thức về kiểu bài, kết nối kiến thức trong cuộc sống vào nội dung của bài học

b. Nội dung hoạt động: HS trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm: Câu trả lời đúng của HS, cảm nhận ban đầu về vấn đề đặt ra trong tiết học

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập

GV yêu cầu HS sưu tập một số báo cáo nghiên cứu

GV cũng có thể chiếu hình ảnh hoặc video về một số tình huống, bối cảnh mà trong đó người tham gia phải trình bày một báo cáo nghiên cứu (ví dụ: trong một hội thảo khoa học, trong cuộc thi In-theo Ai-sép để nhấn mạnh tầm quan trọng của loại văn bản này trong đời sống.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:

HS chia sẻ thông tin mà mình thu thập được trước cả lớp.

HS chia sẻ những điều thu nhận được sau khi xem video

Bước 3: Báo cáo, thảo luận:

- Một số HS trình bày ý kiến cá nhân
- Các HS khác quan sát, thảo luận, bổ sung ý kiến.

Bước 4: Kết luận, nhận định:

GV nhận xét, dẫn vào nội dung bài học.

➔ **GV dẫn vào bài:** Giới thiệu về **chức năng**, **bối cảnh sử dụng** của báo cáo nghiên cứu.

Báo cáo nghiên cứu thường được sử dụng để ghi lại những tổng hợp hoặc phát hiện của người viết về một vấn đề nào đó sau một quá trình dài nghiên cứu, tìm hiểu, vì thế còn được gọi là báo cáo kết quả nghiên cứu. Trong cuộc sống, báo cáo nghiên cứu thường được ứng dụng khi HS tham gia các cuộc thi như cuộc thi khoa học kĩ thuật In-theo Ai-sép (Intel ISEF), khi thực hiện các dự án môn học, khi muốn xin tài trợ cho các hoạt động học tập và nghiên cứu, khi tham gia vào một hội thảo chuyên môn, hội thảo khoa học,… Báo cáo nghiên cứu là kết quả của một quá trình học sâu, cho thấy tư duy sáng tạo, quá trình tìm tòi, niềm say mê hứng thú của người viết với đề tài mà mình theo đuổi.

2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 2.1: Tìm hiểu chung về viết báo cáo nghiên cứu về một vấn đề

a. Mục tiêu:

- HS nắm được thế nào là báo cáo nghiên cứu, phạm vi và tác dụng của viết báo cáo nghiên cứu.
- HS nắm được các dạng của báo cáo nghiên cứu.
- HS nắm được cấu trúc, yêu cầu, của một báo cáo nghiên cứu.
- HS hiểu được quy trình, cách thức viết một báo cáo nghiên cứu qua ví dụ tham khảo.
- HS biết cách sử dụng trích dẫn, cước chú trong bài viết.

- HS hiểu được những quy định về sở hữu trí tuệ để tránh đạo văn.

- HS biết vận dụng các phương tiện phù hợp để hỗ trợ cho việc biểu đạt thông tin trong báo cáo nghiên cứu.

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức đã học, tiến hành trả lời các câu hỏi.

c. Sản phẩm: Câu trả lời nhanh và đúng của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HĐ của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Thao tác 1: Phân tích ví dụ SGK **HOẠT ĐỘNG CẶP ĐÔI CHIA SẺ** **Bước 1: GV giao nhiệm vụ:** GV yêu cầu HS đọc bài viết SGK – trang 113-116 và dựa vào gợi ý ở phía lề phải văn bản: - GV cho HS đọc bài viết tham khảo, chú ý đến những thẻ chỉ dẫn bên phải của văn bản. - GV đặt các câu hỏi để giúp HS nhận diện cấu trúc và cách trình bày các thông tin trong bài viết: + Phần giới thiệu vấn đề bao gồm những thông tin gì? + Quan điểm nghiên cứu được trình bày dưới hình thức nào? + Các kết quả nghiên cứu chính được trình bày ở đâu, dưới hình thức nào? + Làm thế nào để người viết thuyết phục độc giả tin vào những phát hiện, tổng hợp của mình? + Người viết đã sắp xếp các thông tin theo trật tự ra sao, đã liên kết các thông tin bằng cách nào? + Các trích dẫn được sử dụng như thế nào? Tác dụng của các trích dẫn đó là gì?	**I. Tìm hiểu chung về bài viết báo cáo kết quả nghiên cứu về một vấn đề** **1. Xét bài viết tham khảo SGK:** **Phần giới thiệu vấn đề:** - Giới thiệu vấn đề nghiên cứu - Khái quát quan điểm nghiên cứu **Phần giải quyết vấn đề:** - Cụ thể hóa quan điểm nghiên cứu bằng các luận điểm - Các kết quả nghiên cứu được trình bày dưới dạng những bằng chứng làm sáng tỏ luận điểm - Để độc giả tin vào những phát hiện, tổng hợp của mình, người viết đã đưa ra những lập luận sắc bén với sự kết hợp hài hòa giữa lí lẽ và dẫn chứng, mỗi luận điểm dẫn chứng đưa ra là sự cụ thể hóa quan điểm tác giả nhưng lại hoàn toàn thuyết phục vì gắn với bằng chứng cụ thể, sinh động - Các thông tin được người viết sắp xếp theo trật tự từ khái quát đến cụ thể, từ nghệ thuật cổ truyền đến văn hóa đương đại, từ lí lẽ đến dẫn chứng - Các trích dẫn đan xen giữa các lí lẽ, làm minh chứng cho từng lập luận, tạo niềm tin cho độc giả, tăng sức thuyết phục cho lập luận - Phần chú thích và tài liệu tham khảo được đặt phần cuối của bài báo cáo, bao gồm thông tin về tác giả, năm công bố, vị trí của phần trích dẫn trong văn bản. Các thông tin này có thể được trình bày ở phần cước chú. **Phần kết luận:** + Tóm tắt, mở rộng và nâng cao vấn đề + Khẳng định kết quả nghiên cứu và ý nghĩa của vấn đề nghiên cứu

+ Phần chú thích và tài liệu tham khảo được đặt ở đâu, bao gồm những thông tin nào, được sắp xếp theo trật tự như thế nào?

+ Phần kết luận có những thông tin gì?

- HS sơ đồ hóa ý triển khai của bài

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ:

+ Tổ chức chia sẻ cặp đôi theo bàn (dựa vào phần định hướng trong SGK)

+ GV quan sát, khuyến khích

Bước 3: Báo cáo, thảo luận:

+ Đại diện một số cặp đôi phát biểu.

+ Các HS còn lại lắng nghe, nhận xét, bổ sung nếu cần.

Bước 4: Đánh giá, chuẩn kiến thức

Thao tác 2: Tìm hiểu những đặc điểm của bài viết báo cáo kết quả nghiên cứu về một vấn đề

Bước 1: GV giao nhiệm vụ:

- Thế nào là bài báo cáo nghiên cứu? Mục đích của báo cáo nghiên cứu? Phạm vi sử dụng? Tác dụng? Các dạng của bài báo cáo nghiên cứu?

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ:

+ Tổ chức chia sẻ cặp đôi theo bàn (dựa vào phần định hướng trong SGK)

+ Gợi mở những vấn đề mới

Sơ đồ triển khai ý của bài tham khảo:

Dấu ấn của sử thi Ấn Độ *Ra-ma-ya-na* trong văn hoá Việt Nam

↓

Đặt vấn đề:

Sử thi *Ra-ma-ya-na* có ảnh hưởng lớn tới văn hoá Việt Nam từ dân gian, trung đại đến hiện đại.

↓

Giải quyết vấn đề

Dấu ấn của sử thi *Ra-ma-ya-na* trong văn học dân gian và văn học viết thời trung đại		Dấu ấn của sử thi *Ra-ma-ya-na* trong nghệ thuật điêu khắc phù điêu *Chiến sĩ và khỉ*	Dấu ấn của sử thi *Ra-ma-ya-na* trong văn hoá đương đại	
Sử thi Chăm *Tewa Mưnô*	Truyện *Dạ Thoa vương* (Trần Thế Pháp)		Kịch *Nàng Xi-ta* (Lưu Quang Vũ)	Truyện cực ngắn *Sử thi nàng Xi-ta* (Nhật Chiêu)

↓

Kết luận

↓

Tài liệu tham khảo

2. Đặc điểm của bài viết báo cáo kết quả nghiên cứu về một vấn đề

- **Khái niệm:** Báo cáo nghiên cứu là văn bản trình bày kết quả nghiên cứu về một vấn đề dựa trên các dữ liệu khách quan, chính xác, đáng tin cậy.

+ GV quan sát, khuyến khích **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** + Đại diện một số cặp đôi phát biểu. + Các HS còn lại lắng nghe, nhận xét, bổ sung nếu cần. **Bước 4: Đánh giá, chuẩn kiến thức** GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức **Thao tác 3: Tìm hiểu yêu cầu đối với bài viết báo cáo kết quả nghiên cứu về một vấn đề** **Bước 1: GV giao nhiệm vụ:** - Để viết bài viết báo cáo kết quả nghiên cứu về một vấn đề, các em cần thực hiện các yêu cầu gì? - HS có thể so sánh yêu cầu cần đạt của kiểu bài báo cáo nghiên cứu với kiểu bài nghị luận đã học ở các bài trước. **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ:** + Tổ chức chia sẻ cặp đôi theo bàn (dựa vào phần định hướng trong SGK) + GV quan sát, khuyến khích **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** + Đại diện một số cặp đôi phát biểu. + Các HS còn lại lắng nghe, nhận xét, bổ sung nếu cần. **Bước 4: Đánh giá, chuẩn kiến thức**	- **Mục đích:** Báo cáo nghiên cứu thường được sử dụng để ghi lại những tổng hợp hoặc phát hiện của người viết về một vấn đề nào đó sau một quá trình dài nghiên cứu, tìm hiểu, vì thế còn được gọi là báo cáo kết quả nghiên cứu. - **Phạm vi sử dụng:** Trong cuộc sống, báo cáo nghiên cứu thường được ứng dụng khi HS tham gia các cuộc thi như cuộc thi khoa học kĩ thuật In-theo Ai-sép (Intel ISEF), khi thực hiện các dự án môn học, khi muốn xin tài trợ cho các hoạt động học tập và nghiên cứu, khi tham gia vào một hội thảo chuyên môn, hội thảo khoa học,… - **Tác dụng:** Viết báo cáo nghiên cứu là một hoạt động thực hành giúp bạn phát triển kĩ năng tìm hiểu, khám phá về đời sống xã hội và tự nhiên (con người, sự kiện, địa điểm, môi trường,...) qua tư liệu thu thập được và trình bày kết quả tìm hiểu, khám phá đó. - **Các dạng:** Vấn đề nghiên cứu có thể là một vấn đề đời sống hoặc một vấn đề gợi ra từ tác phẩm văn học mà bạn đã đọc. **=> Báo cáo nghiên cứu là kết quả của một quá trình học sâu, cho thấy tư duy sáng tạo, quá trình tìm tòi, niềm say mê hứng thú của người viết với đề tài mà mình theo đuổi.** **3. Yêu cầu đối với bài viết báo cáo kết quả nghiên cứu về một vấn đề** - Nêu được đề tài và vấn đề nghiên cứu được đặt ra trong báo cáo. - Trình bày được kết quả nghiên cứu thông qua hệ thống các luận điểm sáng rõ, thông tin xác thực. - Khai thác được các nguồn tham khảo chính xác, đáng tin cậy; sử dụng các trích dẫn, cước chú và phương tiện hỗ trợ phù hợp, thể hiện sự minh bạch trong việc kế thừa những kết quả nghiên cứu đã có. - Có danh mục tài liệu tham khảo ở cuối báo cáo.

Hoạt động 2.2: Lựa chọn đề tài, lập đề cương cho bài viết báo cáo kết quả nghiên cứu về một vấn đề

a. Mục tiêu: HS biết cách lựa chọn đề tài, lập đề cương cho bài viết báo cáo kết quả nghiên cứu về một vấn đề

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức đã học, tiến hành trả lời các câu hỏi.

c. Sản phẩm: Câu trả lời nhanh và đúng của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HĐ của GV và HS	**Dự kiến sản phẩm**
GV hướng dẫn HS cách lựa chọn đề tài, thu thập thông tin và lập đề cương cho bài viết báo cáo kết quả nghiên cứu về một vấn đề **1. Lựa chọn đề tài** **Bước 1: GV giao nhiệm vụ:** - Mỗi HS chọn cho mình một một tác phẩm văn học hay một tài liệu mà mình tâm đắc - GV gợi ý cho HS bằng một số câu hỏi: + Em thấy hứng thú và quan tâm nhất điều gì sau khi đọc tác phẩm văn học hoặc tài liệu đó? + Điều gì ở tác phẩm hấp dẫn em? + Đâu là điều em muốn tìm hiểu thêm? + Trong tài liệu mà em đọc, liệu có điểm gì mâu thuẫn hoặc chưa sáng tỏ hay không? *** Một số câu hỏi cho tác phẩm cụ thể để HS định hướng:** + Khi đọc đoạn trích *Đăm Săn đi bắt Nữ Thần Mặt Trời*, có thể em muốn biết thêm về đời sống của người Ê-đê.? + Sau khi đọc xong đoạn trích *Héc-to từ biệt Ăng-đrô-mác*, có thể em muốn tìm hiểu thêm về lịch sử thành Tơ-roa và dấu tích của những địa danh được nhắc tới trong tác phẩm trên bản đồ thế giới đương đại...? + Sau khi xem một bộ phim hay một tác phẩm văn học lấy cảm hứng từ các nhân vật, cốt truyện trong sử thi, em có ý tưởng so sánh các tác phẩm đó với các sử thi thời cổ đại,...?	**II. Chuẩn bị viết: Lựa chọn đề tài, thu thập thông tin và lập đề cương cho bài viết báo cáo kết quả nghiên cứu về một vấn đề** **1. Lựa chọn đề tài** **- Một số đề tài tham khảo:** + Tìm hiểu về dấu ấn sử thi trong một tác phẩm văn học, + Nghệ thuật hiện đại như bộ phim *Cuộc chiến thành Tơ-roa* của đạo diễn Huơ-gang Pi-tơ-sen, + *Sự sụp đổ của thành Tơ-roa* của hoạ sĩ người Mỹ Rô-me Bia-đen, + So sánh hình tượng khỉ thần Ha-nu-man trong sử thi *Ra-ma-ya-na* với nhân vật Tôn Ngộ Không trong *Tây du kí* của Ngô Thừa Ân,… + Phân tích không khí sử thi trong các bộ phim nổi tiếng của điện ảnh đương đại như *Chúa tể của những chiếc nhẫn* (The Lord of the Rings), *Chiến tranh giữa các vì sao* (Star Wars), Avatar,… + Tính toàn dân tộc trong sử thi I-li-át của Hô-me-rơ + Bước đầu tìm hiểu đặc trưng ngôn ngữ thơ mới + Đặc điểm thơ haiku Nhật Bản + Miếu Bà Chúa Xứ núi Sam

*** Trong số những ý tưởng đã được phác thảo ở phần trên, hãy chọn một ý tưởng mà em tâm đắc nhất để làm đề tài cho bài viết của mình.**

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ:

+ HS suy nghĩ, làm việc cá nhân

+ GV quan sát, khuyến khích

Bước 3: Báo cáo, thảo luận:

+ Đại diện một số nhóm trình bày.

+ Các HS còn lại lắng nghe, nhận xét, bổ sung nếu cần.

Bước 4: Đánh giá, chuẩn kiến thức

2. Thu thập thông tin

Bước 1: GV giao nhiệm vụ:

GV yêu cầu HS thảo luận cặp đôi về cách thức thu thập thông tin và những yêu cầu khi xử lí thông tin thu thập được.

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ:

+ Các cặp đôi trao đổi, thảo luận

+ GV quan sát, khuyến khích

Bước 3: Báo cáo, thảo luận:

+ Đại diện một số cặp đôi trình bày.

+ Các HS còn lại lắng nghe, nhận xét, bổ sung nếu cần.

Bước 4: Đánh giá, chuẩn kiến thức

3. Xây dựng đề cương

Bước 1: GV giao nhiệm vụ:

GV yêu cầu những HS lựa chọn cùng đề tài vào cùng một nhóm, các nhóm tập hợp tài liệu thu thập được thảo luận các câu hỏi sau:

+ Vấn đề được chọn nghiên cứu có thể triển khai như thế nào?

+ Những khía cạnh nào của vấn đề cần được tập trung tìm hiểu, khám phá?

+ Vấn đề nghiên cứu có ý nghĩa gì?,...

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ:

+ Một số vấn đề trao đổi: Công đức Thánh Trần

+ Sự khác biệt giữa quần thể kiến trúc Đền Trần Nam Định và Kiếp Bạc - Hải Dương

2. Thu thập thông tin

*** Cách thức thu thập thông tin:**

- Tìm đọc các sách, báo có liên quan.

- Tìm các tài liệu trên Internet bằng cách đánh những từ khoá có liên quan đến vấn đề nghiên cứu vào ô quy định ở một số trang mạng hỗ trợ tìm kiếm phổ biến trên Internet, bạn có thể nhanh chóng tìm thấy đường dẫn để mở và đọc những tài liệu hữu ích.

*** Những yêu cầu khi xử lí thông tin thu thập được:**

Trước khi quyết định sử dụng thông tin từ một tài liệu nào đó, cần kiểm tra độ tin cậy dựa vào những tiêu chí như:

- Tác giả của tài liệu là ai? Có phải là chuyên gia có uy tín trong lĩnh vực có liên quan hay không?

- Tổ chức nào công bố tài liệu hay quản lí trang mạng có tài liệu mà bạn tìm thấy?

- Tác giả hay tổ chức đó công bó tài liệu nhằm mục đích gì?

- Bạn có thấy nội dung của tài liệu được trình bày khách quan và thuyết phục không?

3. Xây dựng đề cương:

+ Các cặp đôi trao đổi, thảo luận + GV quan sát, khuyến khích **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** + Đại diện một số cặp đôi trình bày. + Các HS còn lại lắng nghe, nhận xét, bổ sung nếu cần. **Bước 4: Đánh giá, chuẩn kiến thức** *** Lưu ý:** HS cũng có thể trình bày đề cương dưới dạng một một sơ đồ. Xác định ý tưởng trung tâm và viết quan điểm nghiên cứu dưới dạng một câu, sau đó phát triển ý tưởng trung tâm thành các ý chính, ý phụ và lựa chọn các dữ liệu, bằng chứng, để làm sáng tỏ các ý. **4. Dàn ý chung của bài viết báo cáo kết quả nghiên cứu về một vấn đề** **Bước 1: GV giao nhiệm vụ:** **GV yêu cầu những HS nêu đọc hd dàn ý chung SGK tr. 147** **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ:** + HS đọc, trao đổi, thảo luận + GV quan sát, khuyến khích **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** + HS trình bày. + Các HS còn lại lắng nghe, nhận xét, bổ sung nếu cần. **Bước 4: Đánh giá, chuẩn kiến thức** GV hd HS cách lập dàn ý chung trước khi viết	- Trước khi xây dựng đề cương, cần tập hợp những thông tin thu thập được thành các ý như sau: + Cách triển khai vấn đề được chọn nghiên cứu + Những khía cạnh của vấn đề cần được tập trung tìm hiểu, khám phá, phân tích? + Thái độ nên có trước các đối tượng được đề cập là gì? + Những cứ liệu minh họa nào có thể huy động? + Ý nghĩa của vấn đề nghiên cứu,... - Trên cơ sở các ý huy động được, bạn xây dựng thành một đề cương, sắp xếp các ý theo trật tự nhất định: + Theo trật tự thời gian, + Theo trật tự không gian, + Theo logic của vấn đề,... **4. Dàn ý chung của bài viết báo cáo kết quả nghiên cứu về một vấn đề** *** Đặt vấn đề:** Nêu rõ đề tài và vấn đề nghiên cứu. *** Giải quyết vấn đề:** Trình bày các kết quả nghiên cứu chính thông qua hệ thống luận điểm, có các dữ liệu, bằng chứng. *** Kết luận:** Khẳng định kết quả nghiên cứu và ý nghĩa của vấn đề nghiên cứu, gợi mở những hướng tiếp cận mới. *** Tài liệu tham khảo:** Ghi rõ tên tác giả, thời gian công bố, tên tài liệu, nơi công bố,...

3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP – THỰC HÀNH VIẾT

a. Mục tiêu: HS vận dụng được quy trình, cách thức viết một báo cáo nghiên cứu.

b. Nội dung: chắt lọc kiến thức SGK, câu hỏi trong sách để viết.

c. Sản phẩm: Câu trả lời đúng của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Phương án phân công công việc

<table>
<tr><td colspan="3">Tập hợp tài liệu thu thập được</td><td></td></tr>
<tr><td colspan="3">Phân nhóm các tài liệu tìm được</td><td></td></tr>
<tr><td colspan="3">Lựa chọn phương án sắp xếp luận điểm</td><td></td></tr>
<tr><td colspan="3">Lựa chọn dẫn chứng cho từng luận điểm</td><td></td></tr>
<tr><td rowspan="5">Viết từng phần</td><td colspan="2">Đặt vấn đề</td><td></td></tr>
<tr><td rowspan="3">Giải quyết vấn đề</td><td>Luận điểm 1</td><td></td></tr>
<tr><td>Luận điểm 2</td><td></td></tr>
<tr><td>Luận điểm n</td><td></td></tr>
<tr><td colspan="2">Kết thúc vấn đề</td><td></td></tr>
<tr><td colspan="2">Tài liệu tham khảo</td><td></td></tr>
</table>

HĐ của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
GV hướng dẫn HS thực hành viết báo cáo kết quả nghiên cứu về một vấn đề **<u>Thao tác 1:</u> Hướng dẫn HS chuẩn bị** - GV hướng dẫn HS lựa chọn đề tài nghiên cứu - HS thảo luận cặp đôi trong bàn: **Bước 1: GV giao nhiệm vụ:** **HS lựa chọn cùng đề tài được phân về cùng nhóm hoạt động** - GV yêu cầu HS suy nghĩ để lựa chọn nội dung cho bài viết của mình bằng **kĩ thuật công não:** **Viết bài báo cáo kết quả nghiên cứu về một vấn đề:** + Về nội dung, đề tài báo cáo nghiên	**III. Thực hành** **1. Bước 1: Chuẩn bị viết** **Một số đề tài nghiên cứu:** **<u>a. Đề tài gợi ra từ vấn đề văn học:</u>** (1) Tìm hiểu về dấu ấn sử thi trong một tác phẩm văn học, nghệ thuật hiện đại như bộ phim *Cuộc chiến thành Tơ-roa* của đạo diễn Huơ-gang Pi-tơ-sen, (2) Sự sụp đổ của thành Tơ-roa của hoạ sĩ người Mỹ Rô-me Bia-đen, (3) So sánh hình tượng khỉ thần Ha-nu-man trong sử thi *Ra-ma-ya-na* với nhân vật Tôn Ngộ Không trong *Tây du kí* của Ngô Thừa Ân,… (4) Phân tích không khí sử thi trong các bộ phim nổi tiếng của điện ảnh đương đại như *Chúa tể của những chiếc nhẫn* (The Lord of the Rings), *Chiến tranh giữa các vì sao* (Star Wars), Avatar (5) Tính toàn dân tộc trong sử thi *I-li-at* của Hô-me-rơ **<u>b. Đề tài về đời sống:</u>** (1) Miếu bà chúa xứ núi Sam: một số vấn đề trao đổi

cứu về vấn đề gì? + Vấn đề đó gồm những khía cạnh nào? + Em dự định sắp xếp những luận điểm đó như thế nào trong bài viết? **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ:** + Tổ chức trao đổi theo câu hỏi, thực hiện nhiệm vụ. + HS dự kiến sản phẩm + GV quan sát, gợi mở **Bước 3: HS báo cáo kết quả và thảo luận:** + HS trình bày sản phẩm. + GV gọi HS khác nhận xét về câu trả lời của bạn **Bước 4: Đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ:** GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, **Thao tác 2: Hướng dẫn HS thu thập thông tin, lập đề cương chi tiết cho bài nghiên cứu của nhóm** **Bước 1: GV giao nhiệm vụ:** + HS điền vào phương án phân công công việc theo mẫu. + HS lập đề cương theo yêu cầu 3 phần của dàn ý chung **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ:** + Tổ chức trao đổi theo câu hỏi, thực hiện nhiệm vụ. + HS dự kiến sản phẩm + GV quan sát, gợi mở **Bước 3: HS báo cáo kết quả và thảo luận** + HS trình bày sản phẩm.	(2) Công đức Thánh Trần (3) Sự khác biệt giữa quần thể kiến trúc Đền Trần Nam Định và Kiếp Bạc - Hải Dương **2. Bước 2: Thu thập thông tin, xây dựng đề cương cho đề tài gợi ra từ vấn đề văn học (5)** *** Đặt vấn đề:** Nêu rõ đề tài và vấn đề nghiên cứu. **- Khái quát chung:** + Tác giả Hô-me-rơ + Thời đại lịch sử + Tác phẩm: Sử thi *I-li-át* ++ Tóm tắt tác phẩm ++ Giá trị nội dung ++ Giá trị nghệ thuật *** Giải quyết vấn đề:** Trình bày các kết quả nghiên cứu chính thông qua hệ thống luận điểm, có các dữ liệu, bằng chứng về: **Tính toàn dân tộc:** **- Vấn đề thể loại:** + Khái niệm + Đặc trưng **- Tính toàn dân tộc:** + Khái niệm + Nội dung phản ánh + Phương diện biểu hiện **- Khái quát tính toàn dân tộc trong sử thi *I-li-át*** **- Biểu hiện tính toàn dân tộc trong sử thi *I-li-át*:** **+ Đề tài phản ánh sự kiện lịch sử có thật (thời gian sử thi)** *I-li-át* phản ánh mọi mặt của đời sống cộng đồng: ++ Về phong tục, tập quán ++ Về lễ nghi, nghi thức ++ Không gian sinh hoạt trong sử thi *I-li-át*: +++ Không gian trong chiến tranh +++ Không gian sinh hoạt thời bình **+ Hình tượng người anh hùng – biểu tượng mang**

+ GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung cho bạn. **Bước 4: Đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ:** GV nhận xét, đánh giá, định hướng.	**tính toàn dân:** ++ Người anh hùng – mẫu hình chung đại diện sức mạnh thể chất, tinh thần và tư tưởng của toàn dân tộc: +++ Nhân vật Achilles +++ Nhân vật Hector ++ Người anh hùng – những nét riêng làm nổi bật tính toàn dân **+ Dung lượng đồ sộ - biểu hiện cho sự tầm vóc của cả thời đại.** **+ Ngôn ngữ trong *I-li-át* – yếu tố nghệ thuật làm toát lên đặc điểm thời đại Hô-me-rơ:** Ngôn ngữ Hi Lạp **+ Giọng điệu – tiêu chí biểu hiện thái độ của tác giả cũng như cộng đồng thời đại Hô-me-rơ** **+ Hình thức diễn xướng – biểu hiện cho tinh thần tập thể, cộng đồng.** ++ Hình thức diễn xướng ++ Hình thức thưởng thức *** Kết luận:** Khẳng định kết quả nghiên cứu và ý nghĩa của vấn đề nghiên cứu, gợi mở những vấn đề mới *** Tài liệu tham khảo:** Ghi rõ tên tác giả, thời gian công bố, tên tài liệu, nơi công bố,...
Thao tác 3: Hướng dẫn HS viết bài **HOẠT ĐỘNG CÁ NHÂN** **Bước 1: GV giao nhiệm vụ:** GV yêu cầu HS dựa vào dàn ý để viết thành bài hoàn chỉnh. **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ:** + HS viết bài theo dàn ý đã lập. + GV quan sát **Bước 3: HS báo cáo kết quả và thảo luận** **Bước 4: Đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ:**	**3. Bước 3: Viết** Dựa vào dàn ý đã xây dựng để luyện tập kĩ năng viết. **Chú ý:** - Triển khai mỗi luận điểm đã được xác định trong đề cương dàn ý thành một đoạn văn. Mỗi đoạn văn cần có câu chủ đề, được đặt ở đầu hoặc cuối đoạn văn. Các câu khác trong đoạn cần cung cấp thông tin, chi tiết để làm sáng tỏ câu chủ đề. Mỗi đoạn văn chỉ nên diễn đạt một luận điểm. - Chú ý sử dụng ngôn ngữ phù hợp. Tuy chưa phải là một nghiên cứu khoa học chuyên nghiệp nhưng báo cáo nghiên cứu cũng cần sử dụng ngôn ngữ khoa học,

GV nhận xét, đánh giá, tuyên dương những bài viết tốt, định hướng HS chia sẻ học tập và khích lệ HS viết chưa tốt nỗ lực hơn.	khách quan, trung tính (ví dụ: sử dụng đại từ nhân xưng "chúng tôi" thay vì dùng "tôi", sử dụng các số liệu, thông tin khách quan thay vì nêu các nhận định cảm tính, tránh thể hiện cảm xúc của người viết). - Sử dụng các từ ngữ liên kết để thể hiện mối quan hệ logic giữa các ý, các đoạn như: thứ nhất, thứ hai, thứ ba, tuy nhiên, tóm lại,... - Khi trích dẫn dù trực tiếp hay gián tiếp, cần ghi nguồn trích dẫn theo đúng quy cách. - Sắp xếp các tài liệu tham khảo theo đúng thông lệ: trật tự dựa vào trật tự chữ cái đầu tiên trong tên hoặc họ của tác giả. - Có thể chọn đưa vào báo cáo nghiên cứu một số sơ đồ, biểu đồ, hình ảnh,... phù hợp.
Thao tác 4: GV hướng dẫn HS kiểm tra và chỉnh sửa **Bước 1: GV giao nhiệm vụ:** - GV yêu cầu HS đọc lại bài luận đã viết. - Kiểm tra và chỉnh sửa theo **Phiếu chỉnh sửa bài viết** **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ:** HS xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm. **Bước 3: HS báo cáo kết quả và thảo luận** **Bước 4: GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ.** **Chuẩn kiến thức** về yêu cầu đối với **Viết** bài báo cáo kết quả nghiên cứu về một vấn đề	**4. Bước 4: Kiểm tra, chỉnh sửa, hoàn thiện** Tự rà soát lại bài báo cáo nghiên cứu của mình theo các tiêu chí sau đây: - Phần giới thiệu nêu rõ được vấn đề nghiên cứu, gây được sự chú ý và hấp dẫn đối với người đọc. - Các luận điểm chính đã được làm sáng tỏ qua những dữ liệu, bằng chứng xác thực, đáng tin cậy. - Các phần được sắp xếp theo trật tự logic, có sự liên kết chặt chẽ, không có sự trùng lặp. - Không có các thông tin thừa, không liên quan trực tiếp đến đề tài. - Bài viết đảm bảo tuân thủ các quy định về chính tả, không mắc lỗi từ ngữ và câu. - HS có thể tráo đổi bài để trong bàn chấm và chữa cho nhau. **Sử dụng Phiếu chỉnh sửa bài viết** để tự hoàn thiện bài

Phiếu chỉnh sửa bài viết

Nội dung kiểm tra	Các phần	Yêu cầu cụ thể	Đạt/Chưa đạt	
Bố cục ba phần	**Đặt vấn đề**	Phần giới thiệu nêu rõ được vấn đề nghiên cứu, gây được sự chú ý và hấp dẫn đối với người đọc.		
	Giải quyết vấn đề	Các luận điểm chính đã được làm sáng tỏ qua những dữ liệu, bằng chứng xác thực, đáng tin cậy.		
		Các phần được sắp xếp theo trật tự logic, có sự liên kết chặt chẽ, không có sự trùng lặp.		
		Không có các thông tin thừa, không liên quan trực tiếp đến đề tài.		
	Kết thúc vấn đề	Khái quát lại vấn đề, nâng lên thành bài học nhận thức, ứng xử		
	Tài liệu tham khảo	- Đã đảm bảo được tính chính xác, khoa học, khách quan của văn bản chưa? - Các trích dẫn đã ghi rõ được nguồn gốc, bao gồm thông tin về tác giả, năm công bố, vị trí của phần trích dẫn trong văn bản chưa?		
Các lỗi còn mắc	-	Bài viết đảm bảo tuân thủ các quy định về chính tả, không mắc lỗi từ ngữ và câu.		
Đánh giá chung		- Bài viết đáp ứng yêu cầu đạt mức độ nào? - Em thấy hứng thú hoặc khó khăn nhất khi thực hiện phần nào trong tiến trình thực hành viết?		

Dự kiến:

ĐỀ TÀI: Tính toàn dân tộc trong sử thi *I-li-át* của Hô-me-rơ

1. Khái quát chung (đặt vấn đề)

1.1. Tác giả Hô-me-rơ

- Vị trí văn học: Hai bộ sử thi cùng các tác phẩm được coi là của Hô-me-rơ trở thành những mẫu mực của văn chương đối với nhiều thời đại về sau. Hô-me-rơ được coi là nhà thơ huyền thoại của Hy Lạp cổ đại.
- Nghề nghiệp: Theo truyền thuyết, ông bị mù và là một người hát rong - kể chuyện tài năng.
- Quê quán: Một số tài liệu từ thời cổ đại không thống nhất về quê quán của nhà thơ: không rõ ở Hy Lạp hay ở Tiểu Á.
- Tài năng: Homer có vốn kiến thức văn học dân gian đáng kể, am hiểu về cuộc sống của con người nên vốn sống rất sâu rộng. Chính vì vậy ông được coi là một thiên tài thi ca lớn của nhân loại.

1.2. Thời đại lịch sử:

- Thời gian: IX – VIII TCN
- Sự kiện lịch sử: diễn ra câu chuyện về cuộc chiến thành Tơ-roa.

1.3. Tác phẩm: Sử thi *I-li-át*

1.3.1. Tóm tắt tác phẩm:

- Cuộc chiến vây hãm thành Tơ-roa của quân A-kê-en, tức quân Hy Lạp, bước sang năm thứ mười vẫn không phân thắng bại.
- A-khin, dũng tướng tài giỏi nhất của quân Hy Lạp, tức giận vì bị chủ soái A-ga-mem-nông tước mất chiến lợi phẩm là nàng Bri-dê-ít, quyết không tham chiến, đồng thời qua mẹ của mình là nữ thần Thê-ti-xơ, cầu xin thần Dớt làm cho quân Hy Lạp thất bại. Thần Dớt hứa hẹn, nhưng chưa thực hiện lời hứa. Thoả thuận về một cuộc chiến tay đôi chấm dứt chiến tranh không thành, quân Hy Lạp và quân Tơ-roa lại tiếp tục giao chiến. Cuộc chiến nơi hạ giới luôn có sự can thiệp của các vị thần chia làm hai phe ủng hộ hai bên. Quân Hy Lạp nhất thời giành thế áp đảo.
- Hoàng tử Héc-to, chủ soái quân đội thành Tơ-roa, quay vào thành thúc giục binh sĩ, khẩn cầu nữ thần A-tê-na giúp đỡ.
- **Chàng ghé về nhà thăm vợ con.**
- Sau khi từ biệt Ăng-đrô-mác, Héc-to ra trận, dũng cảm chiến đấu với dũng tướng A-giắc của quân Hy Lạp. Thần Dớt bắt đầu thực hiện lời hứa của mình: làm cho quân Hy Lạp thất thế.
- Quân Tơ-roa đánh lui quân Hy Lạp tới các chiến thuyền ngoài bờ biển. Pa-tơ-rô-clơ, chiến hữu thân cận của A-khin, mượn giáp trụ và vũ khí của A-khin xung trận. Pa-tơ-rô-clơ bị Héc-to giết chết. Nỗi đau thương và khát vọng trả thù cho bạn thôi thúc A-khin quay lại chiến trường, giành thế áp đảo cho quân Hy Lạp. A-khin giết chết Héc-to, kéo xác chàng quanh thành. A-khin trả lại thi hài Héc-to cho vua Pri-am khi xúc động trước nỗi đau và lời cầu xin của người cha tới chuộc xác con. Sử thi *I-li-át* khép lại với lễ an táng Héc-to cùng những binh sĩ tử trận của cả hai bên.

1.3.2. Giá trị nội dung

I-li-át là bản trường ca khắc họa bức tranh chiến trận thời kì chiến tranh bộ lạc và lí tưởng anh hùng của thời đại Hô-me-rơ. Tác phẩm đã khắc họa mẫu người anh hùng của thời đại, nhưng lại mang sắc thái riêng, không giống ai. Đồng thời *I-li-át* là bài ca nhân đạo mang tinh thần nhân văn cao cả, thể hiện ước mơ khát vọng, tư tưởng của thời đại bấy giờ.

1.3.3. Giá trị nghệ thuật

Nghệ thuật sử thi được biểu hiện rõ nét qua cách kể chuyện (lối miêu tả tỉ mỉ, chi tiết, đôi khi không cần đến phối cảnh; lối nhắc lại, sử dụng định ngữ làm cho công chúng theo dõi được cốt truyện khi nghe), bút pháp so sánh thể hiện cách diễn đạt cụ thể của người cổ đại, nghệ thuật tương phản trong bút pháp miêu tả, ngòi bút vừa hùng tráng vừa trữ tình, vừa thực vừa hư, vừa khái quát vừa cụ thể.

Nghệ thuật xây dựng nhân vật, xây dựng tính cách con người manh nha trong sử thi *I-li-át*.

2. Tính toàn dân tộc (giải quyết vấn đề)

2.1. Vấn đề thể loại

2.1.1. Khái niệm

Sử thi (anh hùng ca) là thể loại tự sự dài, dung lượng đồ sộ, ra đời vào thời cổ đại gắn liền với sự kiện lịch sử đặc biệt của dân tộc trong một thời kì nhất định.

2.1.2. Đặc trưng

Sử thi viết về những sự kiện có tính toàn dân, xây dựng hình tượng tập thể anh hùng, sự kiện, nhân vật anh hùng chiêm nghiệm, khâm phục, giọng văn hùng tráng tha thiết trong sáng, được lưu truyền bằng miệng trong dân gian, sử dụng yếu tố hoang đường kì ảo.

2.2. Tính toàn dân tộc

2.2.1. Khái niệm

“Tính toàn dân tộc hay còn gọi là tính nhân dân, tính cộng đồng, tính quần chúng, là những tác phẩm có mối liên hệ sâu xa và lâu bền giữa những sáng tác văn học nghệ thuật ưu tú với tình cảm, tư tưởng, lợi ích, nhu cầu thẩm mĩ của nhân dân.” [1]

2.2.2. Nội dung phản ánh

“Phản ánh những hiện tượng sự kiện đặt ra những vấn đề mà nhân dân quan tâm, giúp họ xây dựng phẩm chất đạo đức và tinh thần công dân, có ý nghĩa đối với vận mệnh, cuộc sống đấu tranh của nhân dân. [2]

Văn học nghệ thuật phải chủ trương phục vụ cuộc đấu tranh chống bất công xã hội và xây dựng cuộc sống theo lợi ích của nhân dân. [3]

Như vậy, có thể thấy nội dung phản ánh của tính toàn dân thể hiện trước hết ở chỗ tác phẩm phản ánh những hiện tượng, những sự kiện, đặt ra những vấn đề của nhân dân, có ý nghĩa đối với vận mệnh và cuộc đấu tranh của nhân dân.

2.2.3. Phương diện biểu hiện

Biểu hiện chủ yếu qua nội dung, hình thức nghệ thuật cũng có ý nghĩa riêng, trong sáng, điêu luyện, phù hợp với thị hiếu thẩm mĩ của nhân dân được nhân dân ưa thích. Chính vì vậy, nhà văn phải luôn hướng ngòi bút của mình về phía đông đảo quần chúng và những tiến bộ xã hội.

2.3. Khái quát tính toàn dân tộc trong sử thi I-li-át

Tính toàn dân tộc trong sử thi *I-li-át* biểu hiện tập trung ở phương diện nội dung, phản ánh những sự kiện lịch sử hoặc ngụy lịch sử của dân tộc, được nhân dân quan tâm liên quan đến vận mệnh chung của một cộng đồng (bộ tộc, bộ lạc). Đồng thời thể hiện tư tưởng lợi ích của nhân dân thông qua đề tài chủ đề, xây dựng hình tượng người anh hùng. Bên cạnh đó tính toàn dân trong sử thi *I-li-át* còn biểu hiện ở phương diện nghệ thuật: Giọng điệu, dung lượng, hình thức diễn xướng.

3. Biểu hiện tính toàn dân tộc trong sử thi I-li-át

3.1. Đề tài phản ánh sự kiện lịch sử có thật (thời gian sử thi)

I-li-át là bản trường ca về cuộc chiến tranh diễn ra ở thành Tơ-roa (Iliông) giữa quân Hy Lạp và quân Tơ-roa .Đây là một sự kiện lịch sử có thật xảy ra vào thế kỉ XII tr. CN. Tác phẩm tái hiện những sự kiện xảy ra trong 50 ngày trong năm cuối cùng của cuộc chiến tranh thành Tơ-roa. Hiện tượng lịch sử này được phản ánh rõ nét qua bức tranh chiến trận thời kì chiến tranh bộ lạc và lí tưởng anh hùng của thời đại Hô-me-rơ. Như vậy, tác phẩm của Hô-me-rơ đã phản ánh thời gian lịch sử của một dân tộc, một bộ lạc, thời gian lịch sử của một dòng họ, một chế độ. Sở dĩ, nói rằng đây là sự kiện lịch sử có thật, bởi minh chứng vẫn còn được tồn tại cho đến ngày nay đó chính là đô thành Tơ-roa, mặc dù sự kiện lịch sử này được cường điệu hóa và tô điểm bởi thần thoại (sự xuất hiện của các vị thần linh).

3.2. I-li-át phản ánh mọi mặt của đời sống cộng đồng

Dưới hình thức anh hùng ca, Hô-me-rơ đã tái hiện lại không khí của một sự kiện có thật trong lịch sử. Đó là cuộc chiến thành Tơ-roa xảy ra vào khoảng thế kỉ XIII hay thế kỉ XII tr.CN. Nội dung tác phẩm của Hô-me-rơ phản ánh mang tính chất hoàng tráng, đồ sộ, bao gồm nhiều mặt của cuộc sống cộng đồng, từ phong tục, lễ nghi đến không gian sinh hoạt và bước chuyển biến lịch sử của đất nước Hy Lạp cả trong chiến tranh và thời bình. Với cách miêu tả tỉ mỉ, chi tiết Hô-me-rơ đã vẽ nên bức tranh sinh hoạt về bình diện sinh hoạt của xã hội, của con người, của thời đại hết sức sinh động và hấp dẫn.

3.2.1. Về phong tục, tập quán:

Không gian bao trùm *I-li-át* là không gian của chiến trận, nhưng trong khí thế chiến đấu sôi nổi luôn đan xen bức tranh về phong tục tập quán. Đó là cảnh hội họp của binh sĩ "Như ong vỡ tổ từ bỏ hốc đá vù vù thành dòng bất tận, đàn vẫy cánh phía kia (...) họ lũ lượt, hết đội này đến đội nọ, rời thuyền, bỏ trại, chen vai thích cánh, hối hả, liên tục cất bước trên bãi biển vịnh sâu đến

hội trường". Hay cơn giận của Achilles cũng phản ánh rõ quy luật phân chia phần thưởng sau mỗi cuộc chiến đã trở lành quy ước cộng đồng thời bấy giờ.

3.2.2. Về lễ nghi, nghi thức:

Trong *I-li-át*, không gian được miêu tả là thế giới song song giữa thần và người. Sự nhân cách hóa hình tượng các vị thần thể hiện tư duy mới mẻ của người Hy Lạp.

Người Hy Lạp luôn tin vào các vị thần được bước ra từ thế giới thần thoại, bởi vậy họ dành cho thần linh một sự kính trọng. *I-li-át* đã đề cập đến những lễ nghi, nghi thức dâng lễ tế sinh của nhân dân Hy Lạp cổ đại thời bấy giờ. Sau khi đón nhận con gái được trao trả từ quân Achilles, lão ông Chryses lập tức cất lời cầu xin nữ thần Apolo và "vãi hạt đại mạch nguyên hạt xong xuôi, mọi người kéo đầu tế sinh về phía sau, mặt hướng lên trời, cắt cổ, thọc tiết, lột da. Tiếp theo mọi người lóc thịt khỏi đùi, cuốn lại lấy mỡ phủ kín, đắp thịt sống lên trên" (khúc I) hay như cảnh "Mọi người làm lễ tế sinh dâng thần linh bất tử cầu xin thoát chết, tránh mọi bất trắc, gian nguy ngoài chiến trường. Phần mình nguyên soái Agamemnon giết bò mật năm tuổi làm lễ tế sinh dâng công tử Kronos quyền uy mãnh liệt" (khúc I). Đó là lễ tế sinh được thực hiện trước khi ra trận. Trong tác phẩm của mình, Hô-me-rơ đề cập đến lễ tế sinh rất nhiều lần phản ánh một nghi thức mang tính chất trọng đại của con người Hy Lạp cổ đại. Trước mọi sự kiện, họ luôn dâng lễ vật cầu mong thần linh ban cho sức mạnh và sự chiến thắng.

3.2.3. Không gian sinh hoạt trong sử thi *I-li-át*

3.2.3.1. Không gian trong chiến tranh:

Sử thi *I-li-át* đã mô tả những khoảnh khắc trong chiến tranh với quy mô rộng lớn mang tầm vóc lớn lao. Trận chiến được miêu tả thật kì vĩ, hoành tráng với bút pháp phóng đại, cường điệu đặc trưng của sử thi: "Con sông giận dữ dâng nước ào lên, dồn sóng, chuyển động cả dòng, gầm thét như một con bò mộng, cuốn đi và ném lên bờ vô số xác chết do Achilles giết và vứt đầy lòng nó.". Bức tranh chiến trận luôn được miêu tả sinh động, rõ nét:

"Quân Tơ-roa ào ào tiến tới tấn công; Hektor dẫn đầu. Số lượng đông đảo vừa sấn tới họ vừa gào thét như sóng biển cao ngất gầm thét ập vào cửa sông, nước tràn trề do mưa Chúa tể tuôn đổ, mũi đất nhô lồi hai bên rền vang xua đuổi, lúc nước mặn xồng xộc nhào tới." (khúc XVII)

3.2.3.2. Không gian sinh hoạt thời bình:

Tác giả thật tài tình khi lồng vào cảnh máu lửa trên chiến trận là cảnh sinh hoạt bình dị dời thường. Điều đó đã thể hiện sự tinh tế trong việc quan sát và cảm nhận từng chi tiết của cuộc sống, từng sự biến đổi, vận động không ngừng của cảnh vật, con người. Sau mỗi cuộc đua, "Binh sĩ rời hội trường, tản mát thành nhóm kéo về dãy thuyền lướt sóng. Họ nghĩ tới thưởng thức bữa ăn buổi chiều và giấc ngủ êm đềm" (khúc XXIV).

Đặc biệt, bức tranh sinh hoạt của dân chúng đã được thể hiện rõ qua chiếc khiên thần của Achilles: "Hephaixtos rèn một tấm khiên lớn, chắc chắn, chạm trổ khắp nơi, chung quanh rèn ba

đường vành sáng chói và treo vào đấy một dây leo bằng bạc, khiên dày năm lớp, và trên mặt khiên Hephaixtos trang trí những hình chạm khắc rất tài tình khéo léo".

Trên bề mặt khiên nổi lên bức tranh toàn cảnh về cuộc sống của con người Hy Lạp thời bấy giờ. Đầu tiên là hiểu biết của con người cổ đại về vũ trụ, về thiên văn học: "thần linh trình bày trái đất, bầu trời, biển cả, mặt trời bất quyện, mặt trăng tròn trịa, nhiều chòm sao lấp lánh tô điểm thiên cung, chòm sao Mão, chòm sao Tất, chòm sao Lạp Hộ, Đại Hùng, còn gọi là Xa Tòa, chòm sao duy nhất không một lần tắm dưới Đại Dương..."

Trên mặt khiên còn có hình ảnh "hai thành phố ngoạn mục, đông đúc thần nhân". Cảnh sinh hoạt đông đúc, yên vui hiện lên thông qua việc miêu tả về đám cưới, đám tiệc: "tiếng hát ngợi ca hôn nhân rền vang. Thanh niên khiêu vũ lượn vòng xoay tròn; ở giữa tiếng sáo, tiếng đàn dìu dặt dâng cao...". Trong sự bình yên có pha lẫn hương vị cuộc sống ồn ào, tấp nập "Đàn ông tụ tập ngoài chợ. Lời qua tiếng lại, hai đàn ông cãi nhau vì tiền chuộc nợ máu trả vụ sát nhân... Dân chúng đứng xem la hét, phe lớn tiếng ủng hộ bên này, phe to lời bênh vực bên kia, lệnh sứ phải tìm đủ cách giữ họ trong vòng trật tự". trên chiếc khiên còn thể hiện bức tranh sản xuất của người dân: "cánh đồng hưu canh rộng lớn, đất tới xốp, phì nhiêu, có thể trồng trọt, cày cấy ba vụ". Lúc trở về với cuộc sống hòa bình, người chiến binh trở thành những nông phu "quay cày, đẩy ngựa đi tới, trở về hết phía này đến phía kia". Đất đai canh tác của quân vương cũng được miêu tả: "cây lúa ngả xuống đất, hết nắm này đến nắm kia, theo đường cắt trên ruộng trong khi thợ bó dùng dây bó thành bó....".

Không gian sinh hoạt của người dân còn được thể hiện qua những vườn nho trĩu nặng, đàn bò thẳng tắp. Trang phục, lối sống của con người cũng được tái hiện sinh động: "Thiếu nữ mặc áo dài vải mịn, thanh niên mặc tu-nich dệt kĩ, vải óng ánh màu dầu lờn lợt. Các cô đội vòng hoa tươi thắm, các cậu đeo đoản kiếm bằng vàng, dây đeo bằng bạc..". Như vậy, hình ảnh chiếc khiên thần đã tái hiện sinh động toàn cảnh bức tranh sinh hoạt đời thường của nhân dân Hy Lạp cổ đại. Trong chuỗi phim khoa học "Văn minh Hy Lạp", phần về "Bình minh của văn minh Hy Lạp" (The Rise of Greek Cilivization) có khẳng định như sau: "Hầu hết những hiểu biết của chúng ta về 400 năm, giữa năm 1200 đến năm 800 trước công nguyên đều từ sử thi Ô-đi-xê và một kiệt tác khác, sử thi I-li-át".

Như vậy, nội dung mà *I-li-át* mang đậm tính toàn dân, thể hiện ở việc phản ánh sự kiện mang tầm vóc kì vĩ, hoành tráng. Và để kể về một hoặc nhiều biến cố lớn diễn ra trong đời sống cộng đồng của dân cư cổ đại, sử thi *I-li-át* còn xây dựng những hình tượng nghệ thuật hoành tráng, hào hùng mà tiêu biểu là hình tượng các nhân vật anh hùng. Họ là một nhân tố quan trọng làm nên tính cộng đồng của sử thi *I-li-át*, bởi không thể nói đến một cộng đồng mà không nói đến cá nhân đại diện, biểu hiện cho tài năng và sức mạnh của của cộng đồng, của tập thể đó.

3.3. Hình tượng người anh hùng – biểu tượng mang tính toàn dân

Sức mạnh của người anh hùng được thể hiện và làm nổi bật thông qua các cuộc chiến. Chiến tranh trở thành tiêu chí, trở thành điều kiện cần và đủ để đánh giá phẩm chất, năng lực của bất cứ vị anh hùng nào trong thời cổ đại. Người anh hùng được xã hội thừa nhận phải là người có sức mạnh, có tài năng, mang trong mình sự dũng cảm- một phẩm chất tất yếu, đi liền với những chiến công hiển hách và là tấm gương đại diện cho sức mạnh, tư tưởng của thời đại.

3.3.1. Người anh hùng – mẫu hình chung đại diện sức mạnh thể chất, tinh thần và tư tưởng của toàn dân tộc

Trong *I-li-át*, Hô-me-rơ đã xây dựng hàng loạt nhân vật anh hùng biểu tượng cho sức mạnh, khí thế của cả cộng đồng để làm nên "chủ nghĩa anh hùng tập thể", trong đó nổi bật là hình tượng Achilles và Hector. Có thể khẳng định rằng Achilles là gương mặt đại diện mang trong mình tổng thể sức mạnh toàn dân, sức mạnh thời đại.

3.3.1.1. Nhân vật Achilles

Achilles được sinh ra bởi nữ thần biển The... chân bạc với vị vua Hi Lạp Peleus. Với xuất thân là một á thần, Achilles có sức mạnh phi thường. "Dũng sĩ không hề chán ngấy cảnh chiến tranh" được biết đến với đôi chân chạy nhanh như gió và không biết mệt mỏi. Bởi thế khi chàng không tham gia trận chiến, quân Hy Lạp liên tiếp bị thua và phải rút lui đến tận bờ biển. Và sự thất bại của quân Hy Lạp giống như một kết quả tất yếu khi thiếu đi một chiến binh tài ba, xuất sắc. Vị chủ tướng Agamemnon quả là sai lầm khi đặt lòng tham của mình không đúng chỗ, xúc phạm tới danh dự của Achilles- một chiến binh luôn ý thức bổn phận, nhưng cũng sẵn sàng làm tất cả để bảo vệ lòng tự tôn của mình. Hành động không tham gia chiến trận của Achilles là để chứng minh sự tham lam sai lầm của vị chủ tướng, làm y nhận ra mình "điên rồ, mù quáng vì không tôn trọng chiến binh tài ba tột bậc Achaian". Nhưng xét ở góc độ văn hóa, cơn giận của Achilles thể hiện thái độ phản đối việc làm vi phạm quy ước cộng đồng của vị chủ tướng. Trong xã hội công xã nguyên thủy, sau mỗi trận chiến, của cải được chia cho tất cả mọi người. Vì vậy sự tước đoạt của Agamemnon đối với phần thưởng Achilles đã nhận được là hành vi vi phạm lợi ích tập thể. Và hành vi đó sẽ phải trả giá.

Sức mạnh và tài năng mang tính chất cộng đồng của Achilles được bộc lộ rõ nét hơn khi chàng tham gia cuộc chiến. Người anh hùng vẫn không thể vượt thoát khỏi bối cảnh, không gian chiến trận bởi chỉ khi chiến đấu, họ mới thể hiện được bản lĩnh của chính mình. Chỉ với một tiếng thét, chàng đã "gây ra trong lòng hàng ngũ quân Troian một sự nháo nhác khôn tả. Tiếng thét nghe tưởng chừng như tiếng kèn đồng vang chói cất lên trong những ngày địch quân, kẻ hủy hoại đời sống con người, bao vây một đô thị. Tiếng của Achilles cất lên cũng chói vang như vậy, làm quân Tơ-roa vừa mới nghe thấy tiếng thét đồng của Achilles là lòng dạ rối bời, (...). Ba lần trên bờ hào, chàng Achilles thần thánh đã gieo xuống một tiếng thét lớn, ba lần chàng làm đảo lộn hàng ngũ quân Troian và các bạn đồng minh danh tiếng". Chàng trở lại chiến trận không chỉ là

nỗi khiếp sợ của quân Tơ-roa mà còn gợi lên ở những con người Hy Lạp niềm tự hào và niềm tin mãnh liệt: "Khi thần linh chưa xuống với người trần thì quân Achaian rất đỗi tự hào vì Achilles, người lâu nay không tham dự chiến trận đau thương, bây giờ đã trở lại".

Hành động tham chiến của Achilles xuất phát từ cái chết của người bạn chí thiết là Patrocle. Tuy nhiên hành động báo thù tưởng chừng như mang tính chất cá nhân ấy lại chứa đựng tư tưởng cộng đồng. Quyết định đến với cuộc chiến, Achilles trở thành đại diện cho tinh thần tập thể, và là sức mạnh gắn bó các thành viên trong chế độ công xã thị tộc. Lúc này đây, lí tưởng bảo vệ danh dự, lập chiến công lại bừng cháy trong huyết quản chàng. Dẫu biết rằng số phận ngắn ngủi của chàng có thể kết thúc sau khi giết Hector, nhưng chàng vẫn kiên quyết: "Con đây nếu số con là phải chết, con cũng xin chịu chết. Nhưng hiện giờ con chỉ mong sao được lừng lẫy danh thơm và làm cho một người đàn bà Troian nào đấy nếp áo dài thướt tha than khóc không ngừng và đưa tay chùi nước mắt trên đôi má hồng hiền dịu, con phải làm cho người thấy rằng đã từ lâu con đây, con không tham chiến". Như vậy, rõ ràng, Achilles là hiện thân tiêu biểu cho tinh thần cộng đồng của toàn dân tộc như lời nhận xét của nhà lí luận Bielinski dành cho chàng "Achilles là tổng thể những sức mạnh ưu tú của nhân dân". [4]

3.3.1.2. Nhân vật Hector

Bên cạnh hình tượng người anh hùng Achilles, *I-li-át* cũng xây dựng Hector như một biểu tượng mang tinh thần cộng đồng. Điều này cho thấy tác giả Hô-me-rơ đã đứng trên lập trường miêu tả khách quan của sử thi. Để thể hiện được chủ nghĩa anh hùng tập thể thì tác giả sử thi phải miêu tả anh hùng của hai chiến tuyến như nhau, bởi vì các anh hùng là các nhân vật nổi bật, luôn giữ vững lí tưởng tập thể, phấn đấu, hi sinh vì lợi ích cộng đồng.

Nếu mục đích chiến đấu của người Achaian là giành lại nàng Helen, bảo vệ danh dự thì ngược lại, người dân thành Troian lại chiến đấu để bảo vệ quê hương xứ sở, thành bang của mình trước sự xâm lăng. Và Hector là hiện thân sáng ngời cho lí tưởng ấy: "Toàn thể anh em hãy xông lên mà chiến đấu, tiến sát vào chiến thuyền, nếu một ai trong các bạn từ sa trường bị thương hoặc ở gần bị đánh gãy ngã và rồi sẽ chết và đi tới hạn kì của số phận mình thì người đó cứ yên tâm mà chết! Đối với người chết để bảo vệ quê hương thì chẳng có gì mà xấu hổ cả". Như vậy, tâm thế đón nhận cái chết để bảo vệ danh dự, quê hương là nét ngời sáng trong hình tượng Hector. Với lí tưởng cao cả đó, chàng là minh chứng cho triết lí sống niềm vinh hạnh mà con người ta đạt được lớn đến nỗi cả sự đau đớn tột cùng và thậm chí là mạng sống đều không phải là cái giá quá cao phải trả để chiến thắng.

Và dù cho tới lúc chàng sợ hãi, muốn trốn chạy khỏi cuộc chiến với Achilles, thì lí tưởng cao đẹp vì tập thể lại khiến chàng gạt bỏ ý nghĩ. Rõ ràng, Hector luôn ý thức về trách nhiệm của bản thân đối với gia đình, quê hương xứ sở. Dù cho người vợ hết lời khuyên ngăn, nhưng Hector vẫn giữ vững lí tưởng chiến đấu anh hùng của mình: "...vì ta đã quen bao giờ cũng chiến đấu anh

dũng ở hàng đầu quân Troian để gìn giữ danh tiếng lẫy lừng của phụ thân ta và của ta. Chính ta đây trong thâm tâm ta cũng biết một ngày kia, Illion thần thánh, Priam và thần dân của Priam phóng lao điêu luyện thế nào cũng sẽ bị tiêu diệt". Chàng lo lắng trước hết cho những con dân trong thành, sau đó tới nỗi lo giành cho gia đình, người thân: "Nhưng điều ta lo ngại nhất sau này không chỉ là nỗi khổ của người Troian, của ngay cả Hequyp, vua Priam và đàn em trai của ta, rồi đây sẽ anh dũng ngã xuống la liệt dưới mũi giáo của quân thù. Ta chỉ lo lắng nhất đến nỗi đau khổ của nàng khi nước mắt dầm dề..". Theo quan điểm của chúng tôi, thông qua nhân vật Hector, Hô-me-rơ đã thể hiện một quan niệm mới của bản thân về sự gắn bó giữa lợi ích cá nhân và lợi ích cộng đồng gần giống với quan niệm "Nước mất" thì "nhà tan" hiện nay. Và khi suy ngẫm về vấn đề này, chúng tôi lại cảm thấy sự đồng điệu giữa hai nghệ sĩ cách xa nhau hàng nghìn năm thời gian và hàng vạn dặm về khoảng cách địa lí. Nỗi lo- hay nói cách khác là sự gắn bó lợi ích cá nhân và lợi ích cộng đồng được thể hiện qua lời nói của Hector gần giống với những lời khích lệ, động viên mà Hưng Đạo Đại vương Trần Quốc Tuấn giành cho tì tướng dưới quyền: "Lúc bấy giờ chúa tôi nhà ta đều bị bắt, đau xót biết chừng nào! Chẳng những thái ấp của ta không còn mà bổng lộc các ngươi cũng mất; chẳng những gia quyến của ta bị tan mà vợ con các ngươi cũng khốn; chẳng những xã tắc tổ tông ta bị giày xéo mà phần mộ cha mẹ các ngươi cũng bị quật lên; chẳng những thân ta kiếp này chịu nhục đến trăm năm sau tiếng nhơ khôn rửa, tên xấu còn lưu, mà gia thanh các ngươi cũng không khỏi mang danh là tướng bại trận. Lúc bấy giờ, dẫu các ngươi muốn vui vẻ phỏng có được chăng?" (trích *Hịch tướng sĩ*) [5]

3.3.2. Người anh hùng – những nét riêng làm nổi bật tính toàn dân

Người anh hùng trong sử thi của Hô-me-rơ không chỉ nổi bật ở những điểm chung mà còn thu hút ở những nét riêng. Nhưng chính cái riêng tư, đời thường được nói đến ấy cũng chỉ đề nhấn mạnh thêm tính toàn dân tộc.

Tác giả Trần Duy Châu trong cuốn "Lịch sử văn học phương Tây" cho rằng: "Giữa cá nhân và xã hội không hề có mâu thuẫn đối kháng đã khiến cho các nhân vật của Hô-me-rơ vừa giữ được sự nguyên vẹn của hình dáng tập thể, mang một phẩm chất nào đó của tinh thần tập thể, đồng thời nhân vật lại có một diện mạo cá nhân rõ rệt" [6]. Rõ ràng, ngoài những phẩm chất mang tính cộng đồng, Hô-me-rơ đã phá bỏ khuôn mẫu tạo cho nhân vật của mình những chiếc áo tính cách riêng bằng những tính từ miêu tả tính cách của con người. Đó là Achilles thần thánh, Odyssey trí xảo, Hector trung thực,...

Trong luận văn cử nhân với đề tài "Sự thể hiện lý tưởng anh hùng và chủ nghĩa nhân đạo trong hai bản hùng ca Homer" [7], Nguyễn Thị Thu Trang nêu lên ba tính chất của sử thi là: tính tự sự, tính cộng đồng, tính kì vĩ. Trong đó, tác giả đã nêu ra quan điểm về tính cộng đồng như sau: "Sử thi chưa miêu tả rõ nét tính chất các nhân vật vì nó được đánh giá trên lập trường của cộng đồng.....". Chúng tôi cho rằng quan điểm trên hoàn toàn đúng khi ta nói về hình tượng các nhân

vật trong kho tàng sử thi phong phú, đa dạng của nhân loại nhưng khi đến với *I-li-át,* chúng ta dễ dàng nhận ra Hô-me-rơ đã bước đầu cấp cho những anh hùng đại diện cho toàn dân tộc các nét tính cách riêng. Và chính sự phá bỏ lối viết thông thường, ngoài sử dụng những hình dung từ, định ngữ, tác giả còn sử dụng những tính từ chỉ tính các khi miêu tả nhân vật đã làm cho những anh hùng trong sử thi Hô-me-rơ mang đậm tính toàn dân, tính cộng đồng hơn. Cùng là những người anh hùng lớn nhưng anh hùng trong sử thi Ấn Độ lại không mang tính cá thể như các anh hùng của Hô-me-rơ.

Một điều cần lưu ý thêm khi bàn về nhân vật anh hùng, đó là sự xuất hiện của tâm lí nhân vật. Tuy nhiên, thủ pháp miêu tả này mới chỉ bắt đầu manh nha trong sử thi của Hô-me-rơ. Cơn giận của Achilles diễn ra như sau: "Lời vừa dứt, lòng đau khôn xiết, công tử Peleus nổi giận đùng đùng. Dưới lồng ngực bùm xùm tim đập thình thịch vì suy nghĩ có nên rút kiếm sắc bên đùi nhảy xổ qua đám đông nhốn nháo đang nhỏm dậy đâm chết Agamemnon hay đè nén cơn giận, kìm hãm xúc động. Lòng dạ, đầu óc còn đang đắn đo, tướng quân vừa rút kiếm nửa chừng. Athena từ trên trời đi xuống,(...)". Và sau khi lắng nghe lời của thần linh, Achilles đã quyết định dừng hành động của mình lại. Điều này cho thấy Hô-me-rơ đã sử dụng thần linh để giải thích cho sự chuyển biến trong nội tâm nhân vật, đúng như tác giả Haphen Sagnae trong "Peuples et civilisations" từng khẳng định: "...thần thánh (trong tác phẩm của Hô-me-rơ) chỉ là phụ và chỉ có tác dụng làm nổi bật tâm lí của nhân vật".

Sức mạnh thể chất của vị anh hùng kiệt xuất của dân tộc Hy Lạp là Achilles hoàn toàn làm người đọc liên tưởng đến anh hùng Rama trong "Ramayana" của Ấn Độ. Cả hai đều mang trong mình sức mạnh và ý chí tự thân. Tuy nhiên, người anh hùng Ấn Độ thể hiện mình hoàn toàn qua hành động, ngôn ngữ, còn tâm lí người anh hùng Hy Lạp lại hiện lên dưới hình hài của thần linh. Mặt khác, trong sử thi Ấn Độ, mâu thuẫn xung đột giữa các anh hùng có sự phân biệt "thiện – ác" gắn với quan niệm về đạo đức, sử thi Hy Lạp không phân biệt chính – tà, mâu thuẫn hai phe là mâu thuẫn về vật chất.

Như vậy, anh hùng trong sử thi của Hô-me-rơ vừa là đại diện cho cả cộng đồng, vừa mang nét riêng, nhưng chính những nét riêng ấy lại càng làm nổi bật lên tính cộng đồng, tính toàn dân mà thiên sử thi phản ánh. Người anh hùng còn là hiện thân của vẻ đẹp lí tưởng mà người dân Hy Lạp mong muốn đạt tới và phản ánh tâm thức về giá trị con người.

3.4. Dung lượng đồ sộ - biểu hiện cho sự tầm vóc của cả thời đại.

I-li-át là thiên sử thi gồm 24 khúc ca với độ dài 15693 câu thơ – đây là một con số tương đối khổng lồ đối với một tác phẩm văn học, trong khi đó sử thi Đăm Săn của người Ê – đê chỉ dài 7 khúc, dung lượng ngắn hơn hẳn so với bộ sử thi của người Hy Lạp. Tuy nhiên, để làm toát lên được tính toàn dân tộc, chỉ dung lượng lớn thôi chưa đủ, mà nội dung của 24 khúc đó phải miêu

tả được thế giới toàn bộ các nhân vật, với những số phận, tâm tư, tính cách khác nhau, tái hiện sắc nét bức tranh toàn cảnh đời sống cộng đồng của thời đại lúc bấy giờ.

3.5. Ngôn ngữ trong *I-li-át* – yếu tố nghệ thuật làm toát lên đặc điểm thời đại Hô-me-rơ

3.5.1. Ngôn ngữ Hy Lạp

Trên sơ sở khoa học chính xác, ngôn ngữ của người Hy Lạp cổ đại phát hiện được qua tài liệu khảo cổ học và ngôn ngữ của nhân vật Hô-me-rơ trong trường ca *I-li-át* chính là một. Theo các học giả, ngôn ngữ Hy Lạp cổ đại này trong sáng ngọt ngào, một loại ngôn ngữ thích hợp với thi ca, văn học và đáp ứng một cách tuyệt vời giọng văn hùng biện, hoành tráng của sử thi. Như vậy, nếu xét dựa trên nguyên bản, đây là bộ sử thi được viết bằng tiếng Hy Lạp cổ đại, là đại diện cho tiếng nói của dân tộc của thời đại Hô-me-rơ.

3.5.2. Giọng điệu – tiêu chí biểu hiện thái độ của tác giả cũng như cộng đồng thời đại Hô-me-rơ

"Giọng điệu là thái độ, lập trường tư tưởng tình cảm của tác giả đối với hiện tượng được miêu tả trong lời văn, thể hiện qua cách gọi tên, xưng hô, dùng từ, sắc điệu tình cảm,…" [8] Nổi bật trên toàn bộ những trang sử thi là một giọng điệu hào hùng, ngợi ca khí thế của một không gian chiến trận đầy khói lửa, khí thế lập công tập thể trong cuộc chiến tranh giữa "bộ tộc chúng ta" chống lại "bộ tộc chúng nó". Từ đó, *I-li-át* trở thành một bài ca chiến trận, với thái độ ngợi ca phẩm chất tập thể vô song của các chiến binh thời cổ đại. Bên cạnh đó còn là một giọng điệu thương xót, cảm thông đối với những mất mát, đau thương mà con người phải trải qua của tác giả hay cũng chính là lời nói tự trong tâm tư của nhân dân các bộ tộc bộ lạc. Nó trở thành tiếng nói, thái độ, tâm tư của cả quần chúng, không chỉ là về ước mơ về người anh hùng lí tưởng như Achilles "như một đám cháy thần kì lồng lộn qua những thung lũng sâu của một ngọn núi khô…", mà còn đau đớn trước cảnh chết chóc của con người do chiến tranh gây ra mà thủ phạm chính là thần linh, là do số phận định đoạt. Phải chăng điều này cũng nói lên được tư duy của thời đại bấy giờ còn nguyên sơ, họ chưa xác định được bản chất nguyên nhân trực tiếp và nguyên nhân sâu xa dẫn đến chiến tranh, gây ra nỗi đau cho con người?

3.6. Hình thức diễn xướng – biểu hiện cho tinh thần tập thể, cộng đồng.

3.6.1. Hình thức diễn xướng

Sử thi là một trong những thể loại của văn học dân gian. Chính vì vậy người đọc không thể tiếp nhận sử thi bằng cách đọc mà nhất định phải là nghe kể, nghe hát thì mới có thể thưởng thức trọn vẹn được giá trị của thể loại này. Đối với *I-li-át* cũng vậy, với sự diễn xướng của một nhân vật quan trọng có vị trí như tộc trưởng, trưởng làng. Nhờ đó mà không gian tiếp nhận sử thi là không gian của cộng đồng.

3.6.2. Hình thức thưởng thức

Đối với sử thi *I-li-át* nói riêng và sử thi của nhân loại nói chung mọi người biết đến một thiên sử thi (đúng cách), bằng cách nghe những trưởng làng, tộc trưởng kể, hát. Điều này, có sự khác biệt rất lớn, không chỉ tạo ra không gian thưởng thức cộng đồng mà còn giúp chúng ta cảm nhận được những vẻ đẹp mà sử thi đem lại, trong khi hình thức đọc kém tác dụng hơn hẳn.

4. Tổng kết (kết thúc vấn đề)

Với 24 khúc ca, Hô-me-rơ đã khắc họa rõ nét tính toàn dân tộc – một trong những đặc trưng cơ bản nhất của thể loại sử thi, với bút pháp nghệ thuật sử thi độc đáo. Sử thi *I-li-át* khép lại nhưng màu sắc của thời đại Hô-me-rơ vẫn sáng rực cho đến mãi về sau. Từ đó ta thấy được tài năng vượt thời đại của ông và đặt ra một vấn đề, phải chăng bên cạnh việc tôn trọng quan điểm của cộng đồng, tác giả còn có sự vượt tầm tư tưởng toàn dân thể hiện quan điểm cá nhân, trong lúc tất cả thần dân lấy chiến tranh để làm thước đo giá trị người anh hùng thì Hô-me-rơ lại không cổ súy cho chiến tranh?

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Lê Huy Bắc, Nguyễn Linh Chi, Lê Nguyên Cẩn, *Giáo trình văn học phương Tây*, NXB Giáo dục Việt Nam, 2015.

2. Nguyễn Văn Khỏa, *Anh hùng ca Homer*, NXB Đại học và trung cấp chuyên nghiệp Hà Nội, 1978.

3. Trần Đình Sử, Lê Bá Hán, Nguyễn Khắc Phi (đồng chủ biên), *Từ điển thuật ngữ văn học*, NXB Giáo dục, 2007.

4. Nhiều tác giả, *Lịch sử văn học phương Tây*, NXB giáo dục, 1979.

5. Nhiều tác giả, *Ngữ văn 8*, tập 2, NXB giáo dục, 2014

6. Nhiều tác giả, *Văn học phương Tây*, NXB Giáo dục, 2001

7. *http://downloadsach.com/sach-kinh-dien/iliad.html* (tác phẩm sử thi Iliad tóm tắt và chi tiết)

[1] Dẫn theo *Từ điển thuật ngữ văn học*

[2] Dẫn theo các nhà lí luận Khai sáng thế kỉ XVIII

[3] Dẫn theo các nhà dân chủ cách mạng Nga thế kỉ XIX

[4] Dẫn theo Nguyễn Văn Khoa, Anh hùng ca Homer

[5] SGK lớp 8, tập 2, Nhà xuất bản giáo dục, 2014, trang 56

[6] Lịch sử văn học phương Tây, Nhiều tác giả, Nhà xuất bản Giáo dục, 1979, trang 39

[7] Nguồn https://nguvandhag.wordpress.com/2012/05/23/su-the-hien-ly-tuong-anh-hung-va-chu-nghia-nhan-dao-trong-hai-ban-hung-ca-homer/

[8] Dẫn theo Từ điển thuật ngữ văn học, trang 134

MIẾU BÀ CHÚA XỨ NÚI SAM: MỘT SỐ VẤN ĐỀ TRAO ĐỔI

- Vĩnh Thông -

1. Dẫn nhập

Miếu Bà Chúa Xứ núi Sam (thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang) là điểm hành hương nổi tiếng ở vùng đất phương Nam. Cùng với đó, lễ hội Vía Bà Chúa Xứ núi Sam hằng năm thu hút hàng triệu lượt khách và trở thành lễ hội lớn hàng đầu ở Nam Bộ. Người dân các nơi tìm về núi Sam không chỉ để cúng viếng, cầu mong những điều tốt đẹp cho gia đình và quê hương, mà còn tham quan ngoạn cảnh, đồng thời trải lòng mình với không gian tín ngưỡng dân gian mà người phương Nam xưa đã gửi gắm tinh thần vào buổi đầu trên vùng đất mới.

Qua hai thế kỷ từ khi ngôi miếu đơn sơ được dựng lên ở núi Sam, nơi đây vẫn gắn liền với bao điều huyền bí và hấp dẫn được lưu truyền khắp đồng bằng sông Cửu Long qua nhiều thế hệ. Có những câu hỏi đến nay vẫn chưa tìm ra lời giải đáp thỏa đáng. Bài viết dưới đây, chúng tôi xin trao đổi thêm về số phát hiện mới khá thú vị xoay quanh ngôi miếu đặc biệt này.

2. Nguồn gốc pho tượng cổ

Pho tượng Bà Chúa Xứ ở miếu Bà Chúa Xứ núi Sam được nhà khảo cổ người Pháp Louis Malleret (người đầu tiên nghiên cứu về bức tượng vào năm 1941) cho rằng được tạc khoảng cuối thế kỷ VI [Trịnh Bửu Hoài 2010: 13]. Tượng cao khoảng 1,8 mét làm bằng trầm tích thạch màu xanh đen, chất liệu tượng không phải là loại đá có ở địa phương và thậm chí cả Nam Bộ, điều đó nghĩa là bức tượng được mang từ nơi khác đến. Tượng tạc một người ngồi với tư thế khoan thai, dáng thấp, mập mạp, bụng lớn, ở trần, đóng khố, chân trái xếp vào người, chân phải gập đứng gối, tay phải đặt lên đầu gối, tay trái chống ra sau đùi. Nhìn chung, kỹ thuật chế tác còn thô sơ và thiếu tinh tế, điều này cho thấy bức tượng được tạc từ rất sớm, khi nghệ thuật điêu khắc phát triển chưa cao.

Pho tượng ban đầu vốn là tượng nam thần trong văn hóa Ấn Độ, nhiều ý kiến cho rằng đây là thần Vishnu, trong đó có nhà khảo cổ Pháp Louis Malleret [Trịnh Bửu Hoài 2010: 12]. Tuy nhiên, chúng tôi lại cho rằng vị thần đó là Shiva. Bằng chứng là hiện nay trên núi Sam còn bệ đá tương truyền là nơi đặt tượng ngày xưa. Bệ đá này hình vuông dẹp, ở giữa có lỗ vuông. Nếu để ý kỹ, ta sẽ nhận ra bệ đá chính là yoni và pho tượng là một dạng biến thể của linga. Dưới tượng có trục vuông, khi đặt tượng bên trên ăn khớp với lỗ vuông của bệ đá, chính là linga được đặt trên yoni. Mà theo tâm thức truyền thống, yoni tượng trưng cho thần Vishnu còn linga tượng trưng cho thần Shiva.

Đây là pho tượng nam thần, nhưng tại sao người Việt lại tôn thờ là nữ thần? Theo chúng tôi, phong cách mỹ thuật Ấn Độ thể hiện vị thần mang những chi tiết như mái tóc xoăn dợn sóng quấn thành búp, gương mặt thanh tú, sóng mũi cao, khuôn ngực đầy đặn… Những chi tiết đó kết hợp với "tâm thức Mẫu" sẵn có trong văn hóa Việt và các cư dân nông nghiệp lúa nước ở Đông Nam Á cổ, đã dễ khiến người Việt cho rằng đây là tượng nữ thần. Đến khoảng thập niên 1940, Ban Quý tế của miếu đã mướn thợ tô điểm khuôn mặt bức tượng cho thật giống người phụ

nữ phúc hậu, sơn màu da mặt hồng hào, kẻ mắt và gắn pha lê vào mắt sống động [Liêm Châu 2011: 6]. Phần mặt được chế tác sau có chất liệu khác với loại đá nguyên thủy của thân tượng.

3. Việc phát hiện pho tượng

Dân gian cho rằng, ngày xưa pho tượng nằm trên đỉnh núi Sam, được người địa phương phát hiện và khiêng xuống chân núi để lập miếu thờ vào khoảng thập niên 1820. Hiện nay, trên đỉnh núi vẫn còn bệ đá chân tượng, được tìm thấy vào năm 1980, như một bằng chứng cho câu chuyện mang tượng từ trên núi xuống. Tuy nhiên, làm sao có thể đem tượng đá nặng hàng tấn từ đỉnh núi xuống đồng bằng trong bối cảnh núi rừng hiểm trở mấy thế kỷ trước? Thậm chí, pho tượng liệu có thật sự được mang từ trên núi xuống hay không? Điều đó vẫn còn là bí ẩn.

Theo truyền thuyết, khi người dân tìm thấy pho tượng thì không thể nào khiêng lên được. Lúc đó có một vị thần nhập đồng vào một cô gái, xưng là Bà Chúa Xứ, dạy rằng phải có chín cô gái đồng trinh mới có thể khiêng tượng xuống (có dị bản kể là bốn mươi thanh niên lực lưỡng). Dân làng làm đúng lời dạy, pho tượng trở nên nhẹ hẳn, khiêng xuống núi dễ dàng. Đến vị trí ngôi miếu hiện nay, tượng bỗng dưng nặng trịch không thể di chuyển, người dân cho rằng ý Bà muốn ngự nơi đây nên lập miếu thờ.

Tạm gác giả thuyết chín cô gái, chúng ta thử đi theo giả thuyết bốn mươi thanh niên. Dù tượng nặng hàng tấn nhưng với số lượng ngần ấy người thì việc di chuyển là điều không khó. Song, vấn đề cần lưu ý là vào thời điểm đó cây rừng rậm rạp, địa hình núi lồi lõm, đất đá nhấp nhô, chỗ cao chỗ thấp khác nhau… Làm sao có thể di chuyển một tượng đá với kích thước quá lớn như thế? Chỉ vấn đề rừng cây cũng là câu hỏi nan giải: núi ngày xưa không trống trải mà được bao phủ bởi rừng rậm, cây mọc um tùm đan cài vào nhau, làm sao bức tượng khổng lồ có thể len lỏi qua những khoảng trống nhỏ giữa các thân cây?

Thậm chí, chi tiết phát hiện bệ đá chân tượng tượng vào năm 1980 cũng khiến chúng ta đặt ra nghi vấn. Tại sao khi khiêng pho tượng xuống núi, người dân không mang theo cả bệ tượng, mà "bỏ quên" lại để đến gần hai thế kỷ sau mới "phát hiện" ra? Qua khảo sát thực tế, vị trí hiện nay đang đặt bệ tượng là một chỏm cao trên đỉnh núi Sam. Chỏm cao ấy là một gò đất tương đối bằng phẳng, hay là một cụm đá nhấp nhô? Bởi, nơi đặt bệ đá tương truyền là nơi đặt pho tượng khi xưa, như thế nơi đó phải có địa hình tương đối bằng phẳng, chứ pho tượng không thể nào đứng vững trên một cụm đá nhấp nhô. Tuy nhiên, đáng tiếc là chúng ta không thể khảo sát sâu hơn, vì phần thân của chỏm cao ấy đã bị đắp kín lại bằng xi măng!

Chúng tôi mạnh dạn nêu lên một giả thuyết e có phần táo bạo: Có thể bức tượng không phải được mang từ núi Sam xuống mà được mang từ nơi khác đến và đặt ở chính vị trí ngôi miếu hiện nay, về sau người ta mới mang bệ tượng đặt trên đỉnh núi Sam để hợp thức hóa truyền thuyết? Chúng ta nên lưu ý, mặc dù tượng có niên đại xa xưa, nhưng đến thập niên 1820 mới xuất hiện ở núi Sam. Giai đoạn này, Thoại Ngọc Hầu đang làm Trấn thủ Vĩnh Thanh, đóng tại

đồn Châu Đốc. Chỉ có ông với lực lượng của mình mới đủ khả năng mang bức tượng từ nơi khác đến, cũng chỉ có ông với quyền hành của mình mới đủ khả năng "huyền thoại hóa" pho tượng.

Nếu thật sự pho tượng không phải được mang từ núi Sam xuống thì được phát hiện ở đâu và nếu có di chuyển thì bằng phương thức nào? Đây là vấn đề phức tạp, chúng tôi chưa dám khẳng định, chỉ xin nêu ra như một gợi mở, hy vọng câu hỏi đó sẽ sớm được làm sáng tỏ.

4. Ngôi miếu đa văn hóa

Trong quá trình các tộc người sinh sống gần gũi nhau trên một không gian cư trú sẽ dẫn đến tiếp xúc, giao lưu và tiếp biến văn hóa lẫn nhau. Thuật ngữ tiếp biến văn hóa được đưa ra định nghĩa đầu tiên vào năm 1936 là: "Những hiện tượng xảy ra khi các cộng đồng có văn hóa khác nhau tiếp xúc trực tiếp liên tục, dẫn đến những biến đổi trong các mô thức văn hóa ban đầu của một hoặc cả hai nhóm" [Robert Redfield & Ralph Linton & Melville J. Herskovits 1936: 149]. Đây là quá trình lan truyền và biến đổi văn hóa của các đơn nguyên, thông qua đó mỗi truyền thống văn hóa được vận động, phát triển và trở nên đa dạng hơn.

Đi khai phá miền châu thổ, người Việt không chỉ mang theo kho tàng văn hóa hàng ngàn năm từ cố quán, mà còn tiếp thu những nét đẹp văn hóa từ các tộc người phương Nam. Dù thường được xem là vùng đất trẻ, nhưng Nam Bộ đã có tốc độ giao lưu tiếp biến văn hóa nhanh chóng và làm biến đổi sâu sắc văn hóa các tộc người. "Hệ quả là hầu như không có hiện tượng văn hóa nào ở nơi đây còn thuần chất nữa mà luôn có bóng dáng của những nền văn hóa khác, đã hội tụ nơi đây trong bốn thế kỷ qua" [Lý Tùng Hiếu 2015: 62]. Không bỏ đi hoàn toàn văn hóa của mình cũng không tiếp nhận hoàn toàn văn hóa của bạn, họ đã xử lý một cách bản lãnh và dung hòa, từ đó tạo nên một vùng văn hóa riêng biệt, không phải là "bản sao" của đất tổ, lại thấp thoáng những nét chấm phá từ văn hóa Chăm, Khmer và Hoa.

Miếu Bà Chúa Xứ núi Sam là một bức tranh văn hóa sinh động với nhiều gam màu, bởi nơi đây đã tập hợp một hệ thống đa dạng nhiều yếu tố văn hóa. Chúng ta hãy thử quan sát.

Về diện mạo pho tượng, bắt nguồn từ Ấn giáo, người Việt đã thực hiện một động thái kết hợp tín ngưỡng Mẫu của mình thông qua việc điểm xuyết khuôn mặt phái nữ cho tượng đá. Song, mặc dù cũng là dạng thức thờ cúng Thánh Mẫu của người Việt, nhưng cách người dân tô điểm cho diện mạo và trang phục của Bà Chúa Xứ lại khác rất xa so với Mẫu Tam phủ - Tứ phủ ở miền Bắc. Bà mặc áo thêu rồng phượng lộng lẫy, đầu đội mão kim sa, kiểu cách này dễ khiến ta liên tưởng đến hình ảnh Thiên Hậu trong tín ngưỡng của người Hoa.

Về danh xưng vị thần, Bà Chúa Xứ vốn bắt nguồn từ Po Inư Nưgar (mẹ xứ sở) trong văn hóa Chăm mà người Việt tiếp nhận và biến đổi thành Thiên Y A Na qua lớp áo truyền thuyết do mình dựng lên. Vào Nam, vị thần này lại biến thành Bà Chúa Xứ (Chúa Xứ Thánh Mẫu) được thờ nhiều nơi ở miền Nam chứ không riêng gì núi Sam, mỗi làng hoặc miệt có thể có Bà Chúa Xứ riêng. Po Inư Nưgar của người Chăm tiếp biến vào văn hóa Việt không chỉ dưới danh xưng

Thiên Y A Na hay Bà Chúa Xứ, mà còn nhiều biến thể khác như Bà Chúa Tiên, Bà Chúa Ngọc, Thượng Động Cố Hỷ…

Về kiến trúc ngôi miếu, ngoại thất mang tính thẩm mỹ cao với tổng thể là khối tháp hình chữ "quốc". Nóc là cổ lầu nhiều cấp mô phỏng hình ảnh hoa sen nở, mái lợp ngói đại ống tráng men xanh ngọc. Chánh điện cao rộng, thoáng sáng, trang trí hài hòa, đa dạng về phong cách nghệ thuật. "Bên cạnh những hoa văn cây, lá, chim, thú dân dã quen thuộc của Nam Bộ, nghệ thuật chạm khắc gỗ trong chánh điện miếu Bà còn thể hiện sắc sảo mô típ tứ linh, bát tiên… và đặc biệt có cả màu sắc nghệ thuật Ấn - Hồi pha lẫn Chăm và Khmer, đó là hình ảnh những vị thần khỏe mạnh giang tay chống đỡ những đầu kèo bê tông nối vào tường…" [Huỳnh Quốc Thắng 2003: 119-120].

Về cách bày trí thờ tự, sự tích hợp đa văn hóa cũng được thể hiện rõ nét. Trung tâm ngôi miếu là bàn thờ Bà Chúa Xứ, hai bên có bàn thờ Cô và Cậu biểu trưng yoni và linga trong Ấn giáo. Trước bàn thờ Bàn Chúa Xứ bà bàn thờ Hội Đồng, cặp theo hai bên vách là bàn thờ Tiền Hiền và Hậu Hiền - ba đối tượng thờ tự này được lấy theo mô hình đình làng người Việt ở Nam Bộ. Ngoài sân lại có miễu thờ Neak Tà là vị thần bảo hộ dân cư trong tín ngưỡng của người Khmer.

Về nghi lễ, hằng năm lễ hội Vía Bà Chúa Xứ núi Sam theo nghi thức truyền thống diễn ra từ ngày 23 đến 27 tháng 4 âm lịch, vẫn thể hiện sự hỗn dung văn hóa rõ rệt. Là tín ngưỡng Mẫu, nhưng nghi lễ ở miếu Bà núi Sam không giống nghi lễ các Mẫu ở Bắc Bộ hay Trung Bộ, cũng không giống nghi lễ cúng Thiên Hậu của người Hoa, mà mô phỏng gần như hoàn toàn nghi lễ của đình làng ở Nam Bộ (với trình tự các nghi thức gồm Thỉnh sắc, Túc yết, Xây chầu, Đại bội, Chánh tế, Hồi sắc…).

Song, trong văn tế ở lễ Vía Bà đã đề cập đến rất nhiều Mẫu và nữ thần từ các tộc người như Chúa Ngung Man Nương, Thạch Trụ Cô Nương, Nặc Tà - Á Rặc, Thiên Hậu Thánh Mẫu, Khổng Tử, Thất Vị Thánh Mẫu, Tứ Vị Thánh Nương, Nhị Vị Công Tử… kèm theo lời thỉnh mời tất cả các vị ấy "đồng lai phối hưởng" [Huỳnh Quốc Thắng 2003: 127]. Đặc biệt, khởi đầu cho lễ Vía Bà là nghi thức Mộc dục (tắm tượng) liệu có liên quan đến nghi thức tắm linga với các loại nước quý trong nghi lễ của người Chăm ở miền Trung?

Qua những gì đã phân tích, từ diện mạo pho tượng, danh xưng vị thần, đến kiến trúc ngôi miếu, bày trí thờ tự và cuối cùng là nghi lễ - có thể thấy những yếu tố văn hóa của cả Ấn giáo lẫn tín ngưỡng dân gian của người Việt, Chăm, Khmer, Hoa… tập trung trong một ngôi miếu. Hiếm có ngôi miếu nào có sự dung hợp văn hóa một cách mạnh mẽ và phức tạp như thế - một ngôi miếu "đa văn hóa"!

5. Thay lời kết

Di dân người Việt buổi đầu khai phá phương Nam đã chủ động dung hợp văn hóa trong tín ngưỡng dân gian, bởi điều đó phần nào tạo thêm niềm tin cho đời sống của họ, nhứt là trong khung cảnh Nam Bộ thời điểm đó. Trước vùng đất dữ, họ đã ứng xử khéo léo đúng như ông bà xưa từng dạy "có thờ có thiêng, có kiêng có lành". Dẫu những vị thần của các tộc người lân cận có thể người Việt chưa rõ lai lịch, nhưng họ vẫn tiếp nhận với ước mong "bách thần" gia hộ bình an trên bước đường "khai hoang trảm thảo". Điều đó thể hiện bản lãnh văn hóa linh hoạt của một cộng đồng dân cư trong ứng xử với môi trường tự nhiên và xã hội một cách hài hòa nhứt có thể.

Đến ngày nay, phải chăng nhờ sự giao thoa văn hóa mà ngôi miếu và lễ hội Bà Chúa Xứ núi Sam đã thu hút nhiều người đến từ các cộng đồng khác nhau? Bởi lẽ, "thần thánh của dân tộc khác vẫn là tiêu biểu cho việc khuyến thiện trừng ác […]. Đã đồng hóa, đã tôn kính rồi thì người bản địa và người mới đến chẳng ai mang mặc cảm tự ti hoặc tự tôn. Tất cả đều bình đẳng trước thần thánh" [Sơn Nam 1991: 35]. Người Việt ở Nam Bộ đã thắt một sợi dây hữu nghị kết nối các nền văn hóa cùng gặp nhau tại một ngôi miếu chốn biên thùy. Bước vào miếu, dù họ thuộc cộng đồng nào vẫn sẽ tìm thấy một phần trong đời sống tâm linh của mình.

VĨNH THÔNG

(Bài đăng trên Tạp chí Nghiên cứu Văn hóa Việt Nam, số 2 (188), 2020 & in trong sách Dấu ấn thượng châu thổ, Nxb Tổng hợp TP.HCM, 2021)

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Huỳnh Quốc Thắng (2003), Lễ hội dân gian của người Việt ở Nam Bộ, Viện Văn hóa & Nxb Văn hóa Thông tin.

2. Liêm Châu (2011), Kỳ tích núi Sam, Tập 1, tái bản, Nxb Văn hóa Văn nghệ.

3. Lý Tùng Hiếu (2015), "Môi trường văn hóa và diện mạo mới của văn hóa Nam Bộ", Tạp chí Phát triển Khoa học và Công nghệ, tập 18, số X4-2015.

4. Sơn Nam (1991), "Đình miễu và văn hóa dân tộc", Tạp chí Văn hóa và đời sống, số 11.

5. Robert Redfield, Ralph Linton, Melville J. Herskovits (1936), "Memorandum for the Study of Acculturation", American Anthropologist, 38 (1).

6. Trịnh Bửu Hoài (2010), Lịch sử xây dựng và phát triển miếu Bà Chúa Xứ núi Sam, tái bản, Nxb Phương Đông.

4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Củng cố kiến thức

b. Nội dung: HS tóm tắt lại bài viết

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS theo yêu cầu của GV.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập:

GV yêu cầu HS tóm tắt lại bài viết (khoảng 120 chữ), từ đó tự rút ra kinh nghiệm về việc viết báo cáo nghiên cứu một vấn đề

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:

HS suy nghĩ và hoàn thành nhiệm vụ được yêu cầu

Bước 3: Báo cáo, thảo luận:

- GV gọi 1 số HS chia sẻ câu trả lời của mình.
- GV quan sát, động viên.

Bước 4: Kết luận, nhận định.

Hướng dẫn học ở nhà:

- Vẽ sơ đồ tư duy về các đơn vị kiến thức của bài học.
- Hoàn thiện lại bài viết theo phiếu chỉnh sửa.
- Sưu tầm một số bài báo cáo nghiên cứu khoa học để học tập cách viết theo quy trình và cách diễn đạt.
- **Chuẩn bị bài Nói và Nghe:** Trình bày báo cáo kết quả nghiên cứu về một vấn đề.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Sách giáo khoa Ngữ văn 10 *Kết nối tri thức với cuộc sống*, tập 1
- Nội dung công văn 5512/BGD-ĐT.
- Nội dung modul 1, 2, 3 được tập huấn.
- Một số tài liệu, hình ảnh trên mạng internet.

RÚT KINH NGHIỆM

.....

.....

.....

NÓI VÀ NGHE

Tiết 43

TRÌNH BÀY BÁO CÁO KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VỀ MỘT VẤN ĐỀ





I. MỤC TIÊU

1. Năng lực

a. Năng lực chung:

-Tự chủ và tự học: Tự quyết định cách giải quyết vấn đề học tập, tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, giải quyết vấn đề học tập của bản thân và các bạn**.**

- Giao tiếp và hợp tác: Tăng cường khả năng trình bày, diễn đạt ý kiến, ý tưởng trước lớp, tổ nhóm học tập, tương tác tích cực với các bạn trong tổ nhóm, khi thực hiện nhiệm vụ hợp tác.

- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Chủ động đề ra kế hoạch học tập, thực hiện nhiệm vụ học tập cá nhân và nhóm học tập, xử lí linh hoạt sáng tạo các tình huống phát sinh khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

b. Năng lực cốt lõi: Nói và nghe

Nói

- HS hiểu được ý nghĩa của việc báo cáo kết quả nghiên cứu dưới hình thức thuyết trình một hoạt động tiếp nối việc viết báo cáo nghiên cứu đã thực hiện trước đó.
- HS nắm vững cách thuyết trình về kết quả nghiên cứu đã đạt được để có thể khơi dậy sự chia sẻ tích cực ở người nghe.
- Trong việc trình bày báo cáo kết quả nghiên cứu, người nói cần đưa tới cho người nghe những thông tin khái quát, trung thực về nội dung công việc đã hoàn thành ở phần Viết.

Nghe

- Nghe và nắm bắt được nội dung truyết trình, quan điểm của người nói. Biết nhận xét về nội dung và hình thức thuyết trình.
- Dựa vào các tiêu chí đánh giá đã xây dựng để nêu câu hỏi hay bổ sung ý kiến về những nội dung cụ thể của báo cáo; nêu cách nhìn nhận và đánh giá khác (nếu có) về vấn đề được báo cáo đề cập. Cần góp ý kĩ về cách trình bày kết quả nghiên cứu của người nói.

Nói nghe tương tác

- Biết thảo luận báo cáo nghiên cứu về một vấn đề; biết chia sẻ, đóng góp ý kiến để hoàn thiện những báo cáo nghiên cứu

- Tự tin thể hiện bản thân.

- Biết lắng nghe, tôn trọng người đối thoại.

* Tích hợp năng lực số:
1.2.NC1a:HS kiểm chứng và đánh giá tính học thuật, độ tin cậy của các nguồn số (bài báo, nghiên cứu, sách điện tử) và xây dựng bài nghiên cứu thuyết trình.
2.1.NC1b:HS trình bày quan điểm một cách hiệu quả bằng cách sử dụng các công cụ/phương tiện công nghệ số (ví dụ: PowerPoint, Canva).
4.4.NC1a:HS giao tiếp và ứng xử có văn hóa, tôn trọng và có trách nhiệm khi sử dụng các công cụ số để trình bày và đối thoại.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị: Máy chiếu, máy tính,...

2. Học liệu: SGK, kế hoạch bài dạy, sách tham khảo, clip, bảng kiểm, phiếu học tập,…

III. TIẾN TRÌNH DẠY – HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Kết nối – tạo hứng thú cho học sinh, chuẩn bị tâm thế tiếp cận kiến thức về kiểu bài, kết nối kiến thức trong cuộc sống vào nội dung của bài học.

b. Nội dung hoạt động: HS trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm: Câu trả lời đúng của HS, cảm nhận ban đầu về vấn đề đặt ra trong tiết học.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập

HS xem clip: (00:00 – 00:43)

https://www.youtube.com/watch?v=AY3gKjgxxqI&t=53s

HS thảo luận, trao đổi trả lời một số câu hỏi:

Phiếu trả lời nhanh

1. Đoạn clip nói về biến cố nào nơi Hi Lạp cổ đại?	
2. Nguyên nhân gây ra biến cố đó?	
3. Em có tin vào nguyên nhân đó không?	
4. Em lí giải vì sao tin hoặc không tin?	

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:

- HS suy nghĩ để trả lời câu hỏi.

- GV động viên, khuyến khích.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận:

- GV trình chiếu một số phiếu trả lời nhanh của HS

- HS khác quan sát, nhận xét, bổ sung ý kiến.

Bước 4: Kết luận, nhận định:

Dự kiến:

Phiếu trả lời nhanh

1. **Đoạn clip nói về biến cố nào nơi Hi Lạp cổ đại?**	Sự sụp đổ của thành Troy
2. **Nguyên nhân gây ra biến cố đó?**	Do một quả táo
3. **Em có tin vào nguyên nhân đó không?**	HS thể hiện quan điểm cá nhân
4. **Em lí giải vì sao tin hoặc không tin?**	HS trình bày hiểu biết cá nhân

➔**GV dẫn dắt vào nội dung tiết học**: Theo một khảo sát của Đại học Chapman, California thực hiện năm 2018, rất nhiều người Mỹ tin vào các hiện tượng siêu nhiên dị thường (paranormal). Trong đó, có đến 57% số người được hỏi tin vào sự tồn tại của các nền văn minh tiên tiến giống với Atlantis trong quá khứ, 41% đồng ý với quan điểm người ngoài hành tinh đã từng ghé thăm Trái Đất và 35% còn cho rằng họ sẽ quay lại hành tinh của chúng ta trong tương lai, hơn 20% tin rằng Bigfoot là một sinh vật có thật. Thế nên không ngoại trừ việc ta có thể tin rằng: một quả táo làm sụp đổ thành Troy? Chuyện này có thật hay không? Trong sự bán tín bán nghi việc đi sâu tìm hiểu nghiên cứu chính là một giải pháp cho ta…

2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 2.1: Tìm hiểu các yêu cầu của bài trình bày báo cáo kết quả nghiên cứu về một vấn đề

a. Mục tiêu: HS hiểu được các yêu cầu của bài trình bày báo cáo kết quả nghiên cứu về một vấn đề

b. Nội dung: HS hoạt động thảo luận cặp/nhóm

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

HĐ của GV và HS	**Dự kiến sản phẩm**
HOẠT ĐỘNG CẶP ĐÔI CHIA SẺ: **Bước 1: GV giao nhiệm vụ:** Để thảo luận về một bài trình bày báo cáo kết quả nghiên cứu về một vấn đề, các em cần thực hiện những yêu cầu gì? **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ:** + Tổ chức chia sẻ cặp đôi về những yêu cầu của bài trình bày báo cáo kết quả nghiên cứu về một vấn đề	**I. Tìm hiểu các yêu cầu của bài trình bày báo cáo kết quả nghiên cứu về một vấn đề** **Yêu cầu:** - Giới thiệu được vấn đề nghiên cứu và lí do chọn vấn đề đó. - Trình bày khái quát những kết quả nghiên cứu chính ở phần trọng tâm của bài nói. - Nêu thu hoạch bổ ích của bản thân khi tiến hành nghiên cứu về đề tài ở phần cuối bài nói.

+ GV quan sát, khuyến khích **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** + Đại diện một số cặp đôi phát biểu. + Các HS còn lại lắng nghe, nhận xét, bổ sung nếu cần. **Bước 4: Đánh giá, chuẩn kiến thức**	

Hoạt động 2.2: Thực hành nói và nghe

a. Mục tiêu: HS thực hành kĩ năng nói và nghe: **trình bày báo cáo kết quả nghiên cứu về một vấn đề**

b. Nội dung:

- HS xác định được các bước trình bày báo cáo kết quả nghiên cứu về một vấn đề
- Biết lắng nghe phần thuyết trình của bạn khác.

c. Sản phẩm: Sản phẩm bài nói, dự kiến bài trình bày bằng ngôn ngữ nói, giọng điệu của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

***GV hướng dẫn HS tìm hiểu các bước của bài thực hành nói và nghe: trình bày báo cáo kết quả nghiên cứu về một vấn đề**

TRƯỚC KHI NÓI	
a. Mục tiêu: HS nắm được quy trình của bài nói và nghe, có kĩ năng, tự tin trình bày sản phẩm trước tập thể lớp. **b. Nội dung:** HS tìm hiểu phần chuẩn bị nói và chuẩn bị nghe. **c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS **d. Tổ chức thực hiện:**	
Trước khi vào thực hành, GV lưu ý HS: - Xác định các điều kiện nói và nghe - Đề tài nói cần được thống nhất trong cả lớp trước khi tiết học diễn ra hoặc ngay đầu tiết học. - Nếu tiếp tục triển khai một vấn đề của phần Viết trong bài học này, cần có	**II. Thực hành nói và nghe** **Bước 1. Chuẩn bị** **1. Chuẩn bị nói:** **a. Xác định các điều kiện nói và nghe:** - Người nghe: cô (thầy) giáo và các bạn trong lớp. - Không gian: lớp học - Thời gian: khoảng 5-10 phút - Hình thức thuyết trình: lời nói kết hợp với trình chiếu slide, kết hợp hình ảnh, sơ đồ, bảng biểu thống kê,.. (nếu có) để bài nói thêm sinh động và hấp dẫn hơn. - Xác định giọng kể, ngữ điệu, điệu bộ, nét mặt,… cho phù hợp với nội dung thuyết trình.

những điều chỉnh cần thiết về diễn đạt. - Để cuộc thảo luận đạt chất lượng tốt, có được nhiều ý kiến hay, nên chọn những đề tài nào gợi ra từ vấn đề văn học hoặc đề tài về đời sống? ***Thao tác 1: Chuẩn bị** GV dành khoảng 5 phút cho HS (từng cá nhân hoặc cả nhóm) duyệt lại phần chuẩn bị của mình cho hoạt động nói và nghe theo hướng dẫn trong SGK (xem lại đề cương bài nói, mẫu phiếu đánh giá, kiểm tra các phương tiện hỗ trợ). Cần thông báo trước danh sách những HS sẽ trình bày bài nói để việc chuẩn bị nghe của những HS còn lại được tiến hành chủ động hơn (danh sách có thể do GV ấn định, cũng có thể được lập dựa trên sự đăng kí của HS). GV thông qua trước lớp những quy định về thời gian trình bày cùng cách tiến hành trao đổi, thảo luận. ***Tích hợp phát triển năng lực số:** *1.2.NC1a. Kiểm chứng và đánh giá tính học thuật, độ*	- Chuẩn bị nội dung trình bày: + Xem lại dàn ý và bài viết đã hoàn thành ở phần Viết. Chỉnh sửa bài viết thành văn bản phù hợp để nói trong buổi học. **b. Lựa chọn vấn đề:** *** Gợi ý một số đề tài nghiên cứu:** **Đề tài gợi ra từ vấn đề văn học:** 1. Tìm hiểu về dấu ấn sử thi trong một tác phẩm văn học, 2. Nghệ thuật hiện đại như bộ phim *Cuộc chiến thành Tơ-roa* của đạo diễn Huơ-gang Pi-tơ-sen, 3. *Sự sụp đổ của thành Tơ-roa* của hoạ sĩ người Mỹ Rô-me Bia-đen, 4. So sánh hình tượng khỉ thần Ha-nu-man trong sử thi *Ra-ma-ya-na* với nhân vật Tôn Ngộ Không trong *Tây du kí* của Ngô Thừa Ân,… 5. Phân tích không khí sử thi trong các bộ phim nổi tiếng của điện ảnh đương đại như *Chúa tể của những chiếc nhẫn* (The Lord of the Rings), *Chiến tranh giữa các vì sao* (Star Wars), Avatar,… 6. Tính toàn dân tộc trong sử thi I-li-át của Hô-me-rơ 7. Bước đầu tìm hiểu đặc trưng ngôn ngữ Thơ mới 8. Đặc điểm thơ haiku Nhật Bản **Đề tài về đời sống:** 1. Miếu Bà Chúa Xứ núi Sam 2. Một số vấn đề trao đổi: Công đức Thánh Trần 3. Sự khác biệt giữa quần thể kiến trúc Đền Trần Nam Định và Kiếp Bạc - Hải Dương **c. Tìm ý và sắp xếp ý:** - Xem lại hệ thống luận điểm ở bài viết, lựa chọn những ý quan trọng nhất, thể hiện rõ nét quan điểm và phát hiện của bản thân cần được trình bày trong bài nói - Để ý kiến tham gia thảo luận thực sự có nội dung, cần chú ý trả lời các câu hỏi theo trình tự: Vấn đề chúng ta bàn có ý nghĩa như thế nào? Chúng ta đã có ý kiến khác nhau ra sao? Điều này có nguyên nhân từ đâu? Ý kiến của tôi là gì và tôi đã dựa vào cơ sở nào để nêu ý kiến đó? Chúng ta nên thống nhất với nhau trên những điểm nào? **d. Xác định từ ngữ then chốt** Với những cuộc thảo luận thuộc loại này, từ ngữ thường được dùng là: quan điểm (quan điểm của tôi là,…), góc độ (tôi nhìn nhận vấn đề theo một góc độ khác với bạn,…), khía cạnh (còn một khía cạnh khác cần phải chú ý là,…), theo tôi, tôi cho rằng,… **2. Chuẩn bị nghe:**

tin cậy của các nguồn số (bài báo, nghiên cứu, sách điện tử) và xây dựng bài nghiên cứu thuyết trình.
2.1.NC1b. Trình bày quan điểm một cách hiệu quả bằng cách sử dụng các công cụ/phương tiện công nghệ số (ví dụ: PowerPoint, Canva).
4.4.NC1a. Giao tiếp và ứng xử có văn hóa, tôn trọng và có trách nhiệm khi sử dụng các công cụ số để trình bày và đối thoại.

- Tìm hiểu trước về vấn đề thảo luận để có cơ sở nắm bắt đúng ý những người nói và đánh giá được chuẩn xác các ý kiến tham gia thảo luận. Những điều cụ thể cần tìm hiểu trước: Vấn đề gì sẽ được thảo luận trong tiết học? Vấn đề đó lâu nay đã được bàn đến như thế nào? Có khía cạnh gì cần được trao đổi lại và khơi sâu thêm?
- Phác thảo trước trong sổ tay hay vở ghi chép những nội dung cần ghi lại khi theo dõi cuộc thảo luận
- Chuẩn bị tâm thế lắng nghe và xác định các vấn đề chủ yếu cần đối thoại với người nói: những từ ngữ, hình ảnh nên được chú ý phân tích, cách sử dụng thao tác phân tích,…

3. Yêu cầu khi nói và nghe:

Chuẩn bị nói:	**Chuẩn bị nghe**
Trong việc trình bày báo cáo kết quả nghiên cứu, người nói cần đưa tới cho người nghe những thông tin khái quát, trung thực về nội dung công việc đã hoàn thành ở phần Viết bằng cách thực hiện các thao tác:	Tìm hiểu trước về tên của báo cáo kết quả nghiên cứu sẽ được trình bày để có định hướng nghe phù hợp.
	Phác ra những câu hỏi ban đầu về vấn đề để dễ theo dõi nội dung của bài trình bày. (Chẳng hạn, nếu báo cáo được nghe có tên là: Một số dấu ấn của sử thi Ấn Độ "Ra-ma-ya-na" trong văn hoá Việt Nam)

Tóm tắt báo	Gạch chân	Xác định đúng	Chuẩn bị PowerPoint	Bằng cách	Ảnh hưởng

Chuẩn bị nói

Bước 1: GV giao nhiệm vụ:

? Trước khi nói, hãy trả lời các câu hỏi sau:

- Vấn đề trọng tâm của bài nói là gì?
- Người nghe là ai?
- Em chọn không gian nào để thực hiện bài nói?
- Em dự định trình bày trong bao nhiêu phút?
- Em dự định lựa chọn hình thức thuyết trình nào?
- Nếu bài nói là sản phẩm của nhóm thì các thành viên thảo luận để thống nhất về nội dung trình bày; có thể phân chia nội dung bài nói (nhiều người cùng tham gia).
- Ngoài lựa chọn đề tài nói, em còn cần chuẩn bị

những gì để bài nói tốt nhất?

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ:

- HS trả lời cá nhân theo nhiệm vụ.

Bước 3: HS báo cáo kết quả và thảo luận:

- GV gọi HS trả lời câu hỏi về vấn đề HS chuẩn bị thuyết trình.
- HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung.

Bước 4: GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ:

GV nhận xét, chuẩn kiến thức, kĩ năng.

Chuẩn bị nghe

Bước 1: GV giao nhiệm vụ:

Trước khi nghe, em cần chuẩn bị những gì?

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ:

- HS trả lời cá nhân

Bước 3: HS báo cáo kết quả và thảo luận:

- GV gọi HS trả lời câu hỏi về vấn đề HS chuẩn bị nghe.
- HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung.

Bước 4: GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ:

cáo kết quả nghiên cứu đã viết (trong khoảng 1 — 1,5 trang giấy).	những luận điểm hoặc thông tin chính của bài viết. Ghi chú về các ngữ liệu minh hoạ quan trọng cần được nêu lên khi thuyết minh về từng luận điểm.	những từ ngữ then chốt gắn với từng luận điểm để dễ nhớ và dễ triển khai luận điểm, đảm bảo cho bài nói có trọng tâm, không sa vào lối kể chuyện, bình tán dông dài	(nếu có): PowerPoint cần được soạn với các thông tin chắt lọc, hình ảnh, video minh hoạ sinh động, thể hiện nét đặc trưng của báo cáo kết quả nghiên cứu về một vấn đề sân khấu dân gian.	nào mà sử thi "Ra-ma-ya-na" có thể lưu truyền tới Việt Nam?	của sử thi "Ra-ma-ya-na" đối với Việt Nam thể hiện ở những điểm nào?...
					Thể hiện được một tâm thế nghe tích cực

Bước 2. Lập đề cương bài trình bày báo cáo kết quả nghiên cứu về một vấn đề

Lưu ý: HS xem lại ở phần Viết và bổ sung, chỉnh sửa dàn ý theo bảng gợi ý cho phù hợp với bài thuyết trình.

Đề tài tham khảo 1: Bước đầu tìm hiểu đặc trưng ngôn ngữ Thơ mới

Bảng lập đề cương chi tiết:

Đặt vấn đề	Nêu rõ đề tài và vấn đề nghiên cứu.			Tìm hiểu đặc trưng ngôn ngữ Thơ mới
Giải quyết	Trình bày các kết quả nghiên cứu	**Luận điểm 1**	**Lí lẽ**	…
			Dẫn chứng	…
		Luận điểm 2	**Lí lẽ**	…

GV nhận xét, chuẩn kiến thức, kĩ năng.

***Thao tác 2: Lập đề cương chi tiết cho bài trình bày báo cáo kết quả nghiên cứu về một vấn đề**

GV minh họa bằng 2 đề tài tham khảo

Bước 1: GV giao nhiệm vụ:

Lập đề cương chi tiết cho đề tài nghiên cứu em đã chọn bằng cách điền vào bảng đề cương chi tiết

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ:

- HS chuẩn bị, lập đề cương chi tiết cho bài trình bày báo cáo kết quả nghiên cứu về một vấn đề

- Sau khi lập dàn ý xong, HS có thể tập thuyết trình trước bằng cách:

+ Đứng trước gương để tập thuyết trình (nếu chuẩn bị ở nhà)

Tự điều chỉnh giọng điệu, ngữ điệu, nét mặt…. cho phù hợp để tạo sức hấp dẫn cho bài nói.

Em có thể nhờ bố mẹ quay lại video bài tập luyện của mình để xem lại,

vấn đề	chính thông qua hệ thống luận điểm, có các dữ liệu, bằng chứng.		**Dẫn chứng**	…
		Luận điểm n	**Lí lẽ**	…
			Dẫn chứng	
Kết thúc vấn đề	Khẳng định kết quả nghiên cứu và ý nghĩa của vấn đề nghiên cứu, gợi mở những hướng tiếp theo			…
Tài liệu tham khảo	Ghi rõ tên tác giả, thời gian công bố, tên tài liệu, nơi công bố			…

Đề tài tham khảo 2: Đặc điểm thơ haiku Nhật Bản

Bảng lập đề cương chi tiết:

Đặt vấn đề	Nêu rõ đề tài và vấn đề nghiên cứu.			Đặc điểm thơ haiku Nhật Bản
Giải quyết vấn đề	Trình bày các kết quả nghiên cứu chính thông qua hệ thống luận điểm, có các dữ liệu, bằng chứng.	**Luận điểm 1**	**Lí lẽ**	…
			Dẫn chứng	…
		Luận điểm 2	**Lí lẽ**	…
			Dẫn chứng	…
		Luận điểm n	**Lí lẽ**	…
			Dẫn chứng	
Kết thúc vấn đề	Khẳng định kết quả nghiên cứu và ý nghĩa của vấn đề nghiên cứu, gợi mở những hướng tiếp theo			…

tự điều chỉnh hoặc gửi video cho các bạn trong nhóm để cùng góp ý cho nhau.

+ Tập thuyết trình bài nói cho bạn bên cạnh nghe, góp ý lẫn nhau.

Bước 3: HS báo cáo kết quả và thảo luận

Bước 4: GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ.

Tài liệu tham khảo	Ghi rõ tên tác giả, thời gian công bố, tên tài liệu, nơi công bố	…

Bảng lập đề cương chi tiết cho đề tài tham khảo 1: Bước đầu tìm hiểu đặc trưng ngôn ngữ Thơ mới

Đặt vấn đề	Nêu rõ đề tài và vấn đề nghiên cứu.		Tìm hiểu đặc trưng ngôn ngữ Thơ mới
Giải quyết vấn đề	Trình bày các kết quả nghiên cứu chính thông qua hệ thống luận điểm, có các dữ liệu, bằng chứng.	**Luận điểm 1: Ngôn ngữ và nhiệm vụ lịch sử của Thơ mới**	
		Luận điểm 2: Đặc trưng ngôn ngữ Thơ mới	**Ngôn ngữ Thơ mới mang đậm dấu ấn của chủ thể trữ tình**
			Ngôn ngữ Thơ mới tràn đầy cảm xúc, coi trọng nhạc tính
Kết thúc vấn đề	Khẳng định kết quả nghiên cứu và ý nghĩa của vấn đề nghiên cứu, gợi mở những hướng tiếp theo		
Tài liệu tham khảo	Ghi rõ tên tác giả, thời gian công bố, tên tài liệu, nơi công bố		

Bảng lập đề cương chi tiết cho đề tài tham khảo 2: Đặc điểm thơ haiku Nhật Bản

Đặt vấn đề	Nêu rõ đề tài và vấn đề nghiên cứu.		Đặc điểm thơ haiku Nhật Bản
Giải quyết vấn đề	Trình bày các kết quả nghiên cứu chính thông qua hệ thống	**Luận điểm 1: Thơ haiku hàm chứa triết lý nhân sinh**	**Tương giao và hoà hợp**
			Vô ngã – vô thường
			Bình đẳng
			Tình yêu quê hương, đất nước, con người

	luận điểm, có các dữ liệu, bằng chứng.	**sâu sắc, gần gũi, tinh thần từ ái và lạc quan của của Phật giáo Thiền tông**	**Trực chỉ** **Khoảnh khắc thực tại**
		Luận điểm 2: Nghệ thuật thơ haiku mang dấu ấn của Thiền tông.	
Kết thúc vấn đề	Khẳng định kết quả nghiên cứu và ý nghĩa của vấn đề nghiên cứu, gợi mở những hướng tiếp theo		
Tài liệu tham khảo	Ghi rõ tên tác giả, thời gian công bố, tên tài liệu, nơi công bố		

TRÌNH BÀY BÀI NÓI

a. Mục tiêu: Biết cách tự tin báo cáo kết quả nghiên cứu về một vấn đề trước mọi người

b. Nội dung: HS trình bày sản phẩm sau khi đã lập dàn ý xong.

c. Sản phẩm: Phần trình bày bằng ngôn ngữ nói, giọng điệu của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Bảng kiểm đánh giá bài nói: Trình bày báo cáo kết quả nghiên cứu về một vấn đề			
Người thuyết trình:…….. **Người nhận xét:…….**			
TIÊU CHÍ	**Chưa đạt** **(0 điểm)**	**Đạt** **(1 điểm)**	**Tốt** **(2 điểm)**
1. Nội dung bài thuyết trình đầy đủ, sâu sắc, thuyết phục	Nội dung sơ sài, chưa nêu được đầy đủ các ý làm sáng tỏ vấn đề cho người nghe hiểu.	Nêu được đầy đủ các ý để người nghe hiểu được vấn đề.	Các ý đầy đủ, sâu sắc, thuyết phục, có quan điểm, suy nghĩ mới mẻ.
2. Phong thái tự tin	Không tự tin, rụt rè.	Đã mạnh dạn trình bày bài nói nhưng cử chỉ, lời nói chưa được tự nhiên, thiếu tương tác với người nghe.	Tương tác, giao lưu tốt với người nghe.

3. Nói to, rõ ràng, truyền cảm	Nói nhỏ, khó nghe, nói lặp lại ngập ngừng nhiều lần.	Nói to, nhưng đôi chỗ lặp lại hoặc ngập ngừng một vài câu.	Nói to, truyền cảm hầu như không lặp lại hay ngập ngừng
4. Sử dụng các phương tiện hỗ trợ: yếu tố phi ngôn ngữ (điệu bộ, cử chỉ, nét mặt, ánh mắt,..) kết hợp hình ảnh, sơ đồ minh hoạ,…phù hợp	Điệu bộ thiếu tự tin, mắt chưa nhìn vào người nghe, nét mặt chưa biểu cảm hoặc biểu cảm không phù hợp.	Điệu bộ tự tin, mắt chưa nhìn vào người nghe, biểu cảm phù hợp.	Điệu bộ tự tin, mắt nhìn vào người nghe, nét mặt sinh động.
5. Mở đầu và kết thúc hợp lí	Không chào hỏi và/ hoặc không có lời kết thúc bài nói.	Chào hỏi và có lời kết thúc bài nói.	Chào hỏi và có lời kết thúc bài nói ấn tượng.
Tổng: ...../10 điểm			

***Thao tác 3: Thực hành nói và nghe** **Bước 1: GV giao nhiệm vụ:** - GV hướng dẫn HS về yêu cầu chung và yêu cầu cụ thể, những chú ý khi thuyết trình và lắng nghe sản phẩm. - GV mời lần lượt từng HS (theo danh sách đã xác lập) lên báo cáo, chú ý duy trì trật tự và nhắc nhở về thời gian. - Tuỳ từng tình huống cụ thể, GV có thể nhắc các em được trình bày báo cáo kết quả nghiên cứu đi lướt hoặc nói kĩ hơn về một số nội dung, mục đích là để	**Bước 3: Thực hành nói và nghe** ***Yêu cầu chung:** **- Người nói:** + Trình bày bài thuyết trình theo dàn ý đã chuẩn bị. + Nói rõ ràng, âm lượng phù hợp; tránh đọc bài viết đã chuẩn bị sẵn; sử dụng các phương tiện phi ngôn ngữ đi kèm (điệu bộ, cử chỉ, ánh mắt; hình ảnh, sơ đồ minh hoạ,…); đảm bảo thời gian quy định. + Đảm bảo sự thống nhất giữa giữa nội dung với hình thức; các phương tiện hỗ trợ thuyết trình phù hợp. Chú ý cách diễn đạt tạo sự hấp dẫn về bài báo cáo kết quả nghiên cứu về một vấn đề ,… + Trả lời các câu hỏi của người nghe (nếu có). **- Người nghe:** + Lắng nghe, xác định và ghi lại các thông tin chính của bài thuyết trình, những nội dung cần trao đổi thêm. + Thể hiện thái độ chú ý lắng nghe; sử dụng các yếu tố cử chỉ, nét mặt, ánh mắt để khích lệ người nói. + Hỏi lại những điểm chưa rõ (nếu cần); có thể trao đổi thêm quan niệm cá nhân về nội dung của bài thuyết trình. ***Yêu cầu cụ thể:**

gây sự chú ý, tập trung cho cả lớp. Còn những HS khác lắng nghe, quan sát, theo dõi và điền vào **bảng kiểm đánh giá bài thuyết trình** cho bạn (mẫu phía trên) - HS tiếp nhận nhiệm vụ. **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ được phân công** **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận** **Bước 4: GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ.**	• **Người nói:** - Tham khảo bài báo cáo nghiên cứu 1 - Tham khảo bài báo cáo nghiên cứu 2 - Các bài báo cáo nghiên cứu mà cá nhân hoặc nhóm đã chuẩn bị • **Người nghe:** Trong khi nghe bạn thuyết trình, cần: - Có thái độ tôn trọng, đặc biệt quan tâm đến cảm xúc của người thuyết trình. - Ghi chép những ý tưởng trong bài thuyết trình đã khiến mình thực sự thấy hứng thú, những điểm bạn còn băn khoăn, muốn trao đổi. - Chú ý đến phong thái của người thuyết trình (ví dụ: sự tự tin, khả năng điều tiết giọng nói, ngôn ngữ, cử chỉ,…)

Bài tham khảo bài báo cáo nghiên cứu 1:

BƯỚC ĐẦU TÌM HIỂU ĐẶC TRƯNG NGÔN NGỮ THƠ MỚI

Trong tiến trình văn học Việt Nam, Thơ mới (1932 – 1945) được xem là "cuộc cách mạng thi ca chưa từng có trong lịch sử văn học dân tộc". Cuộc cách mạng trong Thơ mới là kết quả của sự thay đổi về hệ hình tư duy, thay đổi về cảm nhận, về vị trí của chủ thể sáng tạo trong tương quan với thế giới, trong đó có sự thay đổi của ngôn ngữ thơ. Đến nay đã có không ít công trình nghiên cứu, tìm hiểu Thơ mới ở những góc độ khác nhau. Vấn đề ngôn ngữ Thơ mới cũng là tâm điểm của nhiều công trình khoa học. Bài viết của chúng tôi hướng đến những nét đặc trưng phong cách ngôn ngữ của Thơ mới, khẳng định đóng góp của Thơ mới đối với sự phát triển của ngôn ngữ văn học Việt Nam thế kỷ XX .

1. Ngôn ngữ và nhiệm vụ lịch sử của Thơ mới

Ngôn ngữ là yếu tố thứ nhất của văn học (Goocki). Khi đi vào tác phẩm văn học, nó "là một sự phân tầng khác" của "ngôn ngữ tự nhiên", "tương xâm" nhưng không đồng nhất với "ngôn ngữ tự nhiên" (I.Lotman). Nếu "ngôn ngữ tự nhiên" thường mang tính ổn định, thì ngược lại ngôn ngữ văn học đặc biệt là ngôn ngữ thơ với tư cách là "mã" nghệ thuật lại luôn thay đổi. Mỗi thời đại, mỗi trào lưu văn học, mỗi tác giả thường "sở đắc ngôn ngữ" của mình để mang đến một "thực tại" và hình thức mới trong sáng tạo nghệ thuật. Cũng vì thế, ngôn ngữ văn học biến đổi không ngừng. "Nó không biến đổi theo kiểu đột phá, mà diễn ra trong cả một quá trình" [5, 927]. Hơn nữa ngôn ngữ văn học của một thời kỳ lớn thường gắn với đặc trưng tư

duy hình tượng của thời đại sản sinh ra nó, là bản kí thác tâm trạng, ý thức thẩm mỹ, luân lí, chính trị thời đại.

Trong tiến trình văn học Việt Nam, Thơ mới (1932 – 1945) được xem là cuộc cách mạng thi ca chưa từng có trong lịch sử văn học dân tộc, đáp ứng nhu cầu của tầng lớp công chúng độc giả mới. Thành tựu của Thơ mới đã góp phần quan trọng vào quá trình hiện đại hóa văn học Việt Nam, tạo nên sự cách tân đồng bộ, toàn diện, sâu sắc trên mọi lĩnh vực của đời sống văn học. Về phương diện ngôn ngữ nghệ thuật, Thơ mới được đánh giá là: "trào lưu thơ mở đầu sự thay đổi ngôn ngữ trong giai đoạn 1932 – 1945, là một hiện tượng rất mới của ngôn ngữ văn học Việt Nam thế kỷ XX" [5, 899].

2. Đặc trưng ngôn ngữ Thơ mới

2.1. Ngôn ngữ Thơ mới mang đậm dấu ấn của chủ thể trữ tình

Về bản chất, thơ trữ tình là phương thức biểu hiện trực tiếp các trạng thái cảm xúc và suy tư của nhà thơ trước các hiện tượng đời sống. Trong đó, tính chất cá thể hóa của cảm nghĩ và tính chất chủ quan hóa của sự thể hiện là những dấu hiệu tiêu biểu của thơ trữ tình. Vì vậy thơ trữ tình đã được khẳng định là "vương quốc chủ quan" (Biêlinxki), là "sự biểu hiện và cảm thụ của chủ thể" (Hêghen). Tuy nhiên không phải lúc nào đặc trưng này của thơ cũng được bộc lộ rõ.

Trong tiến trình văn học dân tộc, thơ trữ tình đã có bề dày lịch sử gắn với dòng chảy bốn ngàn năm của thơ trữ tình dân gian và hàng ngàn năm của thơ trữ tình trung đại. Song thơ trữ tình dân gian là sản phẩm của tập thể, hiển nhiên yếu tố chủ quan bị triệt tiêu. Chủ thể trữ tình thường xuất hiện qua cách xưng hô phiếm chỉ như: *anh - em (Anh buồn có chốn thở than – Em buồn như ngọn nhang tàn thắp khuya), thiếp – chàng (Thiếp xa chàng như rồng nọ xa mây – Như chim chèo bẻo xa cây măng vòi), mình – ta (Mình nói với ta mình vẫn còn son – Ta đi qua ngõ thấy con mình bò ...).* Cách xưng hô đó khiến bất kỳ ai cũng có thể trở thành chủ thể trữ tình khi người đó ngân lên lời ca với niềm đồng cảm.

Ở thơ trung đại, phạm vi chủ quan là chí hướng, hoài bão, nó hướng con người nhìn vào một miền lý tưởng để ngợi ca và khẳng định. Ý thức chủ quan luôn vươn tới sự hòa hợp giữa chủ thể và khách thể, những thủ pháp, kỹ thuật ngôn từ cũng nhằm hướng tới sự đồng hóa trên. Chủ thể trữ tình ít khi xuất hiện trực diện mà thường ở trạng thái vô nhân xưng dẫu tâm trạng được nói đến là của một cá nhân. Mượn sự chảy trôi của thời gian Nguyễn Trãi đã nói nỗi buồn trống trải một cách thấm thía, sâu sắc:

Việc cũ ngoái đầu còn đâu nữa
Đến dòng viễn cảnh dạ bâng khuâng
(***Cửa bể Bạch Đằng***)

Còn đây là nỗi niềm của Nguyễn Du khi ý thức sự nhỏ nhoi của con người trước thời gian, trước vũ trụ:

Gió thu xế bóng lòng quá rộn

Nước chảy mây bay nghiệp bá mờ

(***Trông vời nước Sở***)

Tuy nhiên khi biểu đạt tâm trạng dấu ấn cá thể đã bị mờ nhòa. Đấy cũng là nét đặc trưng của thơ trữ tình trung đại. Sự thiếu vắng chủ từ biểu thị chủ thể khiến lời thơ trở nên mơ hồ phiếm chỉ. Lời thơ như là "không của ai cả" (Trần Đình Sử). Ngôn ngữ thơ là ngôn ngữ siêu cá thể theo qui luật đối, niêm, vận… Bút pháp thơ trung đại mang tính chất gián tiếp đầy ngụ ý, kí thác.

Đến Thơ mới dòng ý thức chủ quan của chủ thể được bộc lộ một cách trực tiếp. Trước hết nó thể hiện ở sự tự khẳng định của ý thức cá nhân. Có thể nói lần đầu tiên trong lịch sử văn học, ý thức cá nhân được bộc lộ một cách đầy đủ. Trong rất nhiều biểu hiện của ý thức cá nhân, cái tôi chủ thể Thơ mới khát khao bộc lộ "thành thực" cảm xúc, được nói lên "sự thật" của tâm hồn bằng tiếng nói riêng của mình. Sự thức tỉnh của ý thức cá nhân đã tạo cho cái tôi trữ tình trong Thơ mới một tư thế mới. Các nhà Thơ mới đã lấy *cái tôi* – một cái tôi *đầy cảm xúc* làm điểm tựa để nhìn ngắm thế giới. *Ngôn ngữ Thơ mới đã được chủ thể hóa cao độ,* cái tôi Thơ mới trở thành cái tôi *chủ ngữ.* Các nhà thơ mới *tuyên xưng* một cách dõng dạc đầy khẳng định: *Tôi là con chim đến từ núi lạ; Tôi chỉ là một khách tình si; Tôi chỉ là người mơ ước thôi; Ta là một, là riêng, là thứ nhất…* Cấu trúc ngôn ngữ thơ là một yếu tố thể hiện tính chủ thể hóa cao độ của Thơ mới, đúng như Nguyễn Đăng Điệp nhận xét: "Mô hình *danh từ + là + danh từ* trở thành mô hình cú pháp cơ bản khi các nhà Thơ mới tìm cách xác lập và khẳng định vị thế của cái tôi cá thể trong thơ" [6, 211].

Sự khẳng định của ý thức cá nhân đã xác lập nội hàm mới của hình tượng chủ thể trữ tình trong Thơ mới. Một trong những biểu hiện cụ thể của nó là mô hình khái quát kiểu từ ngữ chỉ sự sở hữu qua công thức: *của + chủ thể* và sự xuất hiện với tần số lớn những từ ngữ nhấn mạnh sự sở hữu trong thơ. Thế Lữ ví mình như "khách tình si", ham mê, đắm đuối trong "vẻ đẹp muôn hình, muôn thể". Người nghệ sĩ mượn cây bút "nàng Ly Tao", mượn "cây đàn ngàn phím" để rung lên nốt nhạc lòng. Từ những cảm xúc lãng mạn riêng tư, những nhu cầu, những đòi hỏi, trong khát khao được thành thực là sự bộc bạch niềm yêu đến mê say cái đẹp. Người nghệ sĩ là người có nhiệm vụ tôn thờ cái đẹp:

Tôi là một kẻ mơ màng

Yêu sống trong đời giản dị, bình thường,

Cùng với Nàng Thơ tháng năm ca hát,

Chúng tôi quen cảnh mịt mùng bát ngát

Của non cao, rừng cả; cảnh đìu hiu

Chốn đồng xa sương trắng chập chờn gieo

(***Trả lời*** – Thế Lữ)

Từ sự mở đường của Thế Lữ, các nhà thơ mới sau này tiếp tục trải lòng mình. Xuân Diệu cũng say sưa khẳng định:

Là thi sĩ nghĩa là ru với gió

Mơ theo trăng và vơ vẩn cùng mây

Để linh hồn ràng buộc với muôn dây

Hay chia sẻ bởi tình yêu mến

(***Cảm xúc –*** Xuân Diệu)

Ở đây hình thành mối quan hệ giữa nhà thơ và cái đẹp. Nhà thơ là người sở hữu cái đẹp:

Nhà thi sĩ nâng niu bầu cảm xúc

Của trời mây đúc lại mấy lời hoa

(**Trả lời** – Thế Lữ)

Hồn trăng gió hãy nghe chàng kể lể

Hồn của người là hồn của người thơ

(***Mai sau*** – Huy Cận)

Ý niệm sở hữu qua cách biểu hiện trên khoác lên mọi sự vật hiện tượng màu sắc chủ quan của chủ thể trữ tình.

2.2. Ngôn ngữ Thơ mới tràn đầy cảm xúc, coi trọng nhạc tính

Bản chất của thơ trữ tình cho phép chủ thể bộc lộ một cách trực tiếp cảm xúc, tâm trạng. Tuy nhiên dưới thời trung đại nét bản chất này của thơ trữ tình chưa có điều kiện để bộc lộ. Với quan niệm "nói chí", "tỏ lòng", thơ trữ tình trung đại hướng người đọc vào một miền lý tưởng, hoài bão, điều họ muốn bộc lộ là cảnh ngộ, là vị thế của mình, qua đó tâm trạng được kí thác. Trần Đình Sử cho rằng bài *Đêm thu* của Nguyễn Du "nổi bật kiểu trữ tình này":

Già về tóc bạc thương cho gã,

Nán mãi non xanh chửa chán người

Khổ nhất bên trời thân khách mỏi

Suốt năm nằm bệnh quế giang hoài

"Ở đây mấy chữ "gã", "người", "khách" đều là từ Nguyễn Du chỉ bản thân mình. Nhà thơ khách thể hóa mình trong một trạng huống nào đó rồi bộc lộ cảm xúc, tình cảm của mình đối với người đó, đó là cách trữ tình rất đặc trưng của thơ trung đại". Ông nhận xét: "Do đặc điểm

này mà thơ cổ điển không biết đến cách thổ lộ và trực tiếp trút xả nguồn cảm xúc dạt dào theo kiểu lãng mạn" [10, 154].

Sự phát triển của Thơ mới chính là bước cải tạo hết sức quan trọng của thơ trữ tình Việt Nam. Tiếp xúc với luồng sinh khí mới từ phương Tây, tư duy, cảm xúc của các nhà thơ mới có những thay đổi. "Tư duy thơ hướng vào phía trong để phân tích cảm giác, trình bày các trạng thái tình cảm" [5, 899]. Chủ trương đào sâu nội cảm, các nhà thơ mới đã hữu hình hóa những vi diệu của đời sống tâm hồn. Thơ mới bộc lộ một cách trực tiếp tất cả mọi cung bậc và sắc thái của tình cảm: vui, buồn, hờn, giận, thiết tha, say đắm, mộng mơ, cay đắng, xót xa.... Đây cũng là xu hướng chính của Thơ mới ở giai đoạn đầu phát triển. Ngôn ngữ Thơ mới mang đậm dấu ấn của chủ nghĩa lãng mạn.

Cái tôi trữ tình trở về đúng nghĩa của nó – một cái tôi *cảm xúc*. Có thể xem ***Cây đàn muôn điệu*** của Thế Lữ, ***Cảm xúc*** của Xuân Diệu... như tuyên ngôn của các nhà thơ Thơ mới. "*Muôn điệu"* chính là sự đa dạng trong trạng thái cảm xúc của các nhà thơ Thơ mới.

Sự đa dạng của cảm xúc hiện ra trong từng "mao mạch" của thế giới ngôn từ. Trong chặng mở đầu, ngôn ngữ Thơ mới thường mang theo cái rạo rực, mê say tạo nên những khúc ca vui, niềm hy vọng với chất lãng mạn say người... Càng về sau, cảm xúc của các nhà thơ Thơ mới thăng hoa theo nhiều ngả khác nhau, nó tựa như những con sóng tràn bờ và vỗ miên man một giai điệu buồn với những màu sắc khác nhau để trở thành một tổng phổ nhiều cung bậc.

Có khi là những từ ngữ diễn tả nỗi buồn nhẹ mà man mác bâng khuâng: *Tiếng đưa hiu hắt bên lòng – Buồn ơi xa vắng mênh mông là buồn* (Thế Lữ); *Êm êm chiều ngẩn ngơ chiều – Lòng không sao cả hiu hiu khẽ buồn* (Xuân Diệu); *Gió theo lối gió mây đường mây – Dòng nước buồn thiu hoa bắp lay* (Hàn Mặc Tử)... Có khi là những từ ngữ thể hiện nỗi buồn đến độ nhức nhối, đau đớn: *Tiếng gà gáy buồn như máu ứa – Chết không gian khô héo cả hồn cao* (Xuân Diệu); *Trời ơi chán nản đương vây phủ - Ý tưởng hồn tôi giữa cõi tang* (Chế Lan Viên).

Năng lượng cảm xúc trong ngôn ngữ dồi dào khiến các nhà thơ mới phá tung những khuôn hình chật hẹp và gò bó của câu thơ, nhịp thơ trung đại. Kiểu câu thơ "ý tại ngôn ngoại" không còn phù hợp cho "cảm xúc tràn bờ" của các nhà thơ mới. Câu thơ không còn gò theo khuôn hình cố định mà trở thành dòng tâm trạng, nó tuôn chảy theo cảm xúc; nhịp thơ chảy tràn qua các dòng thơ:

Tôi muốn sống cuộc đời thi sĩ, để
Dốc chén mơ màng nhưng chỉ thấy chua cay

(***Lựa tiếng đàn*** – Thế Lữ)

Ngôn ngữ thơ trung đại đạt đến độ tinh tế, vi diệu trong cảm nhận thị giác và thính giác của chủ thể trữ tình. Ngôn ngữ Thơ mới đã làm giàu có hơn nguồn cảm xúc đó. Các nhà thơ mới đã "*Sống toàn tâm và thức nhọn các giác quan"* để cảm nhận cuộc sống và những rung động của tâm hồn. Đặc biệt, các nhà Thơ mới rất coi trọng nhạc tính của ngôn ngữ thơ; dùng nhạc thơ để biểu hiện tiếng "nhạc lòng".

Xuân Diệu đã lấy câu thơ nổi tiếng của Baudelaire: "Les parfums, les couleurs et les respondent" (Những mùi hương, những màu sắc, và những âm thanh đáp ứng với nhau) [5,136] làm đề từ cho bài thơ ***Huyền diệu***.

Sự bùng nổ cảm giác của Xuân Diệu qua bài ***Huyền diệu*** bộc lộ trạng thái náo nức đến đắm say của một tâm hồn nồng nhiệt, thiết tha giao cảm với đời. Năng lượng cảm xúc được dồn nén đến mức tối đa nhà thơ cảm nhận "khúc nhạc" bằng cả thính giác, thị giác, khứu giác. Sự "tương ứng cảm giác" đưa chủ thể trữ tình vào "*thế giới của Du Dương*" để "*Âm điệu thần tiên thấm tận hồn*". Sau tất cả sự ngân rung của khúc nhạc huyền diệu là sự huyền diệu của trái tim, tiếng nhạc đã ngừng im mà tiếng lòng vẫn vang ngân:

Rồi khi khúc nhạc đã ngừng im
Hãy vẫn ngừng hơi nghe trái tim
Còn cứ run hoài như chiếc lá
Sau khi trận gió đã im lìm

Huyền diệu rất tiêu biểu cho tiêu chuẩn mà thi phái tượng trưng đòi hỏi: "âm nhạc trước hết mọi thứ" (Veclen), *mỗi từ, mỗi chữ phải là một nốt nhạc làm nên bản giao hưởng của tâm hồn*.

Biểu hiện tính nhạc trong ngôn ngữ thơ của các nhà Thơ mới rất phong phú, đa dạng. Nhạc thơ Bích Khê thường du dương, trầm buồn với cách tạo âm và ngôn từ khá đặc biệt:

Lá vàng rơi
(Tôi khóc, anh ơi!)
Đàn rung tiếng
Người yêu đương ngồi…
Trăng vàng rơi,
(Tôi khóc, anh ơi!)
Đàn nghẹn tiếng
Người yêu dậy rồi…

Nếu ***Thi vị*** tạo nhạc bằng điệp khúc, điệp từ thì ***Tỳ bà, Mộng cầm ca, Nghê thường, Tiếng đàn mưa*** tạo nhạc bằng sự hòa phối của thanh điệu (sử dụng chủ yếu thanh bằng).

Trong ***Đàn ngọc***, Hàn Mặc Tử lại tạo nhạc thơ bằng cách kết hợp các từ láy có cung bậc thanh điệu khác nhau để diễn tả những thái cực của "khúc nhạc lòng" dâng cao hoặc trầm lắng:

Nàng! Lạy Nàng! Hãy nghe tôi cầu khẩn:

Hãy khoan tay cầm lại trí tương tư

Đang chờn vờn trong nguồn sáng ngất ngư

Đang lướt mướt ở trong màu hoa lệ

Tiếp thu phương Tây, các nhà thơ mới chủ trương một quan điểm mở giới hạn "*vô biên và tuyệt đích*" cho thơ và giải phóng mọi giác quan để cảm nhận thế giới. Ngôn ngữ Thơ mới cũng *phá tung ước lệ cổ điển để biểu lộ những cung bậc tận cùng của cảm xúc.* Sự cách tân ngôn ngữ Thơ mới đã góp phần làm nên một cuộc cách mạng thơ ca (1932 -1945).

Sự điểm lược trên chưa phản ánh đầy đủ những đổi mới đáng trân trọng (và cả những hạn chế) của ngôn ngữ Thơ mới. Chúng tôi hi vọng sẽ có dịp trở lại để nhìn nhận vấn đề một cách toàn diện và sâu sắc hơn.

……..

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Huy Cận – Hà Minh Đức, *Nhìn lại một cuộc cách mạng trong thi ca (60 năm phong trào thơ mới)*, Nxb Giáo dục 1993.

2. Hữu Đạt, *Ngôn ngữ thơ Việt Nam*, Nxb Giáo dục 1996.

3. Đặng Anh Đào, *Việt Nam và phương Tây tiếp nhận và giao thoa trong văn học*, Nxb Giáo dục 2007.

4. Phan Cự Đệ, *Văn học lãng mạn Việt Nam (1930 - 1945)*, Nxb Giáo dục 1997.

5. Phan Cự Đệ (Chủ biên), *Văn học Việt Nam thế kỷ XX – Những vấn đề lịch sử và lý luận* (Tái bản lần thứ nhất), Nxb Giáo dục 2005.

6. Nguyễn Đăng Điệp, *Giọng điệu trong thơ trữ tình*, Nxb Văn học 2002.

7. Nguyễn Đăng Điệp (Tuyển chọn), *Trần Đình Sử tuyển tập,* Tập 2, Nxb Giáo dục 2005.

8. Trần Đình Sử, *Thi pháp văn học trung đại Việt nam*, Nxb Giáo dục 2005.

9. Hoài Thanh – Hoài Chân, *Thi nhân Việt Nam* (In lần thứ 14), Nxb Văn học 1998.

10. *Từ điển tiếng Việt* (In lần thứ 5), Nxb Đà Nẵng 1997.

Post by: Vu Nguyen HNUE

Bài tham khảo bài báo cáo nghiên cứu 2:

ĐẶC ĐIỂM THƠ HAIKU NHẬT BẢN

Haiku là thể thơ độc đáo của Nhật Bản. Về quá trình hình thành thơ haiku, có giả thiết cho rằng tiền thân của nó là thể đoản ca (tanka). Đoản ca là thể thơ ngắn mỗi bài có 31 âm tiết chia làm 5 dòng: 5-7-5-7-7. Thể thơ này chiếm ưu thế trong *Vạn diệp tập*- một thi tuyển đồ sộ của

văn học Nhật Bản tập hợp những bài thơ được sáng tác khoảng từ thế kỷ IV đến thế kỷ VIII. Về sau, chúng bị ngắt làm hai để tạo ra những câu thơ 5-7-5 và 7-7 âm tiết. Những câu này được kết hợp đan xen với nhau tạo thành chuỗi dài gồm 36, 100, có khi nhiều hơn nữa những mắt xích, gọi là thể liên ca hài hước (haikai no renga). Chúng có thể do một nhóm thi sĩ hoặc một thi sĩ sáng tác với tư cách nhóm, đề tài là thiên nhiên qua bốn mùa. Thể liên ca thịnh hành ở Nhật Bản vào thế kỷ XIV và XV. Sau đó, các nhà thơ sáng tác những bài thơ 5-7-5 âm tiết độc lập, không đứng trong chuỗi. Đến giữa thời Edo (1600- 1868), thi pháp của loại thơ 17 âm này đã được định hình vững chắc và được gọi là haiku. Trong thế kỷ XVII, thể thơ này phát triển tới đỉnh cao và trở nên lừng lẫy trên thi đàn văn học thế giới với những tên tuổi như Basho, Buson, Issa, Shiki… Đây được xem là thể thơ có dung lượng nhỏ nhất trong nền thơ ca thế giới. Nội dung, thi pháp thơ haiku vô cùng thâm diệu, phong phú, thấm đượm hương vị của Phật giáo Thiền tông nói riêng và tinh thần của văn hoá phương Đông nói chung.

1. Thơ haiku hàm chứa triết lý nhân sinh sâu sắc, gần gũi, tinh thần từ ái và lạc quan của của Phật giáo Thiền tông

Đề tài chủ yếu trong thơ haiku là *thiên nhiên*, được gọi là quý đề (kidai). Thiên nhiên trong thơ haiku thường là những *phong cảnh bình dị, những con vật nhỏ bé*: một con quạ, một con ếch, một con dế, một tiếng ve, một bông hoa dại nở bên bờ dậu… Qua việc chọn đề tài đó, các thi sĩ haiku thể hiện *tình yêu với thiên nhiên*, quay lưng lại với những giá trị mà người đời hằng theo đuổi như quyền lực, của cải, danh vọng… Cảnh vật trong thơ haiku bao giờ cũng là của một *khoảnh khắc thực tại chợt hiện* ra trước mắt nhà thơ. Thời điểm trong thơ được xác định theo mùa nên trong thơ hai ku bao giờ cũng có từ chỉ mùa như xuân, hạ, thu, đông… (quý ngữ trực tiếp) hoặc hình ảnh tượng trưng cho mùa chẳng hạn hoa đào, hoa mai, con ếch… tượng trưng cho mùa xuân; tiếng ve, con ruồi … cho mùa hạ; tiếng dế, trăng, sương… cho mùa thu … (quý ngữ gián tiếp). Đây cũng là một dấu ấn của Thiền tông. Bởi vì Thiền đề cao vai trò của khoảnh khắc thực tại đối với việc tu tập, giác ngộ. Hành giả có thể giác ngộ trong một khoảnh khắc (đốn ngộ). Khoảnh khắc thực tại là tài sản quý giá nhất mà mỗi người chúng ta có được. Vì thế, chúng ta không nên phân tâm, xao lãng vì quá khứ hay tương lai mà đánh mất giây phút thực tại quý giá.

Chủ đề của thơ haiku vô cùng phong phú. Thông qua đề tài thiên nhiên, các thi sĩ haiku thường đề cập đến một số vấn đề như:

Tương giao và hoà hợ :

Theo quan niệm của Phật giáo Thiền tông, vạn vật tồn tại trong một mối tương giao và hoà hợp. Với tầm nhìn có giới hạn, chúng ta chỉ nhìn thấy thực tại hiện tiền. Thực tại ấy phô bày trước mắt ta một vẻ dường như rời rạc và bất động. Mặt đất thật bình yên dưới chân, ruộng

vườn thật cố định sau nhà, núi non thật bất động xa xa... cỏ cây, hồ nước, muông thú hình như chẳng liên quan gì đến nhau. Nhưng thật ra, khung cảnh đó chính là kết quả của vô vàn những mối tương tác kì diệu theo qui luật vận hành của muôn vật - Đạo. Chẳng phải con người cũng là một sản phẩm hoàn hảo của quá trình đó hay sao? Máu mặn hương vị của muối biển, xương cốt tích tụ vôi đá núi non, nước ngọt thấm đọng trong từng tế bào ... Mỗi con người, mỗi sự vật vừa là kết quả, vừa là một phần không thể tách rời trong một quá trình biến dịch không ngừng của vũ trụ. Mỗi sinh thể và phần còn lại của vũ trụ không phải là những thực thể riêng biệt. Mỗi sự vật tồn tại là một giao điểm nối liền những mạch sống cuồn cuộn trải khắp vũ trụ này. Vì vậy con người sống hoà hợp với thiên nhiên, trân trọng môi trường sống - ngôi nhà thân thương của mỗi loài thì tốt hơn là ‘’tranh thấp cao với núi non, so đo rộng hẹp với sông hồ’’.

Một sớm mai, thức dậy ra giếng múc nước để chuẩn bị pha trà sáng, nữ sĩ – ni cô Chiyo nhận thấy:

Một nhành bìm bìm hoa tía

Quấn quanh chiếc gàu

Ta sang nhà hàng xóm xin nước thôi!

Chiyo - (Thanh Châu dịch)

Chỉ sau một giấc ngủ mà điều thú vị đã hiện ra trước mắt nhà thơ. Một nhành dây leo hoa tím tự trong vườn đã bò ra quấn quýt quanh gàu nước. Và nhà thơ, với tâm hồn nhạy cảm, đã nâng niu mối giao hoà gắn bó giữa hai sự vật giản dị ấy. Không nỡ cắt chia tình thân giữa chúng, thi sĩ đành sang nhà hàng xóm xin nước để uống.

Gakoku lại thể hiện triết lí tương giao, hoà hợp của Thiền bằng một hình ảnh thật nên thơ:

Đôi khi

Trên mặt hồ mờ sương

Nổi lên một cánh buồm

Gakoku - (Thanh Châu dịch)

Bài thơ mở ra một không gian mênh mông, mờ ảo: trên mặt hồ mờ sương ẩn hiện một cánh buồm. Tuyệt nhiên trong đó không có bóng dáng của những toà nhà chọc trời như pháo đài cố thủ, tường rào phân chia ngăn cách. Qua con mắt thi nhân, chỉ có một thiên nhiên thuần hậu, êm đềm, dung chứa, hoà hợp. Màn sương mờ bao bọc, nâng niu cánh buồm thoắt ẩn thoắt hiện. Cánh buồm trở thành một phần của thiên nhiên như cá trong nước, như chim trên trời ... Cánh buồm phải chăng là biểu tượng cho vạn vật trong vũ trụ này, chợt đến từ cõi mù sương rồi lại chợt đi vào khoảng sương mù huyền diệu, nhưng là một phần của thế giới, góp phần tạo nên dòng biến dịch âm thầm không cùng của vũ trụ?

Tiếp thu quan niệm hoà hợp của Thiền, thi sĩ lãng du Basho lại luôn luôn bày tỏ tình yêu thiên nhiên say đắm. Nhà thơ có thú vui thưởng rượu, ngắm hoa, để cửa tâm hồn rộng mở cùng vạn vật; tinh tế trước những đổi thay của cỏ cây, đất trời. Vì thế nhà thơ đã lấy bút danh là Basho – nghĩa là cây chuối. Bởi vì đối với thi sĩ, những tàu lá chuối nhạy cảm trước luồng gió, cơn mưa thật giống với tâm hồn thi sĩ mẫn cảm trước gió mưa cuộc đời. Xuất phát từ đó, nhà thơ luôn khao khát hoà mình vào cuộc sống, tìm thấy mối liên hệ giữa bản thể với phần còn lại của vũ trụ :

Ao cũ

Con ếch nhảy vào

Vang tiếng nước xao

Basho - (Nhật Chiêu dịch)

Bài thơ về con ếch là một mã số bí ẩn mà từ khi ra đời không biết đã có bao nhiêu cách giải mã. Ao cũ có thể là một chiếc ao phủ đầy rong rêu nằm trong một khu vườn đã có hàng trăm tuổi ở cố đô Kyoto mà cũng có thể là chiếc ao đời, chiếc ao vũ trụ vĩnh cửu. Con ếch nhỏ đang nhảy vào trong ao nhưng có lẽ cũng là một bản thể nhỏ nhoi đang nhập vào vũ trụ, để tồn tại như một thể hoà hợp và thống nhất với môi trường xung quanh, để cái "ta" tan chảy vào mạch sống đang không ngừng lan toả trong vũ trụ này.

Quê Basho ở tỉnh Shiga gần hồ Nihô – một hồ nhỏ nằm trong hệ thống hồ Biwa (Tì Bà) nổi tiếng của Nhật Bản. Danh thắng hồ Biwa được nhiều người biết đến bởi vẻ đẹp thơ mộng của nó. Vào mùa xuân, hoa anh đào trồng ven hồ nở rộ tạo thành những "đám mây hoa". Mỗi khi gió thổi, những cánh hoa hồng nhạt mong manh rụng xuống mặt hồ. Cảm xúc trước cảnh đẹp như cõi Bồng Lai, Basho viết:

Từ bốn phương trời

Cánh hoa đào lả tả

Gợn sóng hồ Niho

Basho - (Đoàn Lê Giang dịch)

Trong thơ Vi Thừa Khánh đời Đường Trung Quốc, những cánh hoa nhẹ nhàng rơi xuống mặt đất tịnh không tiếng gì:

Đạm đạm trường giang thuỷ

(Sông dài nước chảy lênh đênh)

Du du viễn khách tình

(Dặm nghìn đất khách mối tình mênh mông)

Lạc hoa tương dữ hận

(Hoa kia chia mối hận lòng)

Đáo địa nhất vô thanh

Lúc rơi xuống đất, tuyệt không tiếng gì

(Nam hành biệt đệ)

(Tương Như dịch)

Ấy vậy mà trong cảm nhận của Basho, chúng lại làm cho mặt hồ gợn sóng. Một hình ảnh đơn sơ nhưng rất nên thơ, bay bổng là nơi thi nhân kí thác một triết lí sâu xa – một tư tưởng biện chứng cổ đại: Vạn vật trong vũ trụ tồn tại trong một mối tương giao và hoà hợp. Chúng luôn tác động và chuyển hoá lẫn nhau trong một chu trình bí ẩn bất tuyệt.

Về đặc điểm này, thơ haiku rất gần với thơ tượng trưng phương Tây. Bởi các nhà thơ tượng trưng cũng đã từng cảm thấy: "Những mùi hương, những màu sắc, những âm thanh tương giao với nhau" (Bôđơle)

Vô ngã – vô thường:

Chúng ta, những con người chịu trọng lực của trái đất luôn luôn tâm niệm rằng đây là con tôi, đây là tài sản của tôi, đây là danh dự và vị trí xã hội của tôi ... – tất thảy ta đều muốn thuộc về một cái tôi mà chúng ta tưởng là có và chẳng hề thay đổi. Nhưng Phật giáo Thiền tông bảo rằng cái tôi bất biến, tồn tại tạm thời trong thân xác, có tên họ trong chứng minh thư, trong các loại bằng cấp mà ta luôn muốn xây dựng một pháo đài để bảo vệ an toàn thực chất không hề tồn tại. Cái con người của một phút trước đây đã không phải là cái con người của phút này. Sống trong thế giới ta bà, chúng ta chẳng qua như con thuyền trên biển cả. Mỗi phút giây, một ngọn sóng mới lại xô đẩy chúng ta. Mỗi chớp mắt, chúng ta lại đối mặt với ngọn sóng ấy trong một trạng thái hoàn toàn khác. Biển có khi nắng ấm chan hoà, có khi sóng to gió cả. Vì vậy chúng ta phải sẵn sàng đón nhận cả hạnh phúc cũng như khổ đau giống như cái cây bên bờ biển sẵn sàng đón nhận ngọn gió dịu dàng cũng như phong ba cuồng nộ, chứ không phải mong đợi biển cả đổi thay qui luật biến động của nó để hoà hợp với con thuyền. Hãy sống với thực tại trước mắt như một phần không thể tách chia của biển đời nhân thế luôn biến động không ngừng. Không có cái tôi nào là trung tâm vĩnh cửu của vũ trụ. Nếu cứ ảo tưởng về cái chân ngã bất biến, ta sẽ bị lạc vào bến mê, tham dục, hận thù. Và đó là nguồn gốc của mọi khổ đau. Hãy nhận thức chân lí vô ngã - vô thường, ta sẽ trút bỏ gánh lo âu nặng trĩu lòng ta.

Meisetsu biểu đạt chân lí vô ngã của Phật giáo Thiền tông qua một hình ảnh thú vị:

Có một nhà sư

Đi trong sương mù

Tiếng chuông lắc leng keng

Meisetsu - (Thanh Châu dịch)

Trong màn sương mù mờ mịt, ta có thể nhận thức được không cái gọi là ranh giới xác định sự hiện hữu của nhà sư? Cái bản ngã của nhà sư tan hoà vào hư ảo, thực sự không tồn tại. Cũng như thế cái gọi là chân ngã của bạn, của tôi, của tất cả chúng ta. Tiếng chuông lắc leng keng báo cho ta thức dậy khỏi giấc ngủ "ngã chấp".

Ngắm trời đất trong một đêm mưa, Buson đã chứng kiến một cuộc hội ngộ kì thú nhưng ngắn ngủi giữa những giọt nước đậu trên lá tre và ánh chớp loé sáng trên bầu trời đêm:

Hàng tre rũ

Những giọt nước loé sáng

Trong ánh chớp giăng

Buson - (Thanh Châu dịch)

Hình ảnh lộng lẫy nhưng chẳng vĩnh hằng. Nó chợt hiện lên rồi chợt mất đi như chưa có bao giờ. Vạn vật vốn như thế, vẫn như thế và mãi mãi như thế. Không có gì là hằng thường cả. Chớp loé, hoa nở, chim hót, mây trôi nước chảy ... Tất thảy đều biến đổi từng phút giây theo qui luật thành, trụ, hoại, không. Con người cũng không nằm ngoài qui luật ấy.

Năm Basho 40 tuổi (năm 1884), nhà thơ hành hương đến Kansai. Khi về, thân mẫu của nhà thơ đã qua đời. Người mẹ thân thương của Basho giờ chỉ còn lại một mớ tóc bạc ông cầm trên tay. Đau đớn, cảm thương, nhà thơ viết:

Cầm trên tay

Tan mất, giọt lệ nóng hổi

Sương mùa thu

Basho - (Đoàn Lê Giang dịch)

Bài thơ phác hoạ ba hình ảnh: mớ tóc bạc của mẹ trên tay, giọt lệ nóng hổi, sương mùa thu. Ba hình ảnh tồn tại dường như độc lập với nhau. Nhưng bằng tưởng tượng, ta có thể hiểu sợi dây liên hệ giữa chúng. Cầm trên tay mớ tóc bạc còn lại của mẹ, xót xa, nhà thơ nhỏ những giọt nước mắt nóng hổi muộn màng. Những giọt nước mắt tan nhanh như sương mùa thu. Quý ngữ "sương mùa thu" có thể hiểu như thế. Nhưng cũng có thể là mái tóc mẹ phơ phất như nhuốm màu sương thu. Hay giọt sương thu cũng là giọt đời ngắn ngủi?

Mượn ý thơ Lí Bạch: "*Phù thiên địa giả vạn vật chi nghịch lữ, Quang âm giả bách đại chi quá khách"* (Thiên địa là quán trọ của vạn vật, Tháng ngày là khách qua đường muôn thuở) trong lời tựa bài *Xuân dạ yến Đào lí viên* (Dự tiệc đêm xuân ở vườn Đào lí), thi sĩ hành hương Basho đã nói lên tính chất tạm bợ, vô thường của cuộc đời:

"*Tháng ngày là khách qua đường muôn thuở, Năm qua năm lại âu cũng là người lữ khách".* Với chiếc nón lá, cây trượng và cái đãy đầu đà, Basho đã phiêu bạt nhiều nơi trên đất Phù Tang. Vào buổi xế chiều, trên bước đường lưu lạc, nhìn về phương trời xa thấy đàn chim

rũ cánh về tổ, nghe tiếng chuông chùa từ xa vọng lại, người lữ khách nhạy cảm không khỏi bâng khuâng về thân phận con người như áng mây ngàn, như cánh chim trời bị cơn gió cuốn đi:

Mùa thu năm nay
sao tôi chóng già thế
chim sa ở mây trời
Basho - (Vĩnh Sính dịch)

Tất thảy mọi sinh linh hữu hạn đều không ngừng biến đổi theo qui luật sinh trụ dị diệt. Hãy nhận thức chân lí đó để bước vào cuộc sống đầy bất trắc, đầy ba động với nụ cười trên môi, để có cái tâm thường nhiên, thường lạc, vững tay lái đưa con thuyền vượt qua những đợt sóng gió vô thường.

Bình đẳng:

Cứu cánh tối thượng của Phật giáo nói chung và của Thiền tông là chính quả Niết Bàn (tiếng Sanskrit là *Nirvâna*, tiếng Pali là *Nibbana*). Đó là trạng thái an lạc, an tịnh, mát mẻ của tâm hồn khi ngọn lửa tham sân si bị tịch diệt. Để đạt được thành tựu đó, dòng Thiền Soto của thiền sư Dogen (1200-1253) yêu cầu phải thực hiện hành động thực tiễn: Tham Thiền (Zazen). Tham Thiền để tĩnh tâm chứng ngộ Phật tính vốn có ở trong mình nhằm mang lại bằng an, tự tại ngay giữa những rối ren, xáo động của thời thế. Mọi sinh linh đều có Phật tính. Không cần nhờ một quyền năng tại ngoại nào, chỉ bằng toạ Thiền suy tưởng tất thảy đều có thể chứng ngộ Niết Bàn. Như vậy, dưới cái nhìn của Phật giáo, vạn vật đều bình đẳng như nhau. Phật có thể là anh, là tôi, là láng giềng của chúng ta. Không hạn cuộc riêng loài người. Cỏ cây, hoa lá, chim muông, cầm thú, sông núi ... đều được bao gồm trong công trình giải thoát, nghĩa là trong sự thành đạt Phật quả.

Cái nhìn của Basho trước thế giới thấm nhuần luận thuyết bình đẳng của Thiền. Đối diện với một cơn giông dữ dội của đất trời, nhà thơ cảm thấy mình là một trong bao sinh linh nhỏ bé tồn tại trong vũ trụ này, như cành cây, chiếc lá, như chim rừng, thú hoang:

Muôn vật tung bay
Cả chú lợn rừng lẫn tôi
Cơn giông mùa thu
Basho - (Thanh Châu dịch)

Cũng với cái nhìn như vậy, Basho miêu tả hình ảnh các cô du nữ ở nhà trọ mà ông tình cờ gặp trên ải Ichiburi:

Quán bên đường
Các du nữ ngủ

Trăng và đinh hương

Basho - (Nhật Chiêu dịch)

Hình thức bài thơ thật giản dị. Tác giả chỉ gọi đúng tên lần lượt các hình ảnh, sự vật, không trau chuốt, gọt giũa, không diễn giải lòng vòng. Tuy nhiên bằng cách đó, Basho đã tạo ra mối tương quan bình đẳng giữa những cá thể trong chuỗi hình ảnh: các du nữ ngủ, trăng, cây đinh hương và cả nhân vật trữ tình ẩn mật. Trong cảm quan khoáng đạt của nhà thơ lãng du, không có sự vật nào, con người nào mà bản tính đích thực là hèn mọn, xấu xa, thậm chí ngay cả những cô kĩ nữ, những người bị coi là "đã lặn ngụp dưới đáy sâu cuộc đời''. Khi ngủ, họ trở về với con người đích thực của mình. Vô ưu, vô sở cầu, họ nghỉ ngơi thanh thản bên nhau giữa lòng thiên nhiên hiền hoà, trong sáng. Trở về với bản tính nguyên sơ, tìm thấy sự bằng an trong tâm hồn, họ như hoà làm một với đất trời, trăng sao, hoa cỏ.

Tình yêu thương của thi sĩ Basho còn toả rộng tới những sinh vật nhỏ bé khác. Ông đồng cảm với một chú khỉ con co ro trong cơn mưa lạnh mùa đông:

Mưa đông giăng đầy trời

chú khỉ con thầm ước

có một chiếc áo tơi

Basho - (Đoàn Lê Giang dịch)

Chú khỉ dường như cũng mong có cái áo tơi để che mưa lạnh.

Vạn vật trong vũ trụ hiện hữu với muôn ngàn hình thái khác nhau. Nhưng dù tồn tại dưới dạng thức nào, mỗi sự vật đều thể hiện yếu tính của thực tại vĩnh hằng. Vì thế không thể nói cái này tốt, cái kia xấu, cái này đúng, cái kia sai, cái này thật, cái kia giả ... Những đánh giá đó đều tồn tại một cách chủ quan trong tâm trí chúng ta. Hãy quan sát tất cả với cái nhìn rộng mở, không phán xét, nhận thức trong ta sẽ có sự chuyển biến, tạo tiền đề cho tiềm năng bộc lộ.

Tình yêu quê hương, đất nước, con người

Những bài thơ haiku nhỏ bé thường cũng hàm chứa tình yêu quê hương đất nước lớn lao của các thi nhân. Trong thơ Basho, tình yêu quê hương, yêu những miền quê khác nhau của đất nước được biểu hiện giản dị nhưng có sức lay động sâu xa.

Quê Basho ở Mie. Ông lên sống ở Edo (Thủ đô Tokyo ngày nay) mười năm mới trở về lại thăm quê. Khi còn sống ở Edo, mặc dù đã qua "mười mùa sương" nhưng ông thấy Edo cũng chỉ là nơi "đất khách" quê người, không có gì là gần gũi thân quen. Bản thân ông có cảm giác của một người tha hương. Nhưng khi rời khỏi Edo, trong khoảnh khắc "ngoảnh lại", ông chợt nhận ra rằng, Edo đã để lại biết bao lưu luyến, nhớ thương trong trái tim mình:

Đất khách mười mùa sương

Về thăm quê ngoảnh lại

Edo là cố hương.

(Đoàn Lê Giang dịch)

Biết bao vấn vương, nhớ nhung gửi trong cử chỉ "ngoảnh lại". Chỉ sau cử chỉ ấy, trong tim nhà thơ, tình cảm dành cho Edo đã có sự thay đổi kỳ diệu. Từ nơi "đất khách", Edo đã trở thành "cố hương", nơi lưu giữ những kỷ niệm xiết bao trìu mến không thể nào quên. Với Edo, từ cảm giác của một người lưu lạc tha hương, Basho thấy mình trở thành một người con của Edo. Hoá ra:

Khi ta ở chỉ là nơi đất ở

Khi ta đi, đất đã hoá tâm hồn.

(Chế Lan Viên)

Chân lý được trực nhận trong một khoảnh khắc thực tại qua trải nghiệm của chính nhà thơ. Chân lý vì vậy trở nên chân thực, thấm thía vô cùng. Qua bài thơ, người đọc cảm nhận được tình yêu của Basho dành cho Edo, mảnh đất đã cưu mang, che chở cho ông suốt những tháng năm lưu lạc. Từ bài thơ hiện lên hình ảnh một con người có tâm hồn nhạy cảm, thuỷ chung với những miền quê mình đã đi qua, gắn bó thiết tha với những nơi mình đã sống.

Suốt thời trai trẻ (1666- 1672), Basho sống ở Kyoto (Kinh đô cũ của Nhật Bản). Sau đó, ông chuyển lên sống ở Edo. Hai mươi năm sau, khi trở lại Kyoto, nghe chim đỗ quyên hót, ông cảm xúc viết:

Chim đỗ quyên hót

ở Kinh đô

mà nhớ Kinh đô.

(Đoàn Lê Giang dịch)

Đỗ quyên là loài chim thường hót vào những đêm mùa hạ. Theo điển tích, vua Thục vì mất nước mà hoá thành chim đỗ quyên. Tiếng chim kêu trong đêm hè nghe rất khắc khoải. Trong văn học phương Đông, tiếng chim đỗ quyên tượng trưng cho nỗi nhớ nước, hoài vọng về một triều đại vàng son đã qua:

Nhớ nước đau lòng con cuốc cuốc

(Bà Huyện Thanh Quan)

Tại sao, nhà thơ đang ở Kinh đô, nghe tiếng chim kêu lại nhớ Kinh đô? Đúng là Basho đang ở Kyoto. Nhưng Kyoto hiện tại không phải là Kyoto của hai mươi năm về trước. Hai mươi năm xa cách, cố đô đã có biết bao đổi thay. Nhìn cảnh trước mắt nhà thơ không khỏi chạnh lòng trước những biến cải nương dâu bãi bể của cuộc đời. Tiếng chim đỗ quyên của thực tại gợi tâm trí nhà thơ nhớ tới tiếng chim đỗ quyên mà ông đã nghe hai mươi năm về trước. Cái còn trước mắt khiến người ta ngậm ngùi nhớ tới cái đã mất. Tiếng chim đỗ quyên trong thơ

Basho tương đồng với những áng "mây trắng bây giờ còn bay" trong thơ Thôi Hiệu, với những bông "hoa đào năm ngoái còn cười gió đông".

Tình yêu quê hương, đất nước bộc lộ trong thơ haiku thật dung dị và hàm súc. Chỉ bằng một vài từ ngữ, hình ảnh nhưng nhà thơ đã mở ra cả một trời yêu thương trong trái tim mình.

Tình yêu thương của Basho còn dành cho những con người bất hạnh. Trên đường hành hương, Basho đi qua một khu rừng. Trong tiếng gió mùa thu, nhà thơ nghe văng vẳng một âm thanh não nề không rõ đó là tiếng vượn hú hay tiếng trẻ con bị bỏ rơi đang than khóc. Xót xa, nhà thơ viết:

Tiếng vượn hú não nề
hay tiếng trẻ bị bỏ rơi than khóc?
gió mùa thu tái tê.
(Đoàn Lê Giang dịch)

Bài thơ của Basho đưa người đọc trở về một thời xa xưa ở Nhật Bản cách nay hơn ba thế kỷ. Người nông dân Nhật Bản sống cuộc sống cơ hàn. Vào những năm mất mùa, cuộc sống đói kém, những gia đình sinh nhiều không nuôi nổi đàn con. Họ phải bỏ bớt những đứa trẻ yếu ớt hơn vào rừng để có cơm gạo nuôi những đứa khoẻ hơn khôn lớn, gọi là "tỉa". Gió mùa thu ở Nhật vốn rất lạnh. Cái lạnh của cơn gió càng khiến tình cảnh của những đứa trẻ bị bỏ rơi thêm khốn khổ, đáng thương. Chỉ nghe một tiếng vượn hú não nề, nhà thơ liên tưởng tới tiếng khóc của những đứa trẻ bị bỏ rơi. Trái tim nhạy cảm của nhà thơ rộng mở, đón nhận những âm thanh vang động của đời. Và những thanh âm vang lên từ những số phận khổ đau ấy dội vào tâm hồn nhà thơ, để lại trong đó những dư âm xót xa không cùng. Gió mùa thu tái tê hay chính là nỗi tái tê trong lòng Basho?

Trực chỉ:

Khi sơ tổ Bồ Đề Đạt Ma vượt đại dương sang Trung Hoa thực hiện sự nghiệp giáo hoá mang tính phiêu lưu tột cùng của mình, ngài đã đem đến mảnh đất này một thông điệp hoàn toàn mới mẻ về chân lí giác ngộ của Đức Thích Ca Mầu Ni : "*Bất lập văn tự , giáo ngoại biệt truyền, trực chỉ nhân tâm, kiến tánh thành Phật*". Nghĩa là "*đạo truyền riêng ngoài kinh điển, trực tiếp, không thông qua chữ nghĩa, nhắm thẳng vào nội tâm, kiến chiếu vào tự tánh để thành Phật*"[(1)].

Thực ra, quên hình thức là đặc điểm chung của tôn giáo. Khi chú trọng vai trò của giải thoát tâm linh, hình thức trở nên thứ yếu. Trang Tử chẳng bảo: "*... Lời là cái để chứa ý, hiểu ý thì quên lời. Tôi tìm đâu được người quên lời thì nói với họ*"[(2)]. Chứng ngộ Phật tính Chân Như là cứu cánh tối thượng của Thiền tông. Tuy rằng Phật tính ai cũng có nhưng chứng nghiệm là công việc của mỗi cá nhân, không ai có thể giác ngộ thay. Đó là kho tàng riêng mà mỗi người

phải tự thực hiện hành trình khám phá. Kinh sách chỉ có vai trò như la bàn vạch đường cho người học đạo. Người học đạo nếu mắc phải căn bệnh "mê chấp văn tự'' sẽ giống như một con vượn ngờ nghệch vớt bóng trăng dưới đáy nước, nhầm tưởng bóng trăng là vầng trăng thật sự. Hoặc giống như kẻ "chấp chỉ vong nguyệt" – chấp chước ngón tay chỉ trăng mà quên mất vầng trăng. Phải vượt qua hệ luỵ hình thức để nhắm thẳng tới nội tâm, kiến chiếu vào tự tính thì mới chứng ngộ vầng trăng thực vằng vặc trong tâm: Phật tính Chân Như.

Các thi sĩ haiku cũng luôn luôn cảnh giác trước cơn mê chấp văn tự. Với họ, đời sống và ngôn từ miêu tả đời sống ấy không đồng nhất với nhau, cũng như nét bút vẽ hoa không phải là hoa, hình tượng thờ tượng không là một với thánh thần:

Bướm ơi!

Nét bút chẳng phải là hoa

Chỉ là bóng dáng của chúng mà thôi.

Soseki - (Thanh Châu dịch)

Thần linh đi vắng

Hình tượng nằm trơ

Lá khô dồn đống trước cổng đền

Basho - (Thanh Châu dịch)

Tiếp tục thể hiện triết lí trên, Basho viết:

Biển gầm thét!

Bên trên đảo Sado

Dải Ngân Hà vắt ngang trời.

Basho - (Thanh Châu dịch)

Hai hình ảnh đối lập nhau: biển cả gầm thét, đa ngôn – dải Ngân Hà lung linh lặng lẽ được đặt cạnh nhau tự nó đã nói lên tất cả.

Vấn đề trực chỉ của Thiền tông cũng ảnh hưởng sâu sắc đến một lí tưởng thẩm mĩ của thơ haiku là sabi. Sabi có nghiã là tịch. Cụ thể hơn, "sabi đòi hỏi sự dung dị, sự tự nhiên, sự không ước chế, sự tinh tế, sự tự do". Thơ haiku thường thể hiện tối đa chất sabi thông qua nghệ thuật ám thị. Các nhà thơ thường dùng rất ít chữ để diễn tả tình cảm. Ngôn từ trong thơ haiku - thường dung dị đến mức bí ẩn, khó hiểu - đóng vai trò như một công án Thiền – có tác dụng gợi ý, kích thích mãnh liệt sự khám phá của độc giả, từ đó giúp họ đạt tới trạng thái diệu ngộ giống như trạng thái đốn ngộ Phật tính trong khoảnh khắc của Thiền Rinzai.

Khoảnh khắc thực tại:

Thiền tông đánh giá cao vai trò của trạng thái tập trung vô thức trong khoảnh khắc đối với nhận thức và mọi mặt hoạt động của hành giả nhất là đối với việc toạ thiền. Khi ta hoạt

động mà không bị chi phối bởi những hoài niệm về quá vãng, hay những suy tư về tương lai, chúng ta sẽ thực sự hiện hữu với toàn bộ năng lực sống của mình. Khi đó nhận thức của ta trở nên sắc bén. Thực ra con người chỉ có thể sống trong khoảnh khắc hiện tại. Nhưng chúng ta, với trí tưởng tượng riêng có, thường hay xây dựng một thứ thời gian ảo rồi gọi là quá khứ và tương lai, rồi sa đà vào thứ thời gian trí xảo đó - sản phẩm của trí tưởng tượng của chính ta. Do đó ta phải trả giá bằng khoảnh khắc hiện có: bị xao lãng, bị phân tâm. Thiền tông nhắc nhở ta rằng "*hiện tại là thứ tài sản quí giá nhất, là sự sống thực sự nơi mỗi con người*". Hãy sống với khoảnh khắc thực tại, chúng ta mới thực sự sống và hoà nhập vào dòng sinh hoá triền miên của vũ trụ bằng toàn bộ sinh lực của mình. Hãy như ông lão đánh cá, không chút lơ đãng, thực sự sống toàn tâm toàn ý với khoảnh khắc hiện tại:

Ông lão đánh cá
Chú tâm bất động
Trong làn mưa đêm
Basho - (Thanh Châu dịch)

Hãy sống trọn vẹn với phút giây thực tại để tuệ giác tiềm ẩn trong cơ thể chúng ta có cơ hội hiển lộ một cách trọn vẹn.

Nguyên lí Thiền này cho chúng ta một bài học vô cùng quan trọng về nghệ thuật cảm nghiệm thơ haiku. Lĩnh hội thơ haiku, cũng giống như tham công án (Koan)[3] Thiền, độc giả phải nhập vào cảnh giới hợp nhất trong khoảnh khắc hiện tại. Nghĩa là phải sống toàn tâm toàn ý với bài thơ, thức mọi giác quan nhạy cảm, phải như hành giả khi tham công án *"đem hết ba ngàn sáu trăm khớp xương, tám vạn bốn ngàn lỗ chân lông đúc thành khối nghi tình"* công phá vào bài thơ để đạt tới trạng thái diệu ngộ – giây phút loé sáng của nhận thức trong vùng tri kiến mờ tối của con người.

2. Nghệ thuật thơ haiku mang dấu ấn của Thiền tông.

Thơ haiku là thể thơ có dung lượng nhỏ nhất trong văn học thế giới. Mỗi bài chỉ có 17 âm tiết (thi thoảng có bài 19 âm) ngắt thành 3 đoạn: 5-7-5, có khi viết thành một hàng, có khi xuống hàng, thường cứ hai dòng bắt vần chân với nhau.

Saru wo kiku hito
sutego ni aki no
kaze ikani
Người nghe tiếng vượn kêu
tiếng trẻ bị bỏ rơi
gió mùa thu
M.Ba-sô (Đoàn Lê Giang dịch)

Một đặc điểm nổi bật của thơ haiku là kết cấu hư không. Tranh thuỷ mặc của Trung Quốc, tranh mặc hội (sumye) của Nhật Bản thường rất đơn sơ với một vài đường nét giàu sức gợi. Còn lại là khoảng trống không gian. Gọi là khoảng trống bởi trong khoảng không gian đó ta không nhận thấy bất cứ hình thể hay sắc tướng nào. Tuy nhiên có đáng tin cậy không cái thấy trong phạm vi tri giác của con người? Bởi vì khoảng không gian ấy không phải là chân không trống rỗng tuyệt đối như của tờ giấy trắng hay phông nền trắng tinh. Mà đó là vùng không gian của những hoạt động giao cảm và chiêm nghiệm, bao hàm vô số tiềm năng và sắc thái nằm ngoài các khuôn mẫu nhận thức đời thường của chúng ta. Nó tương đồng với khái niệm "hư không" của Phật giáo Thiền tông. Hư không là cảnh giới tịch lặng trong tâm hành giả lúc nhập định (chứng ngộ Phật tính), không phải là rỗng rang vô tri vô giác. Đó là trạng thái của cái tâm trở về với bản tính ban sơ trong suốt, chưa khởi ý tham lam, sân hận, si mê. Nó có thể được ví như tấm gương trong sáng vô ngần, như cái tâm con trẻ chưa phủ chút bụi bặm, tiềm tàng khả năng phản chiếu, thu nhận vạn vật.

Thâm nhập vào thơ haiku, khái niệm hư không được các nhà thơ sử dụng để kiến tạo nên một nghệ thuật đặc trưng, chủ yếu của thể thơ này*: kết cấu hư không*.

Trong thơ hai ku, thông qua vỏn vẹn 17 âm tiết, thi thoảng có bài 19 âm tiết phân bố thành ba dòng 5-7-5 (5–9–5) với không quá 10 từ, các nhà thơ thường chỉ có thể phác hoạ hay gọi tên một cách khách quan một hoặc một vài hình ảnh hay âm thanh, chứ không thể diễn giải, lí luận dông dài. Những nét chấm phá trong thơ haiku rất giàu tính tượng trưng. Còn lại là những khoảng trống, những khoảng hư không. Ngôn từ cực tiểu đã tạo nên khoảng trống tối đa bên ngoài bài thơ.

Không những thế, ngay giữa những hình ảnh, từ ngữ trong bài cũng thường có khoảng trống buộc người đọc phải tưởng tượng tìm sợi dây kết nối chúng lại.

Chẳng hạn: *Ka/re e/da /ni*

(5) Trên cành khô

Ka/ra/su / no / to/ma/ri / ke/ri

(9) Cánh quạ đậu

A/ki /no /ku/re

(5) Chiều thu

Basho- (Nhật Chiêu dịch)

Do đó thơ haiku thường mời gọi sự tri âm, đồng sáng tác của độc giả. Người đọc phải hoá thân, "lặn sâu vào lòng sự vật" để khám phá điều bí ẩn giấu ở đó. Phương pháp cảm nghiệm thơ haiku này tương đồng với phương pháp thể nghiệm của Thiền tông: "*trực chỉ nhân tâm, kiến tánh thành Phật*'' nghĩa là nhằm thẳng vào nội tâm, kiến chiếu vào tự tánh để thành Phật.

Khi đó chủ thể và đối tượng sẽ đồng nhất, đạt đến trạng thái hiểu biết viên mãn: *trạng thái nhất tâm*[(4)]. Từ những khoảng hư không trong thơ, người đọc có thể thả hồn liên tưởng đến những tầng ý nghĩa sâu thẳm, rộng lớn.

Giữa khoảng trống hư ảo của một bài haiku, nhà thơ bao giờ cũng phác hoạ một, hoặc một vài hình ảnh hoặc âm thanh. Hình ảnh hay âm thanh trong thơ haiku thường rất đơn sơ, giản dị tới mức người đời thường dễ lãng quên. Chúng được các thi sĩ chấm phá bằng một vài đường nét đủ sức gợi lên thần thái. Chúng rất giàu tính tượng trưng. Thơ haiku có lý tưởng thẩm mỹ riêng rất tinh tế. Nó đề cao cái tịch lặng (sabi), đơn sơ (wabi) u huyền (yugen); mềm mại (shiori), khinh thanh (karumi), do đó, thơ haiku để lại trong lòng người đọc dư ba nhẹ nhàng, sâu lắng.

NGUYỄN THỊ MAI LIÊN

(Đại học Sư phạm Hà Nội)

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1, Basho, *Lối lên miền Oku,* Vĩnh Sính dịch, Nxb Thế giới, 1999

2, Chimyo Horioka, Siewart W. Holmes, *Thiền trong hội hoạ* Nxb Tổng hợp thành phố Hồ Chí Minh, 2004.

3, Daisetz Teitaro Suzuki *Thiền luận,* quyển Hạ - Nxb Thành phố Hồ Chí Minh, 2001

4, Trang Tử, *Nam Hoa Kinh*, Nxb Văn học 2001

TRAO ĐỔI, THẢO LUẬN VỀ BÀI NÓI

a. Mục tiêu: HS được rèn kĩ năng đánh giá bài nói, kĩ năng nghe, từ đó rút kinh nghiệm cho bản thân khi thực hiện bài nói thuyết trình trước tập thể

b. Nội dung: HS trả lời câu hỏi cá nhân.

c. Sản phẩm: Bảng kiểm đánh giá (tự đánh giá) bài nói, nghe, phiếu đánh giá .

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV giao nhiệm vụ:

- Gọi một số HS trình bày phần nhận xét đánh giá của mình về bài thuyết trình trước lớp của bạn. Còn những

III. Trao đổi, thảo luận

Người nói	Người nghe
- *Mở đầu:* Nêu tên và lí do chọn vấn đề nghiên cứu; trình bày ngắn gọn về quá trình thực hiện - *Triển khai:* Trình bày tóm tắt các luận điểm, thông tin chính có trong bản viết theo trình tự hợp lí, kết hợp nhịp nhàng với việc trình chiếu PowerPoint (nếu có). Có thể tổ chức lại nội dung từng luận điểm theo hình	- Theo dõi cách trình bày của người nói, ghi ra giấy những câu hỏi, ý nghĩ nảy sinh trong quá trình nghe. - Hỗ trợ bạn trong việc sử dụng bản trình chiếu (nếu có)

HS khác lắng nghe, quan sát, theo dõi vào bảng kiểm đánh giá bài nói của bạn - HS cả lớp tự đánh giá kĩ năng nói và kĩ năng nghe của bản thân dựa theo bảng gợi ý **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ được phân công** **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận** **Bước 4: GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ.**	thức câu hỏi – lời đáp (vì thực chất của việc nghiên cứu là tìm lời đáp cho những thắc mắc nảy sinh trong quá trình tiếp xúc với đối tượng). - *Kết luận:* Khái quát lại những kết quả nghiên cứu chính; cảm ơn người nghe và tỏ thái độ sẵn sàng tiếp nhận những ý kiến trao đổi đối thoại.	

Lưu ý:

1. Với tư cách người nói bạn hãy tự đánh giá về ý kiến tham gia thảo luận của mình và chia sẻ với người nghe về những thuận lợi, khó khăn khi trình bày ý kiến đó
2. Với tư cách người nghe, bạn phải nêu và phân tích được ưu, nhược điểm của ý kiến phát biểu
3. Để có thể tự đánh giá và đánh giá một cách chính xác về ý kiến thảo luận, cần chú ý các nội dung được nêu trong bảng sau:

PHIẾU ĐÁNH GIÁ				
	Kết quả nghiên cứu và cách trình bày		**Đánh giá mức độ**	
			Đạt	**Chưa đạt**
Vấn đề nghiên cứu	Kết quả nghiên cứu	Chọn được vấn đề có ý nghĩa và gây hứng thú.		
		Vận dụng được các thao tác nghiên cứu cơ bản (hình thành ý tưởng, thu thập, phân tích dữ liệu, rút ra kết luận,…).		
		Đảm bảo sự phù hợp giữa kết quả đạt được với mục tiêu nghiên cứu.		
	Trình bày	Duy trì phong thái tự tin, chủ động.		
		Sử dụng hiệu quả các phương tiện hỗ trợ.		
		Điều chỉnh cách trình bày cho phù hợp với sự chú ý của người nghe.		

3. HOẠT ĐỘNG 3: CỦNG CỐ, MỞ RỘNG (CẢ BÀI 4)

a. Mục tiêu:

- Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập để khắc sâu kiến thức.

b. Nội dung:

- GV giao bài tập cho HS.

- HS hoạt động cá nhân để hoàn thành bài tập.

c. Sản phẩm: Đáp án đúng của bài tập

d. Tổ chức thực hiện:

1. Lập bảng tổng hợp những đặc trưng của sử thi được thể hiện trong hai đoạn trích *Héc-to từ biệt Ăng-đrô-mác* và *Đăm Săn đi bắt Nữ Thần Mặt Trời* trên các phương diện: nhân vật, cốt truyện, không gian, thời gian, người kể chuyện.

(HS thực hiện theo phiếu học tập)

Các yếu tố sử thi	***Héc-to từ biệt Ăng-đrô-mác***	***Đăm Săn đi bắt Nữ Thần Mặt Trời***
Nhân vật		
Cốt truyện		
Không gian		
Thời gian		
Người kể chuyện		

2. Tìm đọc thêm các tài liệu viết về Hy Lạp và Ấn Độ thời cổ đại. Tóm tắt nội dung chính và trích dẫn những thông tin quan trọng trong các tài liệu, có sử dụng cước chú.

3. Lắng nghe một bài thuyết trình về văn hoá, lịch sử Tây Nguyên (ở một hội thảo hoặc trên các phương tiện truyền thông), ghi lại thông tin chính trong bài thuyết trình và phản hồi của bạn về bài thuyết trình đó.

Dự kiến:

Trả lời câu hỏi 1: Phiếu học tập

Các yếu tố sử thi	***Héc-to từ biệt Ăng-đrô-mác***	***Đăm Săn đi bắt Nữ Thần Mặt Trời***
Nhân vật	- Dũng cảm, sức mạnh phi thường, không sợ nguy hiểm, thất bại - Coi trọng danh dự	- Dũng cảm, sức mạnh phi thường, không sợ nguy hiểm, thất bại - Đại diện cho sức mạnh, phẩm chất lí tưởng và khát vọng chung của cộng đồng.
Cốt truyện	- Nhân vật tham gia chiến đấu để bảo vệ thành trì - Có người (vợ) khuyên ngăn	- Nhân vật quyết định một việc lớn lao (đi bắt Nữ Thần Mặt Trời) - Có người ngăn cản, khuyên nhủ

	- Nhân vật vẫn kiên quyết dấn thân không sợ hiểm nguy	- Nhân vật vẫn cương quyết thực hiện hành động của mình - Thất bại nhưng hiên ngang – tư thế anh hùng
Không gian	Không gian sử thi kì vĩ, cao rộng, mang tính cộng đồng, có thể bao quát cả thế giới thần linh và con người (tòa tháp I-li-ông, không gian con đường thành To-roa,…)	Không gian sử thi kì vĩ, cao rộng, mang tính cộng đồng, có thể bao quát cả thế giới thần linh và con người (nơi Nữ Thần Mặt Trời ở, nơi ở của Đăm Par kvây, không gian Rừng Đen)
Thời gian	Thời gian sử thi là quá khứ thiêng liêng, thuộc về một thời đại xa xưa được cộng đồng ngưỡng vọng.	
Người kể chuyện	Thủ pháp trì hoãn thời gian trong sử thi cũng góp phần thực hiện chức năng của thể loại: mô tả được mọi mặt của đời sống cộng đồng. Dường như các nghệ nhân hát kể có sự nhấn nhá, từ tốn, họ không vội vàng diễn kể hết tác phẩm, đi đến đích cuối cùng của sự kiện và chiến công của người anh hùng. Họ muốn tạo ra khoảng thời gian ngừng nghỉ giữa các sự kiện để có thể mô tả các phương diện phong tục, nghi lễ, đời sống của cộng đồng.	

Trả lời câu hỏi 2:

Hy Lạp cổ đại là một nền văn minh thuộc về một thời kỳ lịch sử của Hy Lạp khởi đầu từ thời kỳ Tăm tối của Hy Lạp khoảng từ thế kỷ XII cho tới thế kỷ thứ IX TCN và kéo dài đến cuối thời kỳ cổ đại (khoảng năm 600 Công Nguyên). Tiếp nối giai đoạn này là sự bắt đầu của giai đoạn đầu thời kỳ trung cổ và kỷ nguyên Byzantine[1]. Khoảng ba thế kỷ sau giai đoạn sụp đổ cuối thời kỳ Đồ đồng của nền văn minh Mycenaean, các thành bang Hy Lạp đã bắt đầu hình thành vào thế kỷ thứ VIII trước Công nguyên, mở ra thời kì Hy Lạp cổ xưa và quá trình thuộc địa hóa khu vực Địa Trung Hải. Tiếp theo, đó là thời kỳ Hy Lạp cổ điển, kỷ nguyên này được bắt đầu bằng các cuộc Chiến tranh Hy Lạp-Ba Tư, kéo dài từ thế kỷ thứ V cho đến thế kỷ thứ IV TCN. Nhờ vào các cuộc chinh phạt được Alexandros Đại Đế của Macedonia thực hiện, nền văn minh Hy Lạp hóa đã phát triển rực rỡ trải dài từ khu vực Trung Á cho đến tận cùng phía tây của khu vực biển Địa Trung Hải. Thời kỳ Hy Lạp hóa đi đến hồi kết khi Cộng hòa La Mã tiến hành chinh phạt và sáp nhập các vùng đất nằm ở phía đông khu vực biển Địa Trung Hải, họ đã thành lập ra các tỉnh như Macedonia của La Mã, và sau này là tỉnh Achaea của Đế quốc La Mã.

Nền văn hoá cổ điển của Hy Lạp, đặc biệt là về triết học, đã có một ảnh hưởng mạnh mẽ đến La Mã cổ đại, mà đã giúp truyền bá nó đến nhiều vùng đất khác nhau của khu vực Địa Trung Hải

và Châu Âu. Vì lý do này, nền văn hóa Hy Lạp cổ điển thường được coi là cội nguồn văn hóa mà góp phần tạo ra nền tảng cho nền văn hoá phương Tây thời kỳ cận đại và còn được coi là cái nôi của nền văn minh phương Tây.[1][2][3]

……

1. Maura Ellyn; Maura McGinnis (2004). Greece: A Primary Source Cultural Guide. The Rosen Publishing Group. tr. 8. ISBN 978-0-8239-3999-2.

2. John E. Findling; Kimberly D. Pelle (2004). Encyclopedia of the Modern Olympic Movement. Greenwood Publishing Group. tr. 23. ISBN 978-0-313-32278-5.

3. Wayne C. Thompson; Mark H. Mullin. Western Europe, 1983. Stryker-Post Publications. tr. 337. for ancient Greece was the cradle of Western culture ...

Trả lời câu hỏi 3: Học sinh tự liên hệ, thực hành và nộp lại sản phẩm cho GV nhận xét, đánh giá

4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG (CẢ BÀI HỌC 4)

a. Mục tiêu: HS hiểu được kiến thức trong bài học để vận dụng vào thực tế.

b. Nội dung: HS làm việc nhóm, thảo luận về một vấn đề GV đặt ra.

c. Sản phẩm: Câu trả lời, sản phẩm học tập nhóm của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: (GV giao bài tập)

Đọc thêm các tác phẩm văn học hiện đại mang âm hưởng sử thi hoặc lấy cảm hứng từ các nhân vật, sự kiện, địa điểm trong sử thi (Ví dụ: *Bài ca chim Chơ-rao* của Thu Bồn, *Đất nước* của Nguyễn Đình Thi, *Đất Nước* của Nguyễn Khoa Điềm,...) và nhận xét về ảnh hưởng của thể loại sử thi trong văn học Việt Nam hiện đại.

Gợi ý:

Trả lời câu hỏi :

Đặc trưng của sử thi được thể hiện trong một số tác phẩm hiện đại:

*** Đặc trưng của sử thi được thể hiện trong *Đất Nước* – Nguyễn Khoa Điềm:**

- Sử dụng ngôn ngữ có vần, nhịp
- Kể về những biến cố diễn ra trong đời sống cộng đồng của cư dân: quá trình hình thành và phát triển của đất nước gắn với những quan niệm của nhân dân
- Thể hiện quá trình vận động của dân tộc Việt qua lịch sử đất nước bốn nghìn năm

*** Đặc trưng của sử thi thể hiện trong *Đất nước* – Nguyễn Đình Thi:**

- Sử dụng ngôn từ có vần, nhịp
- Hình thức nghệ thuật ngôn từ dân gian

- Thể hiện quá trình vận động của đất nước trong chiến tranh, lịch sử của cộng đồng: "trời thu thay áo mới", "trời xanh đây là của chúng ta", "những cánh đồng… phù sa", "năm xưa", "những ngày thu đã xa", "những buổi ngày xưa"

*** Ảnh hưởng của sử thi trong văn học Việt Nam hiện đại: thể loại sử thi đã ảnh hưởng tới văn học Việt Nam hiện đại cả về nội dung và nghệ thuật ở nhiều phương diện như:**

- Ngôn từ
- Sử dụng nhiều chất liệu dân gian trong sáng tác
- Cách lựa chọn thể loại
- Cách xây dựng nhân vật
- Cách lựa chọn nội dung và đối tượng trữ tình trong văn bản: đối tượng thường là người anh hùng, chiến sĩ; hình tượng đất nước trải qua khó khăn, máu lửa chiến tranh,...

*** Lưu ý:** Với bài tập này, HS có thể làm việc theo nhóm và báo cáo lại kết quả cho GV dưới nhiều hình thức khác như video, một bài thuyết trình bằng PowerPoint.

DẠY HỌC DỰ ÁN:

GV đề xuất HS thực hiện dự án: Nhà nghiên cứu văn hóa cổ đại

GV chia lớp thành các nhóm để thực hiện nhiệm vụ

Yêu cầu: Sưu tầm, tìm hiểu, viết bài nghiên cứu, tìm các clip về văn hóa cổ đại Hy Lạp và Ấn Độ

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS suy nghĩ, thảo luận để hoàn thành các bài tập dự án.
- HS truy cập Internet hoặc tìm trong sách, báo, trong đời sống để có được những thông tin hay nhất
- Cần chú ý đến tính chính xác của các nguồn tư liệu tham khảo.
- GV khích lệ, giúp đỡ.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- GV hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm cho GV sau khi hoàn thành.
- Báo cáo sản phẩm dự án sau 01 tuần.
- HS báo cáo sản phẩm và thảo luận.

Bước 4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét ý thức làm bài của HS, chất lượng sản phẩm học tập của các nhóm.
- Cho điểm hoặc phát thưởng.

Bảng kiểm đánh giá bài tập dự án

Các tiêu chí	Kết quả	
	Đạt	Không đạt

Tinh thần hợp tác nhóm cao		
Sản phẩm khá phong phú		
Sản phẩm có chất lượng, sinh động, hấp dẫn		
Phần thể hiện tự nhiên, cuốn hút		

Hướng dẫn học ở nhà:

1. Tìm đọc thêm những sử thi Việt Nam và thế giới, nhận xét sức sống của sử thi

2. Vận dụng viết, nói và nghe để tập nghiên cứu một vấn đề

3. Chuẩn bị bài 5: Tích trò sân khấu dân gian

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Sách giáo khoa Ngữ văn 10 *Kết nối tri thức với cuộc sống*, tập 1
- Nội dung công văn 5512/BGD-ĐT.
- Nội dung modul 1, 2, 3 được tập huấn.
- Một số tài liệu, hình ảnh trên mạng internet

RÚT KINH NGHIỆM GIỜ DẠY

……

……

PHÂN TÍCH PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC SỐ CHO HỌC SINH

TT	Tên hoạt động	Tổ chức dạy học	Năng lực số
1	Hoạt động hình thành kiến thức	Yêu cầu HS tìm kiếm tư liệu, xử lý tư liệu và thuyết trình trước lớp.	1.2.NC1a. *Kiểm chứng và đánh giá tính học thuật, độ tin cậy của các nguồn số (bài báo, nghiên cứu, sách điện tử) và xây dựng bài nghiên cứu thuyết trình.* *2.1.NC1b. Trình bày quan điểm một cách hiệu quả bằng cách sử dụng các công cụ/phương tiện công nghệ số (ví dụ: PowerPoint, Canva).* *4.4.NC1a. Giao tiếp và ứng xử có văn hóa, tôn trọng và có trách nhiệm khi sử dụng các công cụ số để trình bày và đối thoại.*

Đoàn Thị Bích Hà